

15 THÁNG 9 NĂM 1968

BACH KHOA

T H Ồ I - Đ Ạ I

ăm mười hai

TỪ TRÌ bầu cử Tổng-thống và nền dân chủ Hoa-kỳ •
NGUYỄN HIẾN LÊ dịch văn ngoại quốc • VÔ PHIẾN
cách mạng và truyền thống • THẾ NHÂN góp ý về văn
đề đại diện thương mại tại Việt-Nam • TRẦN THÁI
ĐÌNH đối tượng và phương pháp khoa Nhân-học cơ
cấu • TRẦN SĨ giáo sư trung học phải chăng là một
công chức • BÙI ĐĂNG cúi mặt • HOÀNG NGỌC
TUẤN buổi chiều Hạ-Lan • BÙI KIM ĐÌNH ngược
chiều • TRẦN HOÀI THƯ những người ở lại • ĐÀO
TRƯỜNG PHÚC rồi chuyển mưa qua • MẠC
LY CHÂU từ ngày đã dựng ngày • LÊ THÀNH
TÔN • quê hương loài chim • Ý YÊN sau chiến
trận • TRẦN HUIỀN ÂN kiếp cây rừng • **SINH HOẠT**
thời sự chính trị • thời sự văn
nghệ • thời sự kinh tế • tại
sao tôi muốn hòa bình.

281



Activité locale accrue sans répercussions générales

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

eczème

Flacon de 8 g à 0,5 p. 100
de delta-hydrocortisone
dans un excipient fluide,
non gras, hydrodispersible

collyze

Flacon compte-gouttes
contenant 3 ml soit 15 mg
de principe actif, d'une
suspension d'acétate
de delta-hydrocortisone
titrée à 0,5 p. 100

gouttes nasales

Acétate de delta-hydro-
cortisone en suspension
aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 76

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H

K H O A T H Ò I - Đ A I

Số 281 ngày 15-9-1968

TỪ TRÌ <i>bầu cử Tổng-thống và nền dân-chủ Hoa-Kỳ</i>	3
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>dịch văn ngoại quốc</i>	7
VÕ PHIẾN <i>cách-mạng và truyền-thống</i>	14
THẾ NHÂN <i>góp ý về vấn-đề Đại-diện thương mại tại Việt-nam</i>	19
TRẦN THÁI ĐÌNH <i>đối-tượng và phương-pháp khoa Nhân-học cơ-cấu</i>	27
TRAN SĨ <i>giáo sư trung-học phải chăng là một công chức ?</i>	35
BÙI ĐĂNG <i>cúi mặt (truyện dài)</i>	39
HOÀNG NGỌC TUẤN <i>buổi chiều Hạ Lan (truyện ngắn)</i>	45
BÙI KIM ĐÌNH <i>ngược chiều (truyện dài)</i>	52
MẠC LY CHÂU <i>từ ngày đã rụng ngày (thơ)</i>	56
LÊ THÀNH TÔN <i>quê hương loài chim (thơ)</i>	58
TRẦN HOÀI THƯ <i>những người ở lại (truyện ngắn)</i>	59
TỪ TRÌ <i>thời sự chính-trị</i>	63
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	66
DUY <i>thời sự kinh-tế</i>	68
THỜI ĐẠI <i>tại sao tôi muốn hòa bình (bài nói chuyện của Ô. Lý Chánh Trung)</i>	69
Ý YÊN <i>sau chiến trận (thơ)</i>	72
TRẦN HUIỀN ÂN <i>kiếp cây rừng (thơ)</i>	73
ĐÀO TRƯỜNG PHÚC <i>rời chuyển mưa qua (truyện ngắn)</i>	74

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ : 30 \$ Công sở Giá gấp đôi

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

SÁCH MỚI

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn các tác-giả, dịch-giả, nhà xuất-bản và tòa soạn đã gửi tặng những sách báo sau đây :

— **Thư ngỏ gửi tuổi đôi mươi**, nguyên-tác « *Lettre ouverte à un jeune homme sur la conduite de la vie* » của André Maurois, bản dịch của Nguyễn-Hiến-Lê. Sách dày 180 trang gồm 17 lá thư, mỗi thư là một đề tài, với phần kết-luận theo thể vấn đáp và Phụ-lục : Thư ngỏ của Alain Mesnard gửi A. Maurois. Bản đặc biệt, giá 90đ.

— **Á-Nam thi-tuyển**, của Á-Nam Trần-Tuấn-Khải do Cảo-Thom xuất bản và gửi tặng. Sách dày 130 trang gồm những bài thơ thuộc các thể, từ Lục bát, Đường luật, Liên hoàn, Ngũ ngôn, Tứ tuyệt, cho đến Ca trù, Ngâm khác, Văn tế... tác giả làm từ 1913 đến khoảng 1948. Bìa và phụ bản của Thái-Tuấn.

— **Giao tế xã-hội** của Nguyễn-Gia-Trường do soạn giả ấn hành và gửi tặng. Tác-giả là vị Giáo-sư lão-thành của Trường Sư-Phạm Saigon, sau khi duyệt xét lại các bài về Giao-tế xã-hội đã soạn và giảng cho giáo sinh của trường, đã cho in tạm bằng ronéo để tặng các bạn đồng nghiệp. Sách dày 68 trang khổ 20 x 26, gồm những chương chính-yếu như : Từ Triết thuyết « Vô thức tập hợp » của C.G. Jung trở về « Tạng thức » trong Duy-thức Phật-giáo ; Giao tế xã-hội ; Từ Chánh trong Phật-giáo v.v. .

— **Máu đào nước lã**, truyện thiếu nhi của bà Minh-Quân do Anh-Huy xuất bản, trong tủ sách Tuổi Hoa, và tác giả gửi tặng. Sách in lần thứ hai, dày trên 130 trang, gồm nhiều hình vẽ, rất hợp với các em nhỏ tuổi. Giá 30đ.

— **Nắng lửa**, truyện dài của Hà-Thủy do Nhân-Chứng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 144 trang gồm Phần I của truyện. Giá 80đ,

— **Thao thức**, tập thơ của Lương Trọng Minh do Nhân Chứng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 60 trang gồm 36 bài thơ. Giá 60đ.

— **Như cỏ như cây**, tập thơ của Minh Huân do Khai-Phá xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách in ronéo tại Viện Đại-Học Dalat gồm 12 bài thơ.

— **Thơ Phạm Thiên Thư**, của Phạm Thiên Thư do Tuệ Hải xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 44 trang, gồm 39 bài thơ ngợi ca : Ngựa, Quê hương, Hoa, Tịch mặc, Mặt trời, Cỏ xe và Tình yêu. Giá 50đ.

— **Tân-văn**, số 4 tháng 8-68, gồm những bài nghiên cứu và phê bình văn học của : Nguyễn văn Xuân, Tam Ích, Trương văn Chình, Võ Phiến, Huỳnh Phan Anh, Tạ Chí Đại Trường, Nguyễn Minh Hoàng, Giản Chi và Lăng Nhân. Giá 30đ.

— **Đồng Nai văn tập**, quyền 20, nguyệt san phát huy văn-hóa dân-tộc, gồm những bài : Thử đặt vấn đề phát triển, Tinh thần đế-quốc Mỹ, Hây vùng đây. Mỗi số 40 trang. Giá 20đ.

— **Việt**, tờ báo vận động văn-học nghệ-thuật về nguồn, số ra mắt (tháng 8-68), thực hiện do sự bảo trợ của phòng Sinh-hoạt, giáo-dục, văn-học, nghệ thuật Đại-học Sư-phạm Huế. Địa-chỉ : Hộp thư số 3, Huế. Mỗi số in ronéo hai mặt, khổ 21 x 26, dày 98 trang gồm những bài khảo-luận, truyện và thơ, của một số cây bút trẻ.

Bầu cử Tổng-thống

và nền dân-chủ Hoa-kỳ

Hoa-kỳ có một nền dân-chủ lớn nhất và lâu dài nhất thế-giới, tuy nhiên chế-độ Tổng-thống Hoa-kỳ lại là một định-chế chính-trị có rất nhiều tính-cách phản dân-chủ. Thật vậy quyền hành-pháp tại Hoa-kỳ được giao phó cho một cá-nhân có toàn-quyền định-đoạt và chỉ bị hạn chế bởi nguyên-tắc phân-quyền. Với đời sống chính-trị của thế-kỷ thứ 20, nhiệm vụ của cơ quan hành-pháp càng ngày càng phức tạp với những tính cách kỹ-thuật càng ngày càng gia tăng. Tổng-thống Hoa-kỳ do đó trở thành một nhân vật tối ư quan trọng. Từ những công việc nội bộ hàng ngày tới các vấn-đề quốc-tế có liên hệ tới tương lai của toàn thể thế-giới và nhân-loại đều do Tổng-thống Hoa-kỳ định đoạt. Như vậy trên lý-thuyết, Tổng-thống Mỹ phải là một nhân vật không những có đủ khả-năng, mà còn phải là một biểu-tượng của ý-chí quốc-gia và nguyện-vọng của dân-chúng.

Nhưng trên thực-tế người ta thấy vị

Tổng-thống Hoa-kỳ không phải là đại-diện của toàn dân. Trái lại với phương-thức bầu cử Tổng-thống hiện thời, người ta thấy Tổng-thống Hoa-kỳ chỉ là đại-diện của một nhóm người. Tuy Tổng-thống do phổ-thông đầu phiếu bầu lên nhưng dân chúng cũng không có sự tự-do chọn lựa. Vì chỉ được chọn giữa hai ứng-cử-viên do các chính-đảng đưa ra, thì quyền lựa chọn của cử-tri thật ra đã bị giảm tới mức tối thiểu.

Tuy vậy Tổng-thống Hoa-kỳ cũng không phải là đại diện của một đảng mà chỉ là đại diện của một nhóm đảng-viên có ảnh-hưởng.

Thế-thức bầu-cử Tổng-thống tại Hoa-kỳ từ năm 1787, khi Hiến-pháp Hoa-kỳ được soạn-thảo, tới nay đã tiến triển rất nhiều. Nhưng sự tiến-triển này chưa có một giai-đoạn nào đi theo hướng dân-chủ-hóa cuộc bầu cử Tổng-thống, mà ngược lại nó còn biến vị Tổng-thống Hoa-kỳ thành sản-phẩm của một quá-đầu chính-trị (oligarchie).

I. TỪ TỔNG-THỐNG DO QUỐC-HỘI BẦU TỚI TỔNG-THỐNG DO DÂN CỬ

Năm 1787, khi Quốc-hội Lập-hiến Hoa-kỳ nhóm họp tại Philadelphie các nhà lập-hiến đã bàn cãi sôi nổi về qui-chế của vị nguyên-thủ Hiệp-chủng-quốc

Hoa-kỳ. Tư-tưởng của Montesquieu đã có nhiều ảnh-hưởng tới quyết-định của Quốc-hội Lập-hiến.

Trong cuốn Vạn-pháp tinh-lý (Espri

des lois), Montesquieu đã đưa chính-thề của Anh-quốc làm dẫn chứng của lý-thuyết phân-quyền. Vì vậy các nhà lập-hiến Philadelphie đều muốn tổ-chức tại Hoa-kỳ những định-chế theo kiểu Anh. Đầu tiên họ đã nghĩ tới thiết-lập một nền quân-chủ và giao quyền hành-pháp cho một quốc-vương. Nhưng vì không một ông hoàng Âu-châu nào chịu nhận lên ngôi cửu-ngũ tại Hoa-kỳ nên các nhà lập-hiến đành phải thiết-lập chức-vụ Tổng-thống dân-cử. Hiến-pháp Hoa-Kỳ do đó dành cho Tổng-thống Hoa-Kỳ một qui-chế tương tự như Vua ở Anh-quốc.

Cách bầu-cử Tổng-thống đã được bàn cãi hết sức sôi nổi. Tại Quốc-hội Lập-hiến người ta thấy có một khuynh-hướng chủ-trương Tổng-thống do dân chúng trực-tiếp bầu lên và một khuynh-hướng chủ-trương Tổng-thống do Quốc-hội (Lưỡng-viện) bầu.

Các nhà lập-hiến đã bác bỏ khuynh-hướng thứ nhất, vì họ phần lớn đều là những phần-tử ôn-hòa nên tỏ ra nghi kỵ dân-chúng. Họ cho rằng nếu để cho nhân dân bầu Tổng-thống tức là nâng tình trạng náo-động hỗn-độn lên hàng định-chế. Ngoài ra Quốc-hội Lập-hiến còn nhận-định một cách rất hợp-lý là cử-tri Mỹ chưa được giáo-dục chính-trị đầy đủ và lãnh-thò Hoa-kỳ quá rộng khiến cho sự lựa chọn không hội được mọi điều-kiện tốt đẹp.

Nhưng các nhà lập-hiến cũng chống đối không kém khuynh-hướng thứ hai. Tổng-thống Hoa-Kỳ có một qui-chế tương đương với Vua Anh-quốc cũng phải có đủ quyền-uy như Vua của Anh-quốc. Nếu để cho Quốc-hội lựa chọn Tổng-thống thì Tổng-thống sẽ bị lệ-thuộc Quốc-hội. Trong trường hợp này nguyên-

tắc phân-quyền của Montesquieu sẽ bị sai lệch.

Sau cùng Quốc-hội Lập-hiến đã đi tới một giải pháp dung hòa hai khuynh hướng trái-ngược. Hiến-pháp Mỹ ấn định một thề-thức bầu-cử Tổng-thống đặc biệt vừa do dân bầu, vừa do Quốc-hội bầu.

Trước hết mỗi tiểu-bang bầu ra một số cử-tri Tổng-thống (électeurs présidentiels). Mỗi tiểu-bang được có bao nhiêu Nghị-sĩ (Thượng và hạ nghị-sĩ) tại Quốc-hội Liên-bang thì được quyền có từng ấy cử-tri Tổng-thống. Các cử-tri Tổng-thống của mỗi tiểu-bang sẽ họp lại để mỗi người được quyền tự do lựa chọn một ứng-viên cho chức-vụ Tổng-thống và một cho chức vụ Phó Tổng-thống. Nếu nhân vật nào thấu lượm được trên toàn quốc đa số thái bán phiếu của cử-tri Tổng-thống sẽ đắc-cử Tổng-thống hay Phó Tổng-thống.

Các cử-tri Tổng-thống trong Liên-bang thường không quen biết nhau. Hơn nữa vào cuối thế-kỷ thứ 18 mọi sự giao-thông và thông-tin đều khó khăn. Vì vậy khi người ta đề cho mỗi cử-tri Tổng-thống đều có quyền đề-cử một ứng-viên thì sẽ có nhiều bất tiện.

Trước hết, nếu một nhân vật nào có đủ uy-tín trên toàn quốc được bầu làm Tổng-thống, thì một nhân vật đối-lập cũng uy-tín không kém có thể được bầu làm Phó Tổng-thống. Trường-hợp này đã thực-sự xảy ra năm 1796 khi John Adams được bầu làm Tổng-thống và Thomas Jefferson, đối thủ chính của Adams, được bầu làm Phó Tổng-thống.

Điều bất tiện thứ hai là nếu mỗi cử-tri Tổng-thống đều có quyền đề-cử một ứng-viên, mà số ứng-cử-viên lại không hạn-định, thì kết quả sẽ là ít khi một

nhân-vật hội đủ đa-số thái bán được dễ dàng. Vì vậy Hiến-pháp Hoa-kỳ đã ấn-định rằng khi không có ai được đa số thái bán thì quyền bầu Tổng-thống và Phó Tổng-thống được trao lại cho Quốc-hội. Trong trường-hợp này hai viện sẽ chọn 5 ứng-cử-viên đã được nhiều phiếu của cử-tri nhất rồi Hạ viện sẽ bầu Tổng-thống và Thượng-viện bầu Phó Tổng-thống.

Sau đó Đạo-luật tu-chính Hiến-pháp thứ 12 (12^e amendement) quyết-định Hạ-viện chỉ chọn một trong ba người được nhiều phiếu nhất và Thượng-viện chỉ chọn một trong hai người được nhiều phiếu nhất.

Theo tinh-thần bản Hiến-pháp 1787 thì thể-thức bầu Tổng-thống do cử-tri-đoàn Tổng-thống thực-hiện chỉ là một trường-hợp đặc-biệt vì ít khi có một nhân-vật đủ uy-tín để có thể thâu được đa số thái bán. Vì vậy các nhà lập-hiến Philadelphie hy-vọng rằng thể-thức bầu Tổng-thống do Quốc-hội thực-hiện sẽ là một trường-hợp thông-thường.

Hệ-thống bầu-cử Tổng-thống do Hiến-pháp Mỹ ấn-định, dù do Quốc-hội hay cử-tri-đoàn Tổng-thống bầu, đều là phản-ảnh của tư-tưởng Montesquieu. Thật vậy Montesquieu luôn luôn nhấn mạnh vai trò chính-trị của các đoàn-thể trung-gian (corps - intermédiaires). Dưới một chế-độ quân-chủ, các đoàn-thể trung-gian là giai-cấp quý-tộc, là thẩm-phán-đoàn v.v... Sự hiện diện của các đoàn-thể này có tác-dụng giới-hạn tính cách chuyên-chế và độc-đoán của nhà Vua. Tại một nước dân-chủ như Hoa-kỳ, các nhà lập-hiến Philadelphie đã cố gắng thành lập những đoàn-thể trung-gian tương tự như tại một nước Anh quân-chủ. Các đoàn-thể này có nhiệm-

vụ giới-hạn sự chuyên-chế của dân-chúng mà các nhà lập-hiến luôn luôn e ngại vì dân-chúng bị họ coi là « huyên-náo, hỗn độn và vô-trách-nhiệm ». Các đoàn-thể này sẽ gồm những phần-tử ưu-tú (élite) để « lọc » ý-chí của quốc-dân. Trong thể-thức bầu-cử Tổng-thống, hệ-thống « máy lọc » (filtre) của ý-chí quốc-dân gồm có hai đoàn-thể trung-gian là cử-tri-đoàn Tổng-thống và Quốc-hội.

Hệ-thống bầu cử Tổng-thống Hoa-kỳ do Hiến-pháp 1787 ấn-định đã được áp-dụng trong khoảng 10 năm nhất là cho hai nhiệm-kỳ của George Washington.

Nhưng đến năm 1800 hệ-thống này đã bắt đầu tiến-triển theo một đường-hướng mới Các cử-tri Tổng-thống, ngoại trừ một người duy nhất đã làm khác, còn tất cả đều ghi vào phiếu bầu hoặc hai tên Adams và Pinckney hoặc hai tên Jefferson và Burr để bầu vào các chức-vụ Tổng-thống và Phó Tổng-thống. Sở dĩ các cử-tri đều chỉ chọn một trong hai liên-danh kể trên vì tại Hoa-kỳ đã xuất hiện hai chính-đảng với một vai trò càng ngày càng lớn : Đảng Liên-bang (Fédéraliste) mà sau này người ta gọi là đảng Cộng-hòa và đảng Cộng-hòa dân-chủ mà sau này người ta gọi là đảng Dân-chủ. Trước năm 1800 hai đảng này đã chi phối hết các cuộc bầu cử và đến năm 1800 các đảng-viên của hai đảng đã thỏa-thuận với nhau chỉ đưa ra một liên-danh ứng-cử-viên Tổng-thống trên toàn quốc.

Từ đó cử-tri-đoàn Tổng-thống chỉ còn giữ một vai trò lý-thuyết đến nỗi đã bị đề-nghị hủy bỏ. Tuy nhiên đến tận bây giờ cử-tri-đoàn Tổng-thống vẫn tồn tại. Thể lệ hiện-hành của cuộc bầu cử Tổng-thống vẫn do các văn-kiến 1787 ấn-định.

Thề-thức Quốc-hội bầu Tổng-thống và Phó Tổng-thống cũng lần lần trở thành thất hiệu (caduc) tuy nó có thể được áp-dụng nếu số ứng-cử-viên Tổng-thống là trên hai người. Nhưng đây là một điều khó có thể xảy ra trong chế-độ lưỡng-đảng hiện thời. Từ trước đến nay, Quốc-hội Hoa - kỳ đã bầu Tổng-thống 2 lần : Năm 1800 Hạ-viện đã bầu Jefferson làm Tổng-thống và năm 1824 John Quincy Adams cũng được bầu theo thề-thức tương-tự. Từ trước đến nay Quốc-hội cũng chỉ bầu Phó Tổng-thống có một lần khi Thượng-ngị-viện bầu Richard Johnson vào chức - vụ này năm 1837.

Từ hơn 150 năm nay, Tổng-thống và Phó Tổng-thống Hoa-kỳ đều do toàn

dân bầu lên. Nhưng nếu hai chức-vụ quan-trọng này gần như được quốc-dân trực-tiếp bầu thì quyền lựa chọn của quốc dân cũng không được rộng lắm. Thật vậy, trong việc lựa chọn Tổng-thống Hoa-kỳ, các chính-đảng trở thành những đoàn-thể trung-gian giới-hạn thẩm-quyền lựa chọn của dân-chúng. Do đó tập tục chính-trị của Hoa-kỳ đã tiến-triển từ sự bầu cử do Quốc-hội hay một cử-tri-đoàn đặc biệt đến sự bầu cử do các chính đảng tham-dự.

(Còn tiếp)

TỪ-TRÌ

Kỳ tới : Từ Tổng-thống do dân bầu tới Tổng-thống do đảng bầu.

'ASPRO'



trị :

CÁM CÚM ĐAU NHỨC



Pub. TÂN-TRÍ

KN 226.BYT

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

DỊCH VĂN NGOẠI QUỐC

Chỉ ít năm nữa, cuộc nội chiến ở nước ta phải chấm dứt. Dân-tộc mình đã đổ máu quá nhiều rồi mà sức chịu đựng của con người thì có hạn. Lúc đó, nếu nhà cầm-quyền mà sáng suốt thì tất thúc đẩy mạnh công việc phổ-thông tân kiến-thức trong dân chúng và loại sách dịch và biên-khảo sẽ được coi trọng. Vì muốn kiến-quốc, muốn nâng cao mức sống của đồng bào thì kiếm được vốn, dựng được xưởng, đào tạo được kỹ-thuật-gia cũng chưa đủ, còn phải làm sao cho mọi hạng người thay đổi lối suy nghĩ, lối làm việc nữa, nghĩa là phải giáo-dục đại chúng, phải mở nhiều trường, soạn và dịch nhiều sách về mọi ngành học thuật.

Công việc soạn và dịch sách này phần lớn sẽ do các sinh-viên du học ngoại-quốc về đảm-nhiệm. Vì họ là những người may mắn hơn cả, được đào tạo kỹ hơn cả. Nhưng họ thường có một nhược điểm : xuất ngoại lâu quá, người thì mười năm, kẻ tới hai chục năm, có ít cơ hội đề giao thiệp với đồng bào, ít thì giờ để đọc sách báo Việt, nên khi mới hồi hương, họ hơi lúng túng và vụng về trong việc sử dụng tiếng Việt. Cho nên muốn truyền-bá cho đồng bào những sở đắc của họ về học-thuật phương Tây, họ cần phải luyện lại tiếng Việt. Công việc đó không khó mà cũng không tốn công : tôi biết một bác-sĩ ở Pháp non mười năm, về nước rồi, những lúc rảnh

chỉ tập viết tiếng Việt trong hai ba năm mà văn của ông thuần-nhã, sáng sủa, trôi chảy, y như văn của những cây viết biên-khảo nổi tiếng. Đã thông-minh lại chịu khó thì kết quả mau lắm.

Cần nhất là phải nhìn nhận điều này : mỗi ngôn-ngữ có một lối phô-diễn tư-tưởng, không thể áp dụng bừa bãi lối phô-diễn của người vào ngôn-ngữ của mình được.

Giữa Việt-ngữ và Hoa-ngữ sự cách biệt không là bao vì cả hai đều thuộc vào loại ngôn-ngữ cách thề (langue isolante) ; nhưng giữa Việt-ngữ và các ngôn-ngữ phương Tây quả là có một bức tường cao. Không phải chỉ phủ nhận bức tường đó là có thể san phẳng nó đi được.

Không những vậy, tâm-hồn của người Âu, Mỹ cũng khác của mình, lối suy nghĩ, nhìn đời của họ cũng nhiều khi khác của mình, và họ có những dụng-ngữ mà chúng ta không có, không thể nào dịch cho thật đúng được (chẳng hạn tiếng gentleman của Anh, tiếng honnête homme của Pháp) ; ngược lại ta cũng có những dụng-ngữ mà họ không có (chẳng hạn tiếng quân-tử, trong Khổng-giáo, tiếng đạo trong Lão-giáo).

Vì những lẽ trên, khi dịch sách phương Tây chúng ta thường phải dịch thoát. Tất nhiên nếu dịch được đúng từng tiếng mà lại đúng cả ý nữa thì càng quý ; nhưng những trường hợp may

mắn như vậy thường hiếm và mười lần thì có sáu bảy lần ta phải tìm hiểu ý của tác-giả rồi quên nguyên-tác đi, suy nghĩ lại theo lối của ta để có thể diễn lại ý đó sao cho hợp với tinh thần Việt-ngữ, có vậy các đồng bào không biết ngoại-ngữ mới hiểu được ta, mới không thấy bỡ ngỡ hoặc chướng tai.

Quy-tắc đó nhiều người nhận là phải nhưng rất ít người theo. Trong loại sách dịch của Sở Tu-Thư Bộ Quốc-gia giáo-dục và của Viện Đại-học Huế, chúng tôi thấy nhiều cuốn lời còn sượng, ý còn tối, chính là vì người dịch chỉ lo dịch đúng từng tiếng mà không chịu dịch cho thoát ý.

oOo

Dịch từ - ngữ

Công việc này rất cần-thiết và cấp-bách vì quốc-dân từ mấy năm nay không ngớt đòi Bộ Quốc - gia giáo-dục phải dùng tiếng Việt làm chuyên-ngữ ở bậc Đại-học. Ở đây tôi không bàn về lối phiên-âm một số danh-từ khoa-học, chỉ xin bàn về lối dịch nghĩa.

Khi dịch nghĩa, nếu ta tìm được trong sổ dụng - ngữ có sẵn của ta một tiếng diễn đúng cái ý trong tiếng ngoại-quốc thì không còn gì bằng nữa; nếu không, ta có thể dùng tạm một tiếng có sẵn mà diễn gần đúng có ý đó. Tỉ dụ: hồi xưa người Trung-Hoa dùng tiếng cách-mệnh có sẵn từ đời thượng-cổ để dịch tiếng revolution của Anh. Nghĩa hai tiếng đó hơi khác nhau. Cách-mệnh là đổi mệnh vua, đổi triều vua (vì vua chịu mệnh Trời, theo quan-niệm thời đó) còn revolution có nghĩa rộng hơn, trở sự lật đổ một chế-độ cũ để dựng một chế-độ mới. Dịch như vậy có lợi là gọn, khỏi lạ tai. Nhưng nhiều khi cũng rất gượng; như tiếng kinh-tế mà người Nhật dùng để

dịch tiếng economy của Anh. Kinh - tế gốc ở từ-ngữ « kinh-bang tế-thế » (sửa nước cứu đời) hoặc ở từ-ngữ « kinh-thế tế - dân » (trị đời giúp dân), nghĩa rộng hơn tiếng economy, vì economy chỉ là một trong những môn học về kinh-bang tế-thế thôi, môn học đó chuyên xét về sự sản-xuất và phân-phối những thực-phẩm, hóa-phẩm... để thỏa mãn nhu-cầu của con người.

Đành rằng dùng lâu hóa quen và ngày nay nói đến môn kinh-tế-học tui ai cũng hiểu ngay nghĩa mới của nó chứ không nghĩ tới nguồn gốc từ « kinh - bang tế-thế » của nó nữa. Nhưng rán dịch cho đúng thì vẫn hơn, muốn vậy ta phải tạo tiếng mới.

Mấy năm trước người ta kể với nhau một giai-thoại trong một kỳ thi Trung-học đệ nhất cấp: một thí-sinh dịch tiếng đá cầu ra pierre pont, đá bóng ra pierre bulle chỉ vì thời đó người ta rất dễ mang lậu vào trường thi những « tự-điền bỏ túi » chỉ lớn hơn chiếc hộp quẹt và thí-sinh đó cứ việc lật ra tra từng tiếng rồi dịch: đá = pierre, cầu = pont, đá cầu = pierre pont. Dịch như vậy quả là tức cười, nhưng nghĩ cho cùng, có bao nhiêu người cầm bút tránh được lỗi kỳ quái đó.

1— Chẳng hạn đọc trong một công-văn thấy có tiếng « phụ-cấp hộ-sinh ». Người nào tạo ra tiếng đó chắc đã mở một cuốn tự-điền Pháp-Việt, tra tiếng indemnité thấy ghi là phụ-cấp, rồi lại tra tiếng maternité thấy ghi là nhà hộ-sinh; thế là cứ việc ghép lại thành phụ - cấp hộ-sinh, mà không hiểu rằng hộ-sinh có nghĩa là đỡ đẻ, tức là công việc của cô mụ; vậy phụ-cấp hộ-sinh là phụ-cấp cho cô mụ mỗi lần đỡ đẻ (điều đó vô lý), chứ không phải là indemnité de maternité:

phụ-cấp cho sản-phụ. Dịch như thế có khác gì dịch đá cầu ra pierre pont đầu.

Mới đây, tôi được đọc trên một tờ báo đứng đắn từ - ngữ này nữa : tinh-dưỡng hộ - sản. Cô mụ đồ ể xong thì được tinh - dưỡng ư? Hết hộ-sinh rồi đến hộ-sản; cũng là hộ nữa.

2— Tôi còn nhớ trên ba chục năm trước một ký-giả Trung-Hoa nào đó dịch tiếng Voie lactée ra là Nguru-nhũ-lộ (con đường sữa bò). Theo thần-thoại Hi-La thì sông Ngân-Hà là do những giọt sữa ở vú nữ-thần Junon (vợ của Jupiter, vị chúa-tể trên trời) bắn vọt ra, phun lên nền Trời khi bà giăng em bé Hercule (cũng một vị thần nữa, con hoang của Jupiter) không cho nó bú. Ký-giả đó thấy tiếng lactée do lait là sữa mà ra, nghĩ ngay đến những hộp sữa bò (vì phương Tây có xuất-cảng sang Trung - Hoa thứ sữa nào khác đâu) và dịch ngay ra là « con đường sữa bò ».

Dịch văn ngoại-quốc chúng ta thường gặp những cạm bẫy như vậy, cho nên phải thận trọng, không thể cứ mở một tự-điền song ngữ ra tra rồi chép hoặc ghép. Phải hiểu nghĩa của tiếng mình muốn dịch, lại hiểu nghĩa tiếng mà mình dùng để dịch, nếu không sẽ mắc những lỗi rất nặng.

— Nhiều khi ta phải chú ý cả tới những tiếng rất tầm thường nữa, chẳng hạn tiếng *entre* của Pháp! Ta vẫn quen dịch tiếng đó là *giữa*; như: *conflits entre la Russie et les Etats Unis* dịch là: xung đột giữa Nga và Mỹ.

Hồi xưa trên tuần báo Ngày Nay đã có người chê dịch như vậy là sai. Vì tiếng *entre* ở đây không trở cái khoảng từ điểm này đến điểm khác, vật này đến vật khác; phải dịch là: Nga - Mỹ xung đột với nhau. Lời đó đúng nhưng cũng

ngay trên số Ngày Nay đó tôi thấy các văn-sĩ danh tiếng đều dùng tiếng *giữa* để dịch tiếng *entre* trong trường hợp như vậy và ngày nay cách dịch đó đã thông-dụng, dầu có muốn sửa cũng không kịp nữa rồi, đành phải chấp nhận vậy và ghi thêm một nghĩa mới cho tiếng *giữa* trong các bộ tự-điền sau này.

Nhưng còn lỗi dùng tiếng *giữa* trong câu dưới đây thì nhất định là hỏng:

3— Giữa tháng tám và tháng mười sẽ có cuộc bàn cãi Lập hiến. Ký-giả nào đó chắc đã dùng một bản thông-tin ngoại-quốc và thấy tiếng *entre* thì dịch ngay ra là *giữa*. Giữa tháng tám và tháng mười là trung tuần tháng chín ư? Như vậy không đúng nghĩa, phải dịch là trong khoảng từ tháng tám đến tháng mười.

— Một tí dụ nữa, tiếng *pour*.

4— Tin đó ra rất trễ để được bình-luận.

« Để được bình-luận », dịch của Pháp: *pour être commenté*. Tôi e độc-giả bình dân không hiểu nổi câu đó. Sao không viết:

Tin đó ra quá trễ, chúng tôi không kịp bình luận.

— Cách dùng tiếng *lệ-thuộc* trong câu dưới đây cũng quá mới:

5— Quốc ngoại công trái nếu có tánh cách trường-kỳ sẽ lệ-thuộc nền kinh-tế của nước kém mở mang đối với nước cho vay.

Ta quen nói: thuộc về, thuộc vào, lệ thuộc vào, chứ không nói lệ-thuộc đối với. Ta lại quen dùng lệ-thuộc theo cái nghĩa bị tùy thuộc (tỉ dụ: nền kinh-tế Việt-Nam lệ - thuộc vào Hoa-kỳ) chứ không theo cái nghĩa: làm cho bị tùy thuộc vào như trong câu trên. Vậy nên viết:

Quốc ngoại công trái nếu có tính cách trường-kỳ sẽ làm cho kinh-tế lệ-thuộc vào nước ngoài.

— Khó nghe nhất là câu này :

6— Anh Trương đành nhận lấy một số tiền xuyên qua tay người thư ký.

Tiếng Việt nghèo nàn đến nỗi không có cách nào diễn một ý thông thường như vậy ư ? Mà tôi cũng chưa từng thấy một người Pháp nào dùng tiếng « à travers » trong trường hợp đó. Lối hành văn không phải Việt không phải Tây ấy, quả là kỳ quái.

— Khi dịch các adjectif của Pháp ta phải cẩn thận vì những tiếng đó thường có nhiều nghĩa. Chẳng hạn :

7— Pays industriel dịch là xứ kỹ-nghệ, mà psychologie industrielle dịch là tâm lý kỹ nghệ thì không được ; phải dịch dài dòng là tâm-lý trong ngành kỹ-nghệ (nghĩa là áp-dụng vào kỹ-nghệ).

8— Esprit scientifique là tinh thần khoa-học, nhưng organisation scientifique thì không phải là tổ-chức khoa-học mà là tổ-chức theo khoa-học (nghĩa là theo phương-pháp khoa-học).

Tuy nhiên tôi cũng nghĩ rằng khi hai môn tâm lý và tổ chức đó đã được phổ biến thì mọi người sẽ gọi nó là môn « tâm lý kỹ nghệ » và môn « tổ chức khoa học » cho tiện vì không còn sợ ai hiểu lầm nữa. Cứ phân tích tiếng psychologie industrielle ra, ta thấy nó rất vô nghĩa mà hiện nay nó cũng đã được thông dụng ở Pháp rồi.

Politique scientifique có hai nghĩa : chính sách về khoa học và chính trị có tính cách khoa học, phải lựa nghĩa nào hợp với cả đoạn văn chứ không thể nhìn chữ mà dịch là chính trị khoa học được.

— Lại có khi một tiếng của mình dùng để dịch hai adjectif của Pháp.

9— Tỉ dụ tiếng xã hội có hai nghĩa là Social và Socialiste. Trật tự xã-hội là ordre social mà nhà văn xã-hội có nghĩa là écrivain socialiste. Và một anh bạn tôi khi đem tác-phẩm lại nha Thông-Tin xin kiểm-duyet — hồi còn Pháp — phải giảng trước cho nhân viên của nha rằng tiếng xã-hội anh dùng có nghĩa là social chứ không phải socialiste mà « đục » oan nó.

Tiếng xã-hội có hai nghĩa như vậy cho nên thường gây những cuộc tranh luận không đưa tới đâu cả. Mỗi người hiểu theo một nghĩa và nói chỉ để cho mình nghe. Chẳng hạn, trong một tờ nhật báo, tôi đọc :

— Anh đừng nói với tôi « luật-lệ ở đâu lúc này cũng đượm màu xã-hội và như thế là thuộc dòng lịch-sử ».

— Luật-lệ nào mà không có tính cách xã-hội ? Sống một mình trên hoang đảo, phỏng còn luật-lệ chẳng ?

.

Có nên tạo thêm một tiếng nữa cho được « danh chính ngôn thuận » không ?

— Sau cùng chúng tôi xin đọc - giả lưu ý đến điểm này mà chúng tôi đã bàn trong cuốn Luyện văn II : Việt-ngữ không có phần từ pháp, một tiếng dùng làm thề-từ hay trạng-từ thì mặt chữ cũng không thay đổi, cho nên muốn dịch ngoại-ngữ cho đúng và rõ nghĩa, thường khi ta phải sửa đổi, thêm bớt một chút.

Tỉ dụ :

10— Un conseil prudent là một lời khuyên thận trọng.

Un conyeil de prudence không thể dịch là một lời khuyên của thận

trọng (1), mà nếu dịch là một lời khuyên thận trọng thì e không rõ nghĩa, có thể lầm với un conseil prudent, cho trên phải dịch là : một lời khuyên nên thận trọng.

Còn adverb *prudemment* thì phải dịch là một cách thận trọng mặc dầu như vậy có hơi dài và nặng.

Tiếng Trung hoa cũng không có phần từ pháp như tiếng Việt cho nên người Trung hoa cũng thấy lúng túng như ta và một vài nhà đã tìm cách giải quyết : dùng tiếng *dịch* 的 để dịch tiếng *de* của pháp, tiếng *of* của Anh ; tiếng *đề* 底 để trở rằng tiếng đứng trước nó là một adjectif, và tiếng *địa* 地 để trở rằng tiếng đứng trước nó là một adverb, chẳng hạn : họ dịch :

activité de la raison = lý - trí *dịch* hoạt - động.

activité raisonnable = lý trí *đề* hoạt động.

il travaille prudemment = tha cần trọng *địa* công - tác.

conseil de prudence = cần trọng *dịch* huấn hối.

conseil prudent = cần trọng *đề* huấn hối.

oOo

Dịch câu :

Phải dịch cho đúng, tất nhiên rồi, nhưng cũng phải dịch cho xuôi. Nhiều người cứ dịch đúng từng tiếng rồi ghép lại cũng đúng theo thứ tự mỗi tiếng trong nguyên văn, thành thử câu văn lúng túng, tối nghĩa, ngây ngô, khổ cho người đọc. Tỉ dụ :

11— Ông E. Stanley nhận xét : Trong một xứ kém mở mang, những viễn tượng về việc thực sự đạt được những kết quả đáng kể trong việc nâng cao mức sinh

hoạt thực của nhân dân còn về mờ mịt khi ta có một sự quan sát thực tế về ảnh hưởng của sự cải thiện cái điều kiện sinh hoạt đối với sự gia tăng dân số.

Trong cuốn thảo-luận về ngữ pháp Việt-Nam chúng tôi đã nói người Pháp có khuynh hướng dùng thể từ thay trạng từ, chẳng hạn họ ít nói : « đề nghị ấy còn đợi chính-phủ duyệt - y » mà nói : « đề nghị ấy còn đợi sự duyệt-y của chính-phủ ».

Câu 11 dùng lối phô diễn ấy, vừa nặng nề vừa khó hiểu. Ta nên diễn lại ý của tác giả theo khuynh hướng dùng trạng từ của ta :

Ông E. Stanley nhận xét: Trong một xứ kém mở mang nếu ta quan sát (2) ảnh hưởng của sự cải thiện các điều kiện sinh hoạt tới sự gia tăng dân số thì ta thấy sự nâng cao mức sinh hoạt của nhân dân chưa chắc đã có những kết quả đáng kể.

Nghĩa là : Trong một xứ kém mở mang, sự cải thiện các điều-kiện sinh hoạt làm cho dân số gia tăng rất mau, nếu mức sản xuất không vượt được mức tăng gia dân số đó thì mức sinh hoạt của nhân dân vẫn thấp như cũ.

— Giọng câu dưới đây mới thật là ngớ ngẩn :

12— Không ai xứng đáng danh hiệu

(1) Tôi đã thấy nhiều người viết : sự tự-do của ngôn-luận, sự tách đôi của ý-thức, sự kết-hợp của các quốc-gia A-Phi, sự tăng cường của quân-lực diêm quan-trọng của các kỹ-sư, vấn-đề của thời gian, vụ ám-sát của Tổng-thống Kennedy... Tôi biết rằng số người đó sẽ mỗi ngày một tăng và trong vài chục năm nữa tiếng của sẽ y như tiếng *de* của pháp, vì tôi thú thực rằng nhiều khi cũng không chống nổi thói dùng tiếng của như vậy.

(2) Chúng tôi không được biết nguyên văn tiếng Pháp và cũng không hiểu « quan-sát thực tế » nghĩa ra sao nên đành bỏ tiếng thực tế ».

kinh-tế gia trời sinh như Stuart Mill. Trong cuốn Tự-thuật, chính ông đã giải thích bằng cách vào thân phụ ông, James Mill, cũng là một kinh-tế-gia, đã dạy ông những áng cổ-văn khi ở tuổi mà các trẻ con khác mới tập đọc.

Giải thích cái gì? Mà giải thích bằng cách vào thân phụ ông là nghĩa làm sao?

Sao không viết:

Trong cuốn Tự thuật, ông kể chuyện rằng ở cái tuổi mà trẻ khác mới tập đọc thì ông đã được thân phụ, James Mill — cũng là một nhà kinh-tế — dạy cho đọc cổ văn,

— Ta nên tránh lối dịch tiếng *par* của Pháp ra: *bằng* hoặc *bởi*; gặp trường hợp đó, phải đổi cách diễn cho thuận tai.

Đừng viết:

12— Trong gia-đình, cậu cho mình là người vui của mọi người chỉ bằng sự có mặt của cậu.

mà viết:

Cậu cho rằng chỉ nội việc mình có mặt trong gia-đình cũng làm cho mọi người vui rồi.

— Cũng đừng viết:

13— Nếu cần thì dùng một danh-từ khác với khẩu hiệu trung lập để khỏi bị cản trở bởi nghi hoặc mà danh từ trung lập xui nên.

mà nên viết:

Nếu cần thì dùng một danh từ khác, tránh khẩu hiệu trung lập đi để khỏi bị nghi ngờ mà công việc khỏi bị cản trở.

— Nếu dịch sát mà thấy lủng túng vì câu khá dài thì đừng ngại gì, cứ cắt ra làm hai. Chẳng hạn:

14— Sự tách đôi của ý thức ấy có thể thành mạnh, trong mấy trường hợp,

đến nỗi trở nên gần như bệnh hoạn, như ở nhà văn Thụy-Sĩ Amiel đã đề cho ta về điểm ấy trong nhật-ký nội tâm của ông những bằng chứng sâu sắc và cảm động.

Tôi không được biết nguyên văn tiếng Pháp, nên chỉ đoán ý mà dịch lại như sau:

Đôi khi ý-thức có thể bị tách đôi ra (?) một cách kịch liệt đến nỗi gần hóa ra bệnh hoạn, tức như trường hợp nhà văn Thụy-Sĩ Amiel. Trong tập nhật-ký nội tâm, ông đã ghi lại những bằng chứng sâu sắc và cảm động về điểm đó.

Tách ra như vậy tôi thấy dễ hiểu hơn là gom lại làm một: Đôi khi ý-thức có thể bị tách đôi ra (?) một cách kịch liệt đến nỗi gần hóa ra bệnh hoạn, tức như trường hợp nhà văn Thụy-sĩ Amiel mà chính Amiel đã ghi lại những bằng chứng sâu sắc và cảm động trong tập nhật-ký nội tâm.

Tất nhiên khi tách ra, dù ý được vẹn thì vẫn có cái gì đó đã thay đổi. Nhưng ta nên nhớ rằng không phải nhà văn ngoại-quốc nào — nhất là những nhà biên-khảo — cũng có một bút pháp cao đâu. Nhiều nhà viết cũng cầu-thả lắm, không thể theo đúng họ từng chút được. Chỉ những khi dịch tác-phẩm của các danh sĩ ta mới cần lột cho được dụng ý của họ trong cách dùng chữ và cấu tạo câu.

— Câu dưới đây mới thật là kinh khủng:

15— Theo câu định-nghĩa do đó không có gì trong tư cách mà không phải là bẩm-sinh ra đối với cá-nhân, cấu-tổ bản-tính nguyên-thủy của nó. Phải loại trừ mọi cái gì là thấu nhận, nghĩa là tất

cả cái gì ở cá nhân, nguyên do tự lịch sử của hắn, hoặc ta đề ý trong lịch sử ấy đến những ảnh hưởng nó đã chịu đựng, như giáo dục, các bài học của kinh nghiệm hay ta lưu ý đến những hậu quả gây ra do tác động tự phát hay cố ý, của cá nhân trên chính mình hắn.

Nhiều người ngán loại sách dịch, không phải là vô cớ. Muốn phổ thông trí thức mà viết như vậy thì không khác gì muốn mời người ta vô phòng mà đi khóa cửa lại.

Đã là bẩm sinh thì là ra đời với cá nhân rồi: rườm. Cái gì cấu tổ bản tính nguyên thủy? Mà bản tính nguyên thủy của nó là của cái gì? Chắc là của cá nhân. Rồi giữa « nguyên do tự lịch - sử của hắn » với « hoặc ta đề ý trong lịch sử ấy » câu văn bỗng mất liên tục, người đọc không hiểu gì cả. « Những ảnh-hưởng nó đã chịu đựng » : chắc nó đây cũng là cá nhân. Nhưng mới hàng trên dịch-giả gọi cá-nhân là hắn ?

Tôi thú thực đã đọc kỹ hai ba lần mà chỉ hiểu được lơ mờ nên không dám sửa lại.

Hiện nay trừ một số tiểu-thuyết còn hầu hết các sách xuất-bản đều là viết cho hạng có học ở thành-thị đọc ; thợ-thuyền và nông-dân không có tiền mua sách mà cũng chưa có nhu-cầu đọc sách. Nhưng nếu họ đọc thì có hiểu được đúng ý ta không ? có thấy bờ ngõ không ? có cảm tưởng rằng ta với họ như không dùng chung một ngôn-ngữ không ?

Cứ dịch như vậy đi : Johnson is told... = Johnson được nói rằng (sẽ đi dự hội-nghị Manille) thì họ có mắng ta là mất gốc cũng đáng.

Dịch như vậy mà dám cho in thành sách để quốc dân đọc thì tôi không hiểu người dịch với nhà xuất bản, ai to gan hơn ai. Đúng là thời loạn !

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Trích trong cuốn « Tôi tập viết tiếng Việt »

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

1433BYT - D.P.Đ.

Cách mạng và truyền thống

Từ hồi nào tới giờ chúng ta chỉ nghe Không-tử dạy thế này Không-tử dạy thế nọ; chưa ai nghe nói Không-tử nằm ngủ ra sao. Dĩ nhiên không phải đức Không chỉ có nói mà không nằm. Lâm-Ngữ-Đường thì ông ta biết rõ cách đức Không ngai nằm ra sao. Tuyệt lắm. « Không bao giờ nằm thẳng cẳng cứng đờ như một cái xác ở trên giường (tâm bất thi), và luôn luôn nằm nghiêng, mình co quắp lại. » (1) Họ Lâm khen ngợi: « Tôi cho rằng quắp chân lại mà nằm là một lạc thú ở đời ».

Đức Không có nói có nằm, mà thiên hạ chỉ chú ý tới lời nói, riêng họ Lâm biết đến tâm quan trọng của cái nằm; thiên hạ chỉ chú ý tới những điều đức Không suy nghĩ, riêng họ Lâm biết chú ý tới cách đức Không sống. Cái cách sống của con người quan trọng hơn những điều họ suy nghĩ trong đầu, dù người ấy là một triết-gia lỗi lạc, là một ông thánh. Họ Lâm quan-niệm như thế, cho nên không những băn khoăn về cái nằm của đức Không, ông ta còn băn khoăn về cái ăn của đức Không. Hẳn là ông ta loay-hoay rất nhiều về vấn-đề này, nên rốt cuộc dám tưởng tượng rằng Không-tử đuổi cụ bà về nhà cha mẹ vì cụ bà làm bếp dở quá.

Nếu được kể vào hàng triết-gia, không biết Lâm-Ngữ-Đường có xuất sắc chẳng, nhưng chắc chắn ông là một triết-gia đáng yêu nhất, thân mật nhất. Ông ta

không diễn giảng về bản-thể vũ-trụ, về những tha-thề, hữu-thề, về những cái - đang - là, cái - sẽ - là v. v. . . Ông ta đối với độc-giả như thế với bạn thân tình, tự-do đàm đạo từ chuyện ăn uống, chuyện vợ chồng, cho tới chuyện ngồi chuyện nằm, chuyện ngựa chuyện gãi..., tức những chuyện quan-thiết đến đời sống hàng ngày của mọi người. Triết-học chẳng qua là để tìm một lối sống có ý nghĩa cho đời người, chứ đâu phải để vật lộn làm gì với chữ nghĩa, với những danh-từ trừu-tượng.

Lâm - Ngữ - Đường còn có cái đáng yêu này nữa, là ông muốn ohứng minh rằng thái-độ lão thực trên đây không phải của riêng ông ta đâu. Ông ta kể chuyện đức Không-tử thích ăn thịt băm thật nhỏ, Lý - Lạp Ông khoái ăn cua, Kim-Thánh-Thán thấy thú-vị khi dùng nước nóng rửa ghe ở chỗ kín v. v. . . Thánh-hiền tài-tử đều có đời sống hàng ngày với những khoái-thích tầm thường cả. Chúng ta có thể an lòng, không háo-hức ước - ao thêm muốn những công-trình tư-tưởng vĩ-đại nguy-nga.

Không những chứng-minh thái-độ ấy ở một số danh-nhân Trung-Hoa, Lâm-Ngữ - Đường còn muốn chứng - minh rằng cả dân-tộc Trung-Hoa của ông ta

(1) Các trích-dẫn lời Lâm - Ngữ - Đường trong bài này đều là theo bản dịch của Nguyễn Hiến-Lê, nhan đề *Một quan-niệm về sống đẹp* (Tao đàn xuất bản - 1965),

đều như thế. Từ nghìn xưa đến nay, mấy trăm triệu đồng-bào của ông ta có cái đặc-sắc khôn-ngoa là sống một cách giản-dị, thực-tế, tận hưởng cuộc sống ở đời này, và chế-giễu các lý-tưởng viễn-vông, nông-cuồng. « Triết-học nào cũng phải đặt cở - sở trên sự điều-hòa bản-năng của con người; nếu ta quá thiên về chủ-nghĩa lý-tưởng thì thế nào cũng bị thiên-nhiên trừng-phạt ».

« Triết - học nào », cái đó không biết; chỉ biết riêng triết-học của Lâm-Ngữ-Đường và của dân-tộc Trung-Hoa theo họ Lâm trình bày thì không sợ bị thiên-nhiên trừng phạt.

Trời cho mỗi dân-tộc một tính nết riêng. Có thể phân tích các tính nết ấy ra làm nhiều đơn-tổ. Họ Lâm phân tích ra rồi kết hợp vào, viết thành những công-thức như công-thức hóa-học. Dân-tộc tính Trung-Hoa là $T_4 L_1 H_3 C_3$, dân-tộc tính Anh là $T_3 L_2 H_2 C_1$. Ấy là những dân-tộc tuyệt vời. T là tinh-thần thực-tế, L là tinh-thần lý-tưởng, H là tinh-thần hài-hước và C là cảm-tính.

Nhờ biết mơ-ước, biết mê-say những mộng-tưởng cao-cả, mà con người khác con vật, mỗi lúc mỗi tiến xa. Cuồng nhiệt với lý-tưởng là một động-lực tiến-hóa; nhưng nó cũng là một mối nguy. Ở đời không thiếu gì những thí dụ về các tai hại do hạng quá cuồng nhiệt gây ra. Bởi vậy phải có cái khôn-ngoa thực-tế để hãm hại những ảo-tưởng nông-nghênh cuồng dại, Óc thực-tế ích-lợi là thế. Khi lý-tưởng bay bổng quá xa, tinh-thần thực-tế bèn cười một phát chế-nhạo: hài-hước với thực-tế đi đôi với nhau. Kẻ thực-tế mới tỉnh thoảng nhìn thấy chỗ lỗ-bịch của những say-mê của chính mình, kẻ thực-tế mới biết cười vào những ảo-mộng của mình. Người

Tàu là nhất: óc thực-tế được 4 phần, khiếu hài-hước được 3. Sau người Tàu có người Anh: thực tế được 3, hài hước được 2. Đó là các dân tộc không bao giờ lao đầu vào những phiêu lưu viễn vông, không cuồng tín.

Ngược lại, hai dân tộc khác bị Lâm Ngữ Đường xem như có tính tình nguy hiểm: dân Đức với công thức $T_3 L_4 H_1 C_2$, và dân Nga với công thức $T_2 L_4 H_1 C_1$. Đó là những giống người không cười, đắm chiêu, trịnh trọng, sẵn sàng chết cho chủ nghĩa này chủ nghĩa nọ, sẵn sàng hy sinh cả cuộc sống thế gian cho một cuồng vọng, vì những cuồng vọng đó họ làm náo loạn thiên hạ, điều đứng cuộc đời. Mới đây cả giới văn nghệ Nga lẫn với văn nghệ Âu-Mỹ bỗng nhiên tôn Soljenitsyne lên làm đại văn hào bậc nhất nước Nga. Trong một cuốn tiểu thuyết dày hơn nghìn trang của ông, bí mật đưa qua Mỹ xuất bản, có một anh tù cà-khịa nhớ được câu tục ngữ Trung hoa đại ý cho rằng: « Đứng tốt hơn đi, ngồi tốt hơn đứng, và nằm là tốt hơn cả. ». Tục ngữ là cái trí khôn của dân tộc. Cái dân tộc đã cất vào trí khôn của mình một tư tưởng như thế xứng đáng có một triết gia thận trọng nghiên cứu về cách nắm cơ quắp của một ông thánh từ hơn hai nghìn năm trước. Và chỉ có cái dân tộc ấy mới khéo nằm lì từ thế kỷ nọ sang thế kỷ kia, không tiến không lùi, mà vẫn không rã rời suy sụp tiêu vong. Nước Tàu nằm là đề nghị ngơi, đề nuôi giữ lấy sức, chứ không phải để bị mục rã.

Về chuyện nghỉ ngơi, người Tàu có những ý nghĩ hấp dẫn. Các bậc hiền triết cao siêu, như Lão, Trang, như Đào-Tiềm, như Tô-Đông-Pha v.v. không một ai xúi người ta hùng hục tích cực, mà chỉ

tán tụng sự vô vi. Một tác giả khiêm tốn hơn, khuất lấp hơn, như Thủ Bạch Hương mà cũng biết nói vài câu hay đáo để : « Thời gian sở dĩ ích lợi là vì nó không được dùng tới. Thời nhàn hạ cũng như khoảng trống trong phòng.» Còn Lâm Ngữ Đường thì ông ta tha thiết muốn những dân tộc lằng xằng như người Mỹ hiểu rằng « bên cạnh cái nghệ thuật làm việc còn có một nghệ thuật cao cả hơn nữa là chẳng làm gì cả».

Người Tàu có cái nghệ thuật cao cả ấy đáng đem ra dạy bảo cho Tây phương. Họ còn có cái quý nữa để cống hiến cho Tây phương : « Tinh thần cận nhân tình là vật quý nhất mà Trung-hoa có thể cống hiến cho phương Tây.» Cận nhân tình là không cực đoan cuồng tín, không cho rằng mình nắm hết cả lẽ phải mà đối phương chỉ toàn sai quấy, là trọng lương tri hơn luận lý. «Lương tri và tinh thần như cực đoan đã đè bẹp tất cả các lý thuyết, các tín điều.» Người Tàu không có chiến tranh tôn giáo. Ai tin đạo nào theo đạo ấy, không ai giành trọn cái phải về phía mình. Trên bàn thờ của họ, các bậc đáng tin đáng kính đều được thỉnh mời lên: có Phật bà Quan âm, có Quan Vân Trường, có Thái thượng lão công, có Triệu Tử Long v.v... Đề huề cả. Sau này Thiên chúa giáo từ Âu châu sang, cũng được đón tiếp tử tế : không có sự can ngăn của các giáo sĩ, không chừng Đức Giê-su đã được rước lên bàn thờ người dân Trung hoa, bên cạnh Quan thế-âm bồ tát chẳng hạn. Đối với các chủ nghĩa chính-trị cũng vậy: thái độ cuồng nhiệt của phe này phe kia đều đáng ngại, đều có thể đưa tới chỗ phi lý. Như thế là bất cận nhân tình : không nên !

oOo

Dân tộc Trung hoa là vậy : họ thực tế, họ phải chăng, họ ưu du nhàn hạ. Thiên nhiên không có lý do nào để trừng phạt họ.

Nhưng thiên nhiên có thể chơi xỏ dân Tàu chứ, không sao ?

Ngày 29-8-1958, Trung ương đảng Cộng sản Trung hoa quyết định thành lập nhân dân công xã. Ngày 24-9-1958 đã thành lập được 10 nghìn công xã qui tụ bốn chục triệu gia đình. Cuối tháng 11 năm ấy, hơn 120 triệu gia đình sống trong 27 nghìn công xã. Từ cuộc sống gia đình qua cuộc sống công xã là bỏ nhà bỏ cửa bỏ ruộng bỏ vườn, là ăn uống ngủ nghỉ theo cách khác, là ăn ở đối xử với vợ con theo cách khác, đọc sách đánh cờ nhắm rượu thưởng trăng theo cách khác, từ đó nhìn ra mọi vật và khắp nơi, gần thì cây lúa con trâu con gà, xa thì núi non sông suối v.v... tất cả bằng con mắt khác hẳn trước.

Chỉ trong vòng mấy tuần lễ mà 120 triệu gia đình, tức cả năm trăm triệu dân Trung-hoa từ bỏ một nếp sinh hoạt quen thuộc từ ba bốn nghìn năm để sống hẳn một cuộc đời mới : một thay đổi lớn lao như thế, triệt để như thế, mà thực hiện cấp tốc đến như thế, là chuyện chưa từng xảy ra trong lịch sử. Kể cả lịch sử những dân tộc cuồng nhiệt nhất, cực đoan nhất.

Sau chuyện lạ này đến chuyện lạ khác, sau công xã nhân dân đến cách mạng văn hóa. Cái hiện tượng người người khắp xứ đi đâu cũng cầm cuốn sách đỏ trong tay, cũng mang nó trong mình, bất cứ làm việc gì cũng hỏi đến nó, nghĩ gì cũng dựa vào nó, đó cũng là hiện tượng cổ kim chưa từng có

trên thế gian. Chỉ có tư tưởng Mao-trạch-Đông là đúng, cách tư tưởng Mao-trạch-Đông một gang một tấc là lầm lạc khủng khiếp, tách rời ra một hào ly là tội lỗi không thể dung thứ. Như thế không những bất cận nhân tình, mà còn quái gở. Cưỡng bức một biển người đông đảo nhất trên địa cầu tin tưởng cách cố chấp, gò bó, nô lệ nhất vào một lý thuyết : còn lương tri đâu nữa. Làm thế hiển nhiên là chống lại truyền thống văn hóa Trung hoa từ nghìn xưa, cho nên gọi là cách mạng văn hóa, cho nên khẩu hiệu là « phá bốn cũ lập bốn mới ». Không cần hô hào phá bốn cũ, chỉ nguyên cái chủ trương bất khoan dung, cận tào ráo máng ấy đã làm cho tinh thần văn hóa cũ tiêu tán.

Dân-tộc-tính Trung-Hoa bị giễu cợt quá cỡ. Trước sự việc như thế người ta tự hỏi dân Tàu quả có một cá tính như Lâm-Ngữ-Đường nghĩ chăng? Cá tính một dân-tộc có thể nhất đán bị cải biến hoàn toàn vì một lý-thuyết từ bên ngoài đến chăng?

oOo

Thật ra không phải từ hồi nào tới giờ mọi người Tàu đều chứng minh các nhận xét của họ Lâm. Tướng Bạch Khởi trong một đêm giết bốn trăm ngàn hàng binh của Triệu, thiết tưởng đã cư xử bất cận nhân tình. Non nửa triệu mạng người vào cái thời mà cả nước Tàu mới có chừng vài chục triệu dân ! Trong lịch sử cận đại hiện đại có cuộc tàn sát nào chớp nhoáng mà lớn lao thảm khốc bằng ?

Tần thủy hoàng với những chủ trương đốt sách, chôn nho sĩ, xây trường thành v.v... của ông ta cũng không thể cãi là không cực đoan; trái

lại cực đoan đến bậc đó, trên thế giới đâu có mấy người theo kịp.

Suốt đôi ba mươi thế kỷ, trong hàng chục hàng trăm triệu người Tàu, không phải ai nấy cũng một tính nết như nhau. Có những hoàn cảnh lịch sử nó đòi một biện pháp quyết liệt, lại thỉnh thoảng có những cá nhân khác thường thích chọn biện pháp quyết liệt. Có lẽ triết-gia họ Lâm sẽ bảo rằng dân tộc Trung hoa không ngăn được sự xuất hiện những trường hợp ngoại lệ như thế, nhưng dân tộc Trung-Hoa luôn luôn làm thất bại các chính sách quyết liệt, đào thải các nhân tài quyết liệt : chế độ của Tần thủy Hoàng không tồn tại lâu dài, mà một chủ trương thông minh sáng suốt như của Vương-An-Thạch chỉ vì bất cận nhân tình rốt cuộc cũng không thành công được. Dân-tộc Trung-Hoa, họ chỉ có thể xác nhận cá tính họ bằng cách ấy, ngoài ra còn làm sao hơn được ? Và xác nhận như thế tưởng đã rất minh bạch.

Nhưng lần này, trước Mao chủ-tịch với cuốn sách đỏ và bước nhảy vọt của ông ta, liệu dân-tộc-tính Trung-Hoa sẽ phản-ứng ra sao ?

Đối với chủ-nghĩa cộng-sản và chế-độ xô-viết, Lâm-Ngữ-Đường lâu nay vẫn cho rằng không những nó trái với bản-tính đồng-bào nước ông mà nó còn trái nghịch với cả bản-chất con người nói chung. Bản-chất con người sẽ không chấp nhận nó, hoặc sẽ sửa đổi nó, biến dạng nó, đến khi nó không còn là chủ-nghĩa cộng-sản nữa. Trong cuốn *Bí-danh*, ông quả quyết : « Bởi vì lịch-sử của chế độ xô-viết là lịch-sử bản tính con người đánh bại chủ-nghĩa mát-xít, và bản thông-diệp của lịch-sử là bản-

chất con người còn tiếp tục chiến thắng lý-thuyết mác-xít kỳ cho đến lúc lý-thuyết này phải tiêu diệt, và bị bỏ quên như là một giấc mơ ngô nghê của một triết-gia giỏi về môn kinh-tế-học nhưng lại kém về đức khôn ngoan sơ-đẳng của con người ».

Cái « khôn ngoan » này, người Trung-Hoa có đầy đủ hơn ai hết, cho nên có thể tin rằng trong cuộc đánh bại chủ-nghĩa mác-xít, dân-tộc-tính Trung-hoa sẽ là chiến-sĩ khỏe nhất, đi hàng đầu.

Hoang - đường chăng ? Triết - gia đã chê nhà kinh-tế-học ngô nghê, triết-gia có bị mắng lại là hoang - đường viễn

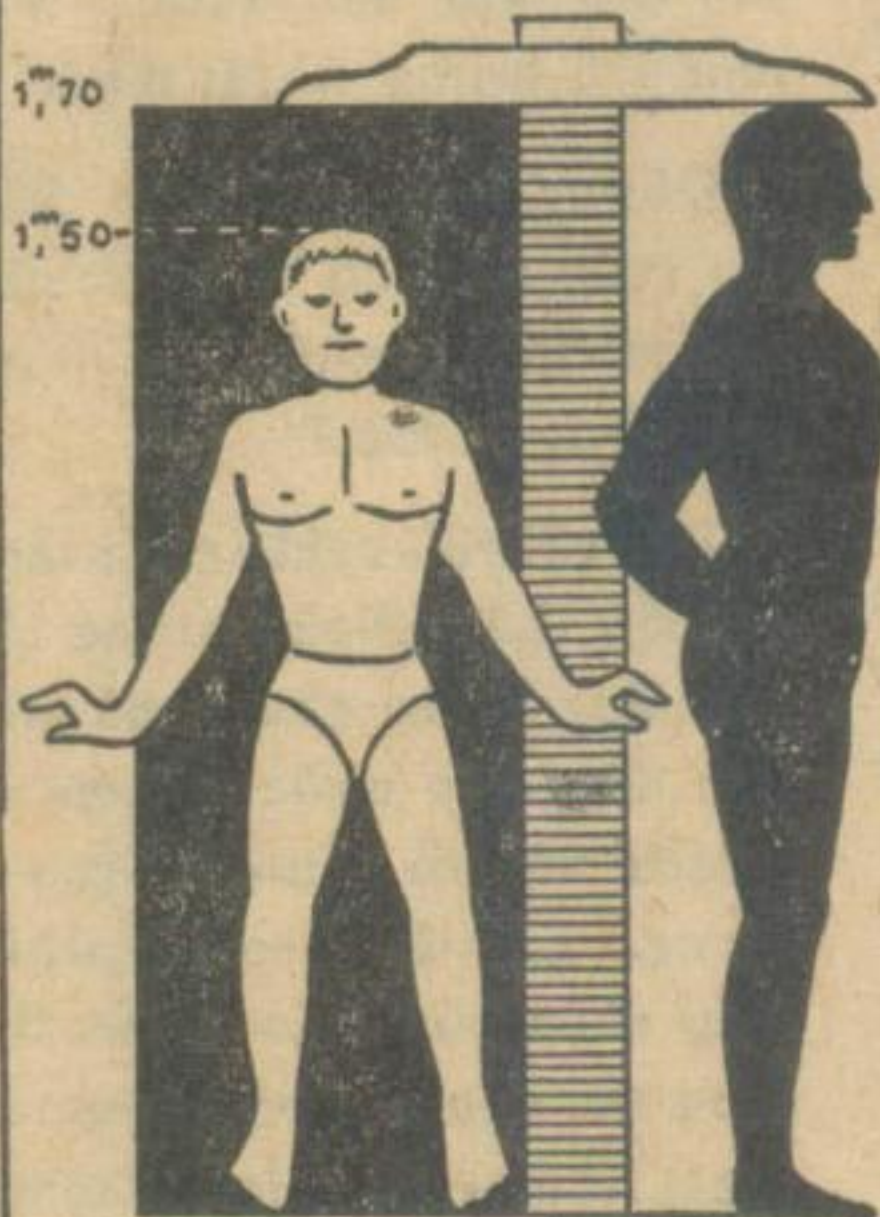
vông cũng được chứ sao. Cái ngô nghê tha hồ đánh nhau với cái hoang-đường. Tiều thuyết Trung-Hoa hay dùng một cách nói : « hạ hồi phân giải ». Không tiên tri mạo hiểm, chúng ta chỉ có cách ấy : chờ xem hạ hồi phân giải, sẽ biết dân chúng Trung-Hoa bám theo vị lãnh-tụ cuồng-nhiệt bảy mươi tuổi già còn cố gắng bơi qua sông Dương-Tử hay là noi theo ông thánh thích ăn thịt băm nhỏ và truyền lại hậu thế một lối nằm co quắp.

VÕ-PHIẾN

8 - 1968

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NỮ MAU BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

Đại-diện thương-mại tại V.N.

● THẾ-NHÂN

Gần đây Ô. Ngô-thế-Thiệu ở Phú-nhuận có gửi thư yêu cầu quý vị dân-biểu «duyet lại việc cho người ngoại quốc hành-nghề đại-diện thương-mại tại Việt-nam». Lá thư lại sao gửi các vị thương gia Việt-nam nữa, nên hôm nay chúng tôi mạo muội có bài này để góp ý kiến với tác giả lá thư trên và cũng để lưu ý quý vị dân-biểu cùng quý vị có trách nhiệm hành pháp liên quan đến vấn đề.

Trước hết chúng tôi phải nói đến một sự-kiện phũ-phàng mà ai ai cũng phải nhìn nhận là không riêng gì một nghề đại-diện thương-mại mà phần lớn thương-mại — nếu phải hiểu là phân-phối hàng-hóa trong nước hoặc mua từ nước ngoài đem vào Việt-nam — đều nằm trong tay ngoại kiều. Xa hơn nữa, nếu hiểu kinh-tế là sản-xuất, là phân-phối hàng hóa và dịch-vụ, là tiền tệ, tín-dụng... thì phần lớn kinh-tế đã nằm trong tay ngoại-kiều.

Sau nhiều năm mang danh độc-lập, kinh-tế Việt-nam do người Việt-nam định đoạt, do người Việt-nam thừa hưởng đến tỷ-lệ nào, những người có trách-nhiệm hành-pháp cũng như lập-pháp xưa nay không phải là không am hiểu, và vì thế mà họ đã cố gắng làm không biết bao nhiêu công việc, mục-đích để sửa chữa được phần nào tình-trạng

lệ thuộc bi đát nói trên. Thử đơn - cử một hai tỷ dụ để chứng minh những cố gắng ấy : nào là lập những cơ-sở to lớn, ban đầu do chánh-phủ đầu tư và điều khiển, để rồi lần lần bán lại cho tư nhân như các Công-ty Đường, Xi-măng, Chỉ sợi, Giấy v.v...; nào là thiết lập những cơ-quan tiền tệ tín dụng để giúp người Việt-nam cạnh tranh với ngoại-kiều như Doanh-tế-cục sau thành Trung-tâm khuyếnch - trương kỹ - nghệ, Nông - tín sau thành Ngân-hàng phát-triển nông-nghiệp, Việt-nam thương-tín v.v... nào là ra luật lệ cấm ngoại-kiều hành một số nghề... Qua những cố gắng ấy, người ta nhận thấy rõ ràng bao giờ chánh-quyền cũng có một chủ trương chính sách muốn dành quyền độc-lập kinh-tế cho người Việt.

Nhưng đó là bề mặt của vấn-đề, còn bề trái thực tế của nó lại có phần khác xa. Từ những chánh-sách rất tốt đẹp đi đến chỗ thực hiện những chánh sách ấy, còn có nhiều đoạn đường khó khăn, quanh quèo làm sao ! Thật vậy, có nhiều khi chánh-quyền muốn một đàng mà khi thực hiện thì kết quả lại ra một ngả, có khi còn trái ngược lại là khác. Một chánh-sách được quan niệm và đem ra áp dụng, cần phải được theo dõi, bằng không thì sẽ bị lệch-lạc dễ dàng và nhanh chóng, đó

là sự thường. Vì nhiều khi người quan-niệm ra một chánh-sách là một nhà chánh trị, còn người thực-hành thường chỉ là một nhà hành-chánh hay là một chuyên viên. Khi hai hạng người này — hành-chánh và chuyên-viên — thực hành một chánh-sách từ trên đưa xuống, thì họ vô tình và nhất là hữu ý — vì có lợi — giữ hai thái-độ sau đây :

Một là họ sẽ áp dụng theo từng chữ một sắc-lệnh hay một nghị-định gói ghém một chánh-sách ; họ không muốn hoặc không dám chú trọng đến tinh-thần, dù tinh-thần mới là chánh. Vì thế mà những thề-thức liên- hệ đến việc áp-dụng một chánh-sách hóa ra phức tạp đến nỗi tinh-thần hóa ra lệch-lạc. Trong mọi sách vở về phát-triển kinh-tế và kỹ-nghệ, người ta luôn luôn nói đến khía cạnh hành-chánh của vấn đề và luôn luôn lưu ý độc-giả là hành-chánh có thể là một chướng-ngại khổng-lồ chặn đứng bước tiến-triển của kinh-tế kỹ-nghệ của một nước ngay từ lúc đầu. Ai trong chúng ta có chút kinh-nghiệm về việc thiết-lập kỹ-nghệ đều biết rõ thề-thức hành chánh, phép tắc của ta nó rườm rà, qua bao nhiêu là cơ quan, nào là Bộ Kinh-tế, Bộ Công-chánh Trung tâm khuếch trương kỹ nghệ, Nha Công-kỹ-nghệ, Nha Ngoại-thương... Mỗi lần chúng tôi có dịp nói đến chuyện phức-tạp hành-chánh này với vị trong chánh-quyền liên-hệ thì không có một ông Tổng-trưởng, Bộ-trưởng, Tổng Giám-đốc, Giám-đốc nào chịu công nhận sự-kiện ấy, vì những vị này gần như luôn luôn xuất thân là công chức thì làm gì mà có kinh-nghiệm của người dân, chạy chọt để xin một giấy phép dù là để phát triển kỹ-nghệ nước nhà như chúng

tôi. Vì thế mà các vị đó luôn luôn cố chấp và ít khi nhìn nhận sự thiếu sót của cơ quan mình để tìm phương cách sửa chữa. Kể viết bài này cũng có vài kinh-nghiệm chua cay vì những thủ tục giấy tờ hành-chánh khi phải xin phép thiết-lập một xí-nghiệp nhỏ, một vài cơ-xưởng nhỏ. Một lần có cơ quan chánh-quyền vịn vào một sắc-luật ký từ thời thực-dân để lại để từ chối một dự-án làm thuốc Đông-y bằng máy móc tối tân, vì theo luật thực-dân để lại thì làm thuốc Đông-y phải làm bằng tay, và theo phương-pháp tiểu-công-nghệ. Một lần khác, một cơ-quan khác từ chối không cho phép thiết-lập một cơ xưởng kỹ-nghệ sản xuất một sản-phẩm tối tân mới phát minh, vì lý do là nguyên liệu đều phải nhập-cảng. Các nhà hành-chánh, một khi đã không muốn cho phép thì các vị đó có không biết bao nhiêu là lý do trong túi để từ chối, hoặc kéo dài tháng này qua tháng nọ, có khi hằng năm, để lấy một quyết-định chỉ cần năm ba phút. Thành thử có dư-luận không hay đối với chánh quyền là hễ cái gì của ba-tàu thì nhanh chóng, còn của Việ -nam thì khó khăn lâu lắc làm sao. Không ai giải-thích được nguyên nhân dư-luận tai hại ấy, trừ những nạn nhân hay những người thừa-hưởng ân huệ, mới am hiểu rõ ràng được. Nhưng người có ác ý cho rằng ở đâu có khói là ở đó có lửa, dù lửa ấy bị che đậy dưới tro tàn.

Cho nên chánh-quyền càng chú-trọng giản-dị-hóa thủ-tục hành -chánh được chừng nào thì càng lợi cho dân chúng Việt-nam chừng ấy, và chúng tôi dám quả quyết là càng thêm luật-lệ thủ-tục thì chỉ càng thiệt cho quyền lợi của người Việt-nam. Bởi một lẽ rất giản-dị là một

luật-lệ áp-dụng đồng đều cũng đủ đặt người Việt-Nam ở trong một thế kém hơn ngoại-kiểu, vì người Việt-nam làm gì có những cơ-sở to lớn để những công chức lớn nhỏ khi lỡ vận có nơi nương tựa, như một công-ty ngoại-kiểu ở đây đã và đang làm để dành nhân-viên với Chánh-phủ ; làm gì người Việt-Nam có đủ những điều-kiện tài-chánh dồi dào, những phương-tiện đầy đủ để thỏa mãn những đòi hỏi về luật-lệ của Chánh-phủ, để đối phó hữu hiệu với mọi trường hợp khó khăn do những thủ-tục và người áp-dụng thủ-tục gây ra. Các ngài trong chánh-quyền ời, chúng tôi xin kể các ngài nghe một chuyện đua xe như sau để các ngài suy-niệm : một chiếc xe ô-tô đã bắt đầu chạy từ 1900 về trước hiện đang đua với một chiếc xe đạp mới bắt đầu chạy không quá 10-15 năm nay. Thật vậy, chính các ngài hiện làm trọng-tài cho cuộc đua quái gở này và các ngài làm như rất công bằng chánh trực chỉ muốn sao cho luật-lệ được áp-dụng đồng đều. Thành thử mỗi luật-lệ mới thêm vào là càng thiệt cho tay đua xe đạp và chỉ mỗi một việc các ngài trọng-tài muốn áp-dụng luật-lệ đồng đều, cũng đã làm gia tăng việc xa cách hai tay đua vốn đã cách xa nhau từ trước rồi. Tỷ-dụ trên đây đủ để độc-giả hình dung được thảm-kịch đã xảy ra lâu nay và vẫn tiếp diễn hằng ngày trong thương-trường Việt-Nam.

Hạng người thứ nhì là chuyên-viên, nhiều ít cũng trách-nhiệm đến việc làm lệch-lạc chánh-sách từ trên chánh-phủ đưa xuống để thi hành. Chúng tôi có biết một chuyên-viên tiền-tệ của chánh-phủ, ông này vẫn luôn luôn tự hào là mình không bao giờ chú trọng đến chánh-trị, chỉ lo cho vương-tròn lãnh-vực chuyên-môn

của mình thôi. Vì tinh-thần vô-chánh-trị ấy, vì đầu óc chuyên chuyên-môn ấy, mà khi ông lãnh trách-nhiệm một cơ-quan quan trọng về tiền-tệ quốc-gia, vô tình hay hữu-ý, ông lại chỉ làm lợi cho ngoại-kiểu trong khi chánh-sách của chánh-phủ là lấy tiền của Ngân-sách để đầu-tư, có mục-đích giúp người Việt-Nam cạnh tranh với ngoại-kiểu. Chánh-sách của chánh-phủ đã quá rõ ràng, nhưng khi đem ra áp-dụng thì đầu óc chật hẹp của con người chuyên-viên đã làm cho chánh-sách thành ra lệch-lạc. Vì những lý-do chuyên-môn mà trước sau chỉ có những công-ty to lớn của ngoại-kiểu, vì có đảm-bảo chuyên-môn hơn — đó là lẽ dĩ nhiên — là được hưởng những phương-tiện tín-dụng dồi dào, do chính tài-chánh của Ngân-sách quốc-gia tức là tiền bạc Việt-Nam xây-dựng, trong đó phần lớn do tiền bạc của tư-nhân Việt-Nam bỏ vào. Có đau lòng không, khi mà tài-năng chuyên-môn của một ông Giám-đốc Việt-Nam lại đem tiền bạc Việt-Nam ra giúp ngoại-kiểu đã giàu mạnh càng thêm giàu mạnh, mà trong thương-trường Việt-Nam sự giàu mạnh của ngoại-kiểu có nghĩa là một sự lấn áp của ngoại-kiểu trên người Việt.

Có lần chúng tôi có dịp đặt vấn-đề lên chánh-phủ, thì những vị chuyên-viên cho rằng cho người Việt vay mượn thì e ngại sẽ mất hết, bởi thường thì người Việt thiếu khả-năng, thiếu đạo đức, thiếu nhiều điều-kiện... Nếu thật ra 100% đúng vậy, thì chánh-sách giúp người Việt-Nam sẽ có nghĩa lý gì nữa, và sẽ đi về đâu ? Thật ra nếu Ban Giám-đốc những cơ-quan này mà có chút tinh-thần quốc-gia đi kèm với tinh-thần chuyên-môn của mình thì chắc chắn người Việt sẽ được giúp đỡ hơn nhiều

phần, cho dù có mất mát đi nữa thì cũng không lẽ mất mát hết; vì không lẽ Việt nam trăm người như một đều kém khả năng và gian trá. Mà nghĩ cho kỹ, thì nếu có một số người vì gian trá, hay bất tài mà làm mất mát tiền bạc của cơ-quan tín-dụng, thì cũng chỉ làm mất tiền bạc của người Việt mình, mà lâu dài rồi người Việt còn được cơ hội để học tập kinh-doanh hay thương-mại. Thật vậy, nếu chánh sách giúp đỡ người Việt-nam được áp dụng cho đúng mức, thì dù có mất mát bao nhiêu đi nữa thì kết-quả cũng vẫn còn tốt hơn là làm lệch lạc một chánh sách để cho vị-trí cạnh tranh của người Việt càng bị chênh lệch, xa cách với ngoại-kiểu. Khoe khoang một kết số lời đôi ba chục triệu của một cơ-quan chánh-phủ mà bất chấp việc thi hành một chánh-sách thì thật là vô ý-thức, vì cho dầu có lời cả tỷ bạc mà làm sai lạc một đường lối của chánh-phủ đề ra, thì tức là làm một việc phản bội rõ ràng: đem tài-năng người Việt, tiền bạc người Việt, để phục vụ cho quyền lợi ngoại kiều, lấn áp lại người Việt. Người ta thường lên án và xử-tử những tên phản bội, nhưng cũng may cho những chuyên-viên nói trên là họ không thuộc hạng phản bội đó, dù tội trạng thì cũng chẳng biết là ai thua ai, nhứt là khi chúng ta biết rằng sự vô chánh-trị hay vô ý thức của các chuyên viên đó đã khởi đầu cho một quá-trình chênh - lệch càng ngày càng lớn (*processus en spirale*), càng bất lợi cho người Việt-nam.

Thành thử những chuyên viên mà thiếu tinh thần quốc gia, nghĩa là thiếu đầu óc chánh-trị, thì sớm muộn rồi cũng sẽ đi đến việc phản-bội như trên, một khi mà họ được nắm giữ một trọng trách nào trong nền kinh-tế, tài-chánh

quốc-gia. Điều đáng buồn là số chuyên-viên như thế không phải ít, vẫn được mọi chánh-phủ trọng dụng. Do đó làm sao mà nói được đến độc-lập kinh-tế, đến sự giàu mạnh cho người Việt để cho quốc-gia được giàu mạnh.

Trên đây chúng tôi mạn phép dài giòng, không ngoài mục-đích là đề đặt vấn-đề đại-diện thương-mại trong khuôn-khổ chánh-trị, nghĩa là phải đặt nó trong một chánh-sách chung mới hợp-lý, và chánh sách ấy là giúp đỡ người Việt - nam dần dần giành lại quyền độc-lập kinh - tế cho quốc-gia, nhất là chánh sách ấy đã được quan niệm cùng đem ra áp dụng từ trước tới nay, nhưng thường bị hai loại người nói trên làm lệch lạc và hư hỏng.

Có lần chúng tôi có dịp tiếp xúc với một cựu Tổng-trưởng Kinh-tế có tiếng là có óc cách-mạng, dám đề-xướng và thi-hành một vài chánh-sách mạnh mẽ bênh vực quyền lợi kinh-tế của người Việt, và khi bàn với ông về việc hành nghề đại-diện thương-mại hiện nằm trong tay ngoại kiều quá sâu rộng thì ông trả lời rằng: Đâu còn tiếp tục như thế được, vì chính ông đã ra nghị định chỉ cho phép người Việt-Nam, những công-ty Việt-Nam hành nghề ấy mà thôi. [Đúng vậy, nhưng nghị định của ông ra có hai lỗ thủng quá to lớn mà chúng tôi mạn phép trình bày với ông cùng độc-giả như sau:

1/— Cái nghị định nói trên chỉ có một hậu quả rõ rệt là củng cố những quyền lợi hiện-hữu của ngoại-kiểu, vì theo nghị định đó thì những ngoại-kiểu đã hành nghề đó rồi vẫn được tiếp tục như trước, nghĩa là họ vẫn được tiếp tục, chẳng những là đại-diện cho những hàng-hóa, những kỹ-nghệ họ đã đại-diện trước, mà họ còn được tiếp-tục nhận thêm những quyền đại-diện

mới nữa. Mà như đã nói trên, với những cơ-sở sẵn có của họ, thì làm sao người Việt-Nam cạnh tranh được để lấy những quyền đại-diện mới, nói chi đến việc lấy lại những quyền đại diện cũ. Thành thử cái nghị định của ông Tổng-trưởng Kinh tế cách-mạng chẳng cách-mạng gì hết, vì không sửa đổi được tình trạng hiện tại, vì sau trước vẫn đặt người Việt-nam ở trong một thế lép vế, thua kém và bất công. Cho nên nếu người Việt-nam hiện có được một hai quyền đại-diện thì phải nói rằng đó chỉ là «cơm thừa cá cặn» mà các chánh quyền xưa nay, kể cả cái nghị định nói trên, đã dành lại cho người Việt-nam ta. Nhưng cũng có người cho rằng dù sao cũng còn có cái gì, hơn là hoàn toàn không có gì hết.

2/— Đối với những quyền đại-diện mới, nếu nhà sản-xuất ngoại-quốc không để cho người đồng hương của họ hành nghề, thì họ sẽ dành cho những nhà đại diện có cơ sở sẵn-sàng, có tài chánh dồi-dào, hội đủ mọi điều-kiện mà họ đòi hỏi. Hơn nữa, nếu phải trốn tránh luật-lệ hành nghề thương mại, thì ngoại-kiểu không thiếu mưu mẹo để trốn tránh, như là cho vợ bé người Việt đứng tên thành lập những công ty mới mang danh là Việt-nam hoặc là dựng lên những người rơm (homme de paille). Chắc chắn có người sẽ cho rằng tại đồng-bào mình còn có những người phản bội như thế, tại dân tộc ta còn có lắm phần tử hư đốn dễ bị mua chuộc như thế, cho nên chúng ta phải chịu hậu quả tai hại, trách móc kẻ khác làm chi. Nhưng đây không phải là một việc trách móc, mà là một đòi hỏi ở nhà lãnh-đạo, ở chánh quyền... khi làm một luật gì, cần phải bao quát mọi trường hợp, mọi khía cạnh, nếu không thì chẳng hóa ra lãnh-đạo — nghĩa là dẫn

đường — lại trở thành bị xô mũi để kẻ khác dẫn đi sao ?

Hơn nữa, còn có người cho rằng dù me tây me tàu hay người rơm thì cũng là người Việt nam, họ được hưởng cái gì thì hay cái nấy, dầu là «cơm thừa cá cặn» hay «đầu tôm xương cá». Xét về quyền lợi của một vài người thì nói vậy cũng có phần đúng, nhưng xét về phương diện đại-cuộc chung cho mọi người, cho cả quốc-gia, thì thật là đáng buồn, đáng tủi hổ.

Ngày nay, có một số người, vì ý-thức quốc-gia và vì quyền-lợi — quyền-lợi chánh đáng của mình, của thế-hệ này đã và đang hy-sinh bao nhiêu cho đất nước, và của thế-hệ mai sau — muốn đặt lại vấn-đề hành-nghề đại-diện thương-mại và tha thiết yêu cầu chánh quyền triệt để dành lại quyền này cho người Việt-nam. Những lý lẽ đã được nêu ra để tranh đấu cho đòi hỏi này đều chánh đáng, hợp lý, hợp tình và vững chắc. Hôm nay chúng tôi chỉ muốn lập lại cho rõ ràng và đầy đủ hơn.

— 1/ Lý-do thứ nhất mà thường thường được nói đến là lý do ngoại-tệ dưới hình thức hoa-hồng mà luôn luôn nhà sản-xuất hoặc nhà cung-cấp để cho nhà đại-diện được hưởng. Con số hoa-hồng này đi từ 1% đến 3% hay 4%, và có khi đến 5%, 7%, 10%, 15%..., cho nên không phải là một con số nhỏ không đáng kể, xét về mặt thâu hồi ngoại-tệ, tính trên tổng số ngoại-tệ nhập-cảng hàng bốn, năm trăm triệu Mỹ-kim hằng năm. Cho nên số ngoại-tệ thâu hồi dưới hình thức hoa-hồng này có thể đến trên 10 triệu Mỹ-kim hằng năm, nếu được khai báo xác thật và thâu hồi đầy đủ.

Nếu là người Việt nam làm đại-diện

hưởng được số hoa-hồng nói trên thì chắc chắn sẽ thu hồi được, nếu không hết tổng số thì ít ra cũng được một phần lớn, vì theo luật-lệ hiện hành người Việt-nam bắt buộc phải khai báo số ngoại-tệ tàng trữ tại ngoại quốc, nhứt là dưới hình thức hoa-hồng và phải thu hồi. (Ở đây chúng tôi không muốn bàn đến vấn đề ngoại-trú nhân và thường trú-nhân, đề vấn đề giản dị hơn). Trái lại, khi ngoại kiều làm đại-diện thương-mại thì việc thu-hồi cũng như khai báo ngoại tệ lại có tính cách hết sức tương đối, vì đại diện của một số lớn công-ty ngoại quốc chỉ là một phòng liên-lạc, nghĩa là có tính cách ngoại trú-nhân, thì họ có quyền tàng trữ ngoại-tệ và khỏi phải khai báo, và họ cho rằng chính những hăng chánh của họ ở ngoại-quốc mới là nhà đại-diện, cho nên họ cũng khỏi phải thu hồi ngoại-tệ dưới hình-thức hoa-hồng mà họ được hưởng của nhà cung cấp. Hơn nữa, nếu họ có bị bắt buộc phải khai báo — trên thực-tế nhiều nhà chưa khai báo — và thu hồi ngoại-tệ thì họ còn có những chi-tiêu của trụ - sở chánh ở ngoại-quốc để chứng-minh với Nha Hối-đoái, nghĩa là chận bớt một phần lớn số ngoại-tệ ở ngoại-quốc.

— 2) Nếu người Việt-nam được làm đại-diện, được hưởng hoa-hồng và phải thu-hồi về Việt-nam như luật-lệ hiện-hành bắt buộc, thì tức khắc lợi-tức quốc-gia gia-tăng và nhờ thế mà ngân sách quốc-gia do thuế-vụ sẽ gia-tăng theo. Hơn nữa, nếu là lợi-tức của người Việt ở trong nước Việt-nam thì dù có chi tiêu bừa bãi như cờ bạc, chơi bời, thì tự động số lợi-tức này sẽ gia-tăng thêm lợi-tức cho quốc-gia, nghĩa là ích-lợi cho kinh-tế quốc-gia không ít, nếu đứng

về mặt kinh-tế thuần-túy mà luận.

— 3) Lý-do trình bày tiếp sau đây, đòi hỏi chánh-quyền phải dành quyền đại-diện thương-mại cho người Việt-nam, lại càng quan-trọng thập bội, mà người có trách-nhiệm trong việc phát-triển kinh-tế kỹ-nghệ trong nước — nhứt là về mặt dài hạn — không thể không đặc biệt quan-tâm được. Đó là sự nhập-cảng kỹ-thuật (importation de la technologie) qua ngã đại-diện thương-mại, mà chính những nước đi trước chúng ta đã làm.

Sự nhập-cảng kỹ-thuật của nước ngoài vào Việt-nam thường thường đi qua 3 ngã chánh sau đây. Thứ nhất là gửi du-học-sinh đi ngoại-quốc học hỏi cho thành đạt và về nước để được sử dụng tài-năng chuyên-môn của họ trong chánh quyền, trong các công-ty của chánh-quyền, hoặc giả trong các ngành hoạt-động kinh tế do tư-nhân điều khiển. Con đường nhập-cảng kỹ-thuật thứ hai là khi chánh phủ đứng ra thuê mướn chuyên-viên ngoại-kiểu để huấn-luyện cho chuyên-viên Việt nam, hoặc để trực-tiếp phục vụ trong các ngành sản-xuất của chánh phủ. Việc thuê mướn chuyên-viên ngoại-kiểu này cũng có thể do tư-nhân làm lấy, nhưng thường khi không được dễ dàng lắm.

Con đường nhập-cảng kỹ-thuật thứ ba là qua hệ-thống đại-diện thương mại, lại có tính cách gần như tự động, vì có nhiều khích-lệ (incentives) hơn, do chính quyền-lợi sanh ra, mà không có những vấn-đề vốn liếng và khả-năng quản trị xí-nghiệp. Nhà đại-diện thương-mại, nếu là Việt-nam, sẽ đi từ giai đoạn đại - diện thương-mại đến chỗ nhập-cảng và sẽ đến kỹ - nghệ một cách dễ dàng, vì dọc theo quá-trình nói trên, họ có đủ thì giờ để tích trữ

vừa vốn liếng, vừa tài-năng quản-trị xí-nghiệp, có khi về cả hiểu biết kỹ-thuật hơn nhiều người. Việc tiến triển từ đại-diện đến kỹ-nghệ có khi vì hoàn cảnh bắt buộc, vì luật-lệ kinh-tế bắt buộc, như ngân-sách ngoại-tệ không còn dồi dào như trước để cho tiếp tục nhập cảng dễ dàng, hoặc như chánh quyền bắt buộc phải nâng đỡ những kỹ-nghệ trong nước mới phôi thai... thay thế dần các nhà nhập-cảng. Nhưng dù có bị bắt buộc đi nữa thì nhà đại-diện Việt-nam thấy rõ vì quyền lợi của mình, nhiều khi hải đi trước sự bắt buộc do hoàn cảnh hoặc do luật-lệ của chánh quyền.

Thử đơn cử một tỷ-dụ cụ thể là xe gắn máy Nhật. Nếu nhà đại-diện là Việt-nam thì chắc chắn họ phải nghĩ ngay từ bây giờ đến việc ráp xe tại Việt-nam, vì họ biết chắc là trong một thời-gian nào đó sẽ không còn có thể cho phép nhập-cảng nguyên chiếc như hiện giờ nữa, vì số ngoại-tệ sẽ eo hẹp một khi hòa-bình trở lại. Thật ra việc lập cơ xưởng kỹ-nghệ ráp xe là một nguồn lợi lớn cho họ vì nhu cầu quá lớn lao của người Việt nam chưa được thỏa mãn bao nhiêu. Nhà đại diện Việt-nam về xe gắn máy Honda chắc chắn cũng đã nghĩ đến việc ráp xe tại Việt-nam, song có lẽ họ đang chờ đợi, hoặc giả vì Honda hiện giờ cả hai ba nhà làm đại-diện mà trong đó lại có người Nhật, cho nên « nhiều thầy thú ma », hoặc là có thể chính người Nhật cũng không muốn cho thành-lập một cơ xưởng ráp xe tại Việt-nam nữa.

Hơn nữa, nếu là nhà đại diện Việt-nam thì việc thừa hưởng sự giúp đỡ kỹ-thuật của ngoại quốc sẽ được dễ dàng hơn là một người thứ ba nào muốn nhẩy vào để làm kỹ-nghệ trong một ngành mà họ không phải là đại-diện, bắt buộc

họ phải nhờ vả nhà đại-diện hoặc phải cạnh tranh dành giựt với nhà đại-diện.

Nếu nhà đại diện là người ngoại-quốc, thì có hai lý do này khiến họ trì hoãn việc thành lập kỹ nghệ để thay thế nhập cảng. Một là vì thiết-lập một kỹ-nghệ tại Việt-nam để thay thế nhập-cảng, nếu là do người ngoại quốc hoàn toàn làm chủ đầu-tư hoặc hùn hạp với người Việt, thì tự nhiên sẽ đòi hỏi nơi người ngoại-quốc một sự cố gắng nặng nề về tài chánh cũng như về nhân sự, mà không mấy ngoại kiều chịu ra tay. Hai là nếu đem so sánh sự đại diện thương mại và làm kỹ-nghệ, thì đại-diện thương-mại sẽ lợi ích cho cá nhân ngoại-kiểu cũng như cho xứ sở và đồng bào của họ hơn là làm kỹ nghệ tại V.N., nhất là xét về mặt dài hạn. Vì sản phẩm kỹ-nghệ của Việt-nam sẽ cạnh tranh nếu không nói là thay thế hoàn toàn hàng hóa ngoại quốc. Sự cạnh tranh này có khi còn lan rộng qua xứ ngoài nữa là khác.

Cho nên nếu nhà đại-diện thương mại là ngoại-kiểu thì vì quyền lợi và nhiều khi vì tinh thần quốc-gia của họ, mà đòi hỏi họ chỉ muốn làm đại-diện thương mại, và nếu cần có khi chính những nhà đại diện thương-mại ngoại-quốc này còn chủ-trương phá-hoại những dự án kỹ-nghệ thay thế nhập-cảng của Việt-Nam nữa. Điều này, các nhà chức trách có trách-nhiệm đến công cuộc kỹ-nghệ hóa nước nhà không thể không đặc biệt quan tâm tới, nếu các vị đó hiểu rõ những thủ đoạn, những mảnh khoét của ngoại kiều trong vấn-đề đại-diện thương-mại này như những thương-gia Việt-nam đã lặn lội trong nghề và hiện Việt-nam chịu đựng áp lực của những ngoại-kiểu làm đại-diện. Thật ra như đã nói trên, nhà đại-diện thương-mại không quan tâm

đến việc nâng món hàng mà mình đại diện lên hàng kỹ nghệ thì người thứ ba nào chịu nhảy vào để chia xẻ quyền đại-diện, để có thể thiết-lập một kỹ-nghệ trong nước thay vì làm công việc nhập-cảng.

KẾT LUẬN : Việc dành quyền đại diện thương-mại lại cho người Việt-Nam chẳng những là một việc ích lợi cho kinh tế nước nhà nói chung, cho thương-gia kỹ-nghệ-gia nói riêng, mà còn là một việc hợp lý và công bằng. Hợp lý vì tại đất nước Việt-nam chánh quyền phải dành cho người Việt những nguồn lợi chánh đáng và căn bản. Công bằng vì ngoại kiều đã được hưởng những sự dễ dàng về hối-đoái, về thuế vụ cũng như về những sự đi lại giao dịch hơn người Việt nhiều nên họ không thể lại được hưởng những điều kiện hành nghề đại-diện thương mại ngang hàng với người Việt được.

Hơn nữa, nếu bảo rằng ai hi-sinh nhiều thì được hưởng nhiều thì thử hỏi xưa nay và nhứt là trong hơn 20 năm qua, ngoại-kiều ở Việt-nam đã hi-sinh những gì cho dân tộc Việt-nam mà họ

vẫn được hưởng những đặc-quyền này độc-quyền nọ, lợi dụng được mọi hoàn cảnh bất lợi cho người Việt. Bao nhiêu khốn khổ mà quốc-dân ta đã và đang chịu đựng, ngoại-kiều đã chia xẻ được bao nhiêu ? Mấy hỏa-tiến vừa qua cũng đủ làm cho các "anh hùng đất Phù-tang" chạy dài, mà hóa đơn, tạm đề nhập cảng hàng hóa của họ vẫn đều đều được cấp phát. Trong mấy năm qua, vốn của ngoại-kiều bỏ ra để cộng tác vào việc tái-thiết xứ sở Việt-nam này được bao nhiêu ? Hay là họ chỉ muốn biến cái nước cựu-thuộc địa chính-trị này thành một thuộc-địa kinh tế không hơn không kém ?

Nhưng trách người làm chi, nếu đáng trách thì đáng trách người Việt-nam chúng ta, mà đáng trách trước hết là những bậc thường tự hào là nhà lãnh đạo dân mà xưa nay chưa làm được bao nhiêu để dành quyền độc-lập kinh-tế cho quê hương. Mà chừng nào người dân Việt-Nam có nắm được những quyền lợi chánh đáng thì lúc đó mới gọi được là độc lập kinh tế thực sự.

THẾ-NHÂN

THƯ-LÂM ẤN THƯ-QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào :

Trương-mục Bưu-điện số 2.701 Thư-Lâm ấn thư-quán.

(Xin xem B K. từ số 265 đến 271
và từ số 278 trở đi)

Khoa Nhân-học cơ-cấu của CLAUDE LÉVI - STRAUSS

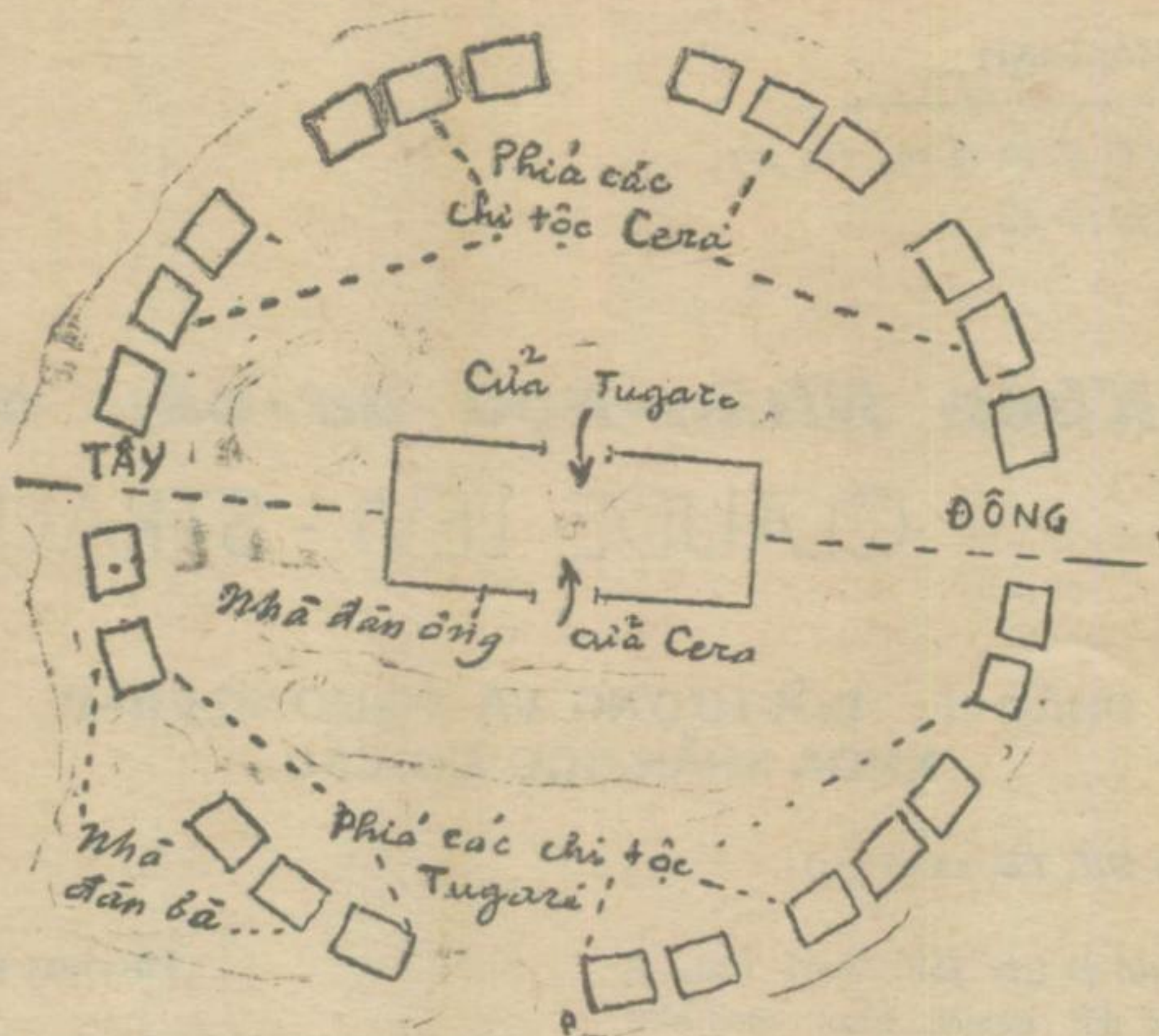
PHẦN I : ĐỐI-TƯỢNG VÀ PHƯƠNG-PHÁP KHOA NHÂN-HỌC CƠ-CẤU

(Xin xem BK. TĐ. từ số 279)

Mặt trời và trái Đất, Trời Đất, là hai yếu-tố đối nghịch nhau cũng như âm và dương, đực và cái. Mỗi tương-quan giữa những yếu-tố tương phản này phải xây trên *hoà-hợp* thì mới sinh ra may lành cho con người. Hoà-hợp là tình-trạng ở giữa hai tình-trạng cực-đoan mà ta nhất thiết phải tránh : đó là *tiếp-xúc* và *phân-ly*. Không nên trực-tiếp gần gũi, và cũng không nên xa cách, nhưng phải nhờ một trung-gian để hoà-hợp với nhau. Trong đầu óc của người cổ sơ, điều cấm kỵ khủng khiếp nhất là sự loạn-luân : từ trong cách tổ-chức nhà ở cho đến cách phân ranh-giới nghiêm ngặt giữa nam giới và nữ giới, rồi cách dựng vợ gả chồng, nhất nhất đều nói lên sự bảo vệ trật tự xã-hội khỏi sa vào cảnh loạn-luân. Loạn-luân là *gần quá*, cũng như không lấy được vợ là *xa quá*. Tổ-chức làng mạc và tổ-chức gả vợ lấy chồng (trao đổi) của các dân tộc cổ sơ ngụ ý tránh hai thái-cực kia, đồng thời tìm ra một phương-thức « Mỗi giới » cũng gọi là trung-gian giữa Nam và Nữ.

Tổ-chức nơi ở

Cách tổ-chức làng mạc của thổ-dân Nam Mỹ có nhiều điểm giống các làng Thượng ở Việt-Nam : ở giữa là nhà của đàn ông và chung quanh là các nhà của các gia-tộc. Đây chúng tôi theo sát mô-hình những làng của thổ dân Bororo do Lévi-Strauss ghi lại trong các sách của ông. Trên đồ-hình kèm đây, ta thấy ở chính giữa là căn nhà cho đàn ông và thanh thiếu niên chưa vợ, chung quanh ó 24 căn nhà cất theo vòng tròn, từng chòm 2 hay 3 căn liền nhau. Mỗi chòm là một chi-tộc. Và mỗi căn là nhà ở của một gia-tộc gồm hai, ba, bốn gia-đình. Tất cả 24 căn nhà ở vòng biên là nơi ăn chốn ngủ của đàn bà và trẻ nhỏ. Đàn bà con gái không bao giờ được đi tới nhà của đàn ông ở giữa : trái luật sẽ bị giết lập tức. Ngược lại con trai chưa vợ chỉ biết có căn nhà giữa này thôi, không được trở lại nhà của mẹ mình. Khi đàn ông có vợ, thì được tự do đi về nhà vợ, cũng là nhà của gia-tộc bên mẹ vợ, vì họ hàng



tính theo họ bên mẹ và khi cưới xong thì người chồng đến ở nhà mẹ vợ (anh chàng cũng có thể về thăm mẹ đẻ và các chị em gái của mình).

Địa-hình địa-vật của các căn nhà nơi làng thổ-dân tượng-trưng cho nhiều ý-nghĩa và nói lên nhiều tương-quan đối-ngịch : đàn ông / đàn bà ; giữa / chung quanh ; sống / chín ; tôn-nghiêm / trần-tục. Chúng ta đã thấy sự đối-ngịch giữa những cặp đàn ông / đàn bà, và giữa / chung quanh (vị-trí nhà đàn ông và các nhà đàn bà). Còn sống / chín được Lévi-Strauss giải thích : thịt sống mới sẵn được thì giữ ở nhà giữa, nơi đây cấm không được nấu nướng ; muốn ăn thịt nấu nướng thì mang về các nhà chung quanh của các gia-tộc. Nhà ở giữa cũng là nơi họ đan đẹo các nhạc-khí dùng vào việc tế-tự ; việc tế-tự diễn

ra ở nhà này, cho nên nơi đây cấm hẳn những công việc nội-trợ và sinh-hoạt trần-tục ; trái lại các nhà ở chung quanh dành cho đời sống phu-phụ cùng là những công việc gia-chánh (*Anthropologie str.* trg 151 và 157).

Tổ chức lấy vợ gả chồng

Loạn-luân là điển-hình của sự « gần quá » nghĩa là tiếp xúc giữa những yếu tố không nên tiếp xúc. Bởi vậy phải tìm cách lấy vợ nơi các chi-tộc ở ngoài họ. Nơi đồ-hình làng Bororo, ta thấy một đường thẳng chạy từ Đông sang Tây : đường này tượng-trưng cho phương-thức trao đổi đàn bà giữa các chi-tộc không cùng họ với nhau. Nói một cách tổng-quát, thì 12 chi-tộc bên Đông sẽ gả con gái của mình cho các chi-tộc bên Tây, và lấy con gái của các chi bên Tây cho con trai mình.

Như vậy tránh được hai thái-cực

là xa quá và gần quá. Trước hết nhìn vào địa-hình cái làng Bororo, thì căn nhà ở giữa (của đàn ông và con trai chưa có vợ) đóng vai trò trung-gian : điều này do tính-chất hai cửa ra vào của căn nhà : cửa mở về phía Bắc (cơ-sở của chi-tộc Cera) lại có tên là « cửa Tugaré » bởi vì những người đàn ông Tugaré đi lối này để về nhà của họ, tức nhà vợ của họ trong chi tộc Cera. Ngược lại, cửa mở về phía các chi-tộc Tugaré lại có tên là « cửa Cera ». Nhờ căn nhà giữa này, mà đàn ông tộc Cera cũng như đàn ông tộc Tugaré kiếm được vợ (từ xa đem về gần). Tránh được sự loạn-luân, và cũng tránh được cảnh không vợ.—
Đàng khác, xét về sự giao-tế giữa các chi-tộc Cera và Tugaré : hai phía là hai cực, hai thế-giới xa lạ đối với nhau. Nay nhờ sự trao đổi đàn bà mà trở thành « thông gia » với nhau, có họ với nhau : đàn bà là cầu tương-giao. Lévi-Strauss quen nói đến ba thứ mà người ta trao đổi với nhau trong xã-hội loài người : hàng-hóa, ngôn-ngữ và đàn-bà. Nhờ đàn bà mà cái ở xa (hai họ khi chưa có gả bán) nay đã t. ở nên gần (sau khi cưới).

Trên số báo trước, các thần-thoại đã làm sáng tỏ tính-cách cấm-ky giữa Trời và Đất, giữa Âm và Dương, Đực và Cái. Nhờ địa-hình của tổ-chức các nhà trong làng, và nhất là cách xếp đặt căn nhà của đàn ông, nằm giữa lẫn mức phân biệt hai tông tộc, với cửa Cera nằm trên phần đất của Tugaré và cửa Tugaré ở trên phần đất của Cera, người ta đã giải quyết thoả đáng tương-quan Âm-Dương, tránh không cho xảy ra sự trực tiếp gần gũi (loạn-luân) và cũng tránh cảnh xa cách (không lấy được vợ). Nhưng khi hai vợ chồng về ở với nhau thì sao ? Thần-thoại lại tiếp tục câu truyện như sau :

Theo Lévi-Strauss (*Le cru et le cuit*, trg. 334), nơi nhiều thổ-dân Phi-châu và

Úc-châu, các đôi vợ chồng mới cưới phải triệt-đề *im lặng* trong một thời gian (từ hai tháng đến một năm, tùy nơi). Phong-tục này cũng có ở nơi các dân miền Arménie, miền Caucase và đảo Sardaigne. Tại sao ? « Mỗi cặp vợ chồng tượng-trưng cho một sự đe dọa trật-tự xã-hội, chừng nào mà « gia-đình phụ-thê » chưa trở thành « gia-đình có con cái » : như vậy sự phối-hiệp giữa một người đàn ông và một người đàn bà được coi là hình ảnh thu hẹp của sự phối-hiệp đáng lo ngại giữa Trời và Đất. » (Sđ trg 334-335). Vẫn theo tác-giả thì ở đây cũng có một cặp tương-quan đối-ngịch giữa tiếng động và im lặng : tiệc tùng ca-vũ om xòm của lễ cưới là tiếng động, và sự làm thinh hoàn toàn của đôi vợ chồng mới sau ngày cưới là im lặng. Cũng giống như gần quá và xa quá. Vậy phải có một cái gì là trung-gian để hoà-giải hai thái-cực nọ : đó là sự sinh ra của đứa trẻ. Khi đứa trẻ sinh ra (hoặc khi người mẹ đã mang bầu rõ ràng), đôi vợ chồng mới sẽ được phép ăn nói như người thường. Giải-thích sự-kiện này, tác-giả viết : « Đứa bé sinh ra được coi như một người chồng hay một người vợ sau này cho xã-hội : sự-kiện này không những cho phép đôi vợ chồng mới lại gia-nhập vòng trao đổi hôn-thú của xã-hội (một điều mà họ bị gạt ra, bao lâu họ chưa có con). Hơn nữa đứa bé sinh ra đã làm nên « đệ-tam hạn-từ », tức trung-gian giữa hai-cực. Giữa người chồng và người vợ, đứa con (nhất là con đầu lòng) giữ vai trò tương tự như vai trò của lửa bếp giữa Trời và Đất » (Sđ trg 335).

Ta vừa chứng kiến một trường-hợp đồng-hình đứa con giống như lửa bếp. Đứa con đã chấm dứt những tình-trạng

đáng ngại của tương-quan âm-dương, đàn ông và đàn bà. Từ nguy hiểm quá gần, qua nguy hiểm quá xa giữa nam và nữ, nay sự hiện diện của đứa con chứng-minh một sự *hoà-giải* và một sự *liên-kết may lành*. Từ nay, guồng máy xã-hội lại có thể xoay vần êm thắm, và trật-tự sinh-tồn của giống nòi được bảo đảm.

Về phía tương-quan Trời và Đất cũng thế. Chúng ta đã bỏ giờ công việc theo dõi cặp tương-quan này để chăm chú nhìn theo những biến-cố của cặp tương-quan nam nữ. Bây giờ trở lại với cặp Trời và Đất : ta nhớ rằng loài người đã ăn cắp được *lửa bếp* của ông ba-mươi. Lửa bếp chấm dứt thời-kỳ lo sợ của loài người : từ nay con người có thể tự mình nấu nướng thịt mà ăn, không cần nhờ sức nóng của Mặt Trời nữa. Và để chống lại những đêm dài giá lạnh, con người vẫn an tâm vì biết rằng mình có lửa để sưởi và gia đình sẽ ấm cúng. "Sự hoà giải của lửa bếp được tỏ ra theo hai cách. Nhờ có lửa bếp mà tránh được một sự *xa lìa* hoàn toàn : lửa bếp là sự phối hiệp giữa mặt Trời và trái Đất ; nó bảo-toàn con người khỏi cảnh « thể-giới ửng thối », như có thể xảy ra, nếu mặt Trời thực sự biến mất. Nhưng sự hiện diện của lửa bếp cũng giữ vai trò « đứng xen vào giữa », nghĩa là nó tránh cho khỏi cảnh Trời Đất *giáp lại* gần nhau, do đấy có thể sinh ra nạn « thể giới bị thiêu » (Sd trg 229). Nói một cách nôm na, thì lửa bếp là con Trời ở dưới Đất, vì lửa là huyết thống của mặt Trời. Tóm lại, người thồ-dân bắt đầu những nhận xét của họ bằng cách xác định những cặp tương-quan đối nghịch, sau đó họ phải tìm ra những trung-gian để hoà-giải. Cách cảm nghĩ của họ về trời đất, nam nữ, vợ

chồng, cá nhân và đoàn thể v.v. luôn luôn xây dựng trên những mô-hình kiểu :

Trời : Đất :: Đực : Cái. (Sd trg 295).

Nhưng không phải chỉ có thế. Lévi-Strauss nói các truyện thần-thoại của một dân tộc giống như « một bài hòa-tấu còn dang dở » : người ta có thể dựa vào cái mô-hình kia để viết *thêm* nhiều chuyển-khúc mới. Chẳng hạn nơi nhiều dân-tộc có thói quen hơ lửa những đứa trẻ vừa sinh ra ; hơ lửa người mẹ vừa sinh sản ; hơ lửa người con gái dậy thì v.v. để biểu hiệu sự gia-nhập « nền văn minh », vì lửa là thành tích văn-minh điển hình của loài người. Thành thử « chín » có nghĩa là « văn minh » và được xã-hội chấp nhận (Sd trg 342). Rồi lửa lại còn một mớ những ý-nghĩa tượng-trưng khác : khi người con gái quá tuổi mà vẫn ế chồng thì người ta làm lễ đặt cô bên một lò lửa ; trái lại người con gái sớm có con quá lại phải chịu một nghi lễ như sau : người ta rút dép ở chân cô ta ra và cho cô ăn thịt sống. Đó là dùng nghi-lễ làm trung-gian hầu chế-giảm tình-trạng của hai thứ người : con gái ế chồng bị coi là « ửng thối » vì thiếu lửa, nên cô ta được đặt kề lò lửa ; còn người con gái đẻ sớm quá lại tượng-trưng cho « thể-giới bị thiêu » nghĩa là nóng quá, cho nên phải rút dép ra đặt chân xuống đất và ăn thịt sống cho bớt nóng (Sd trg 343).

Cứ thế. Cứ thế mãi, các truyện thần-thoại kết thêm vào nhau làm thành những chuỗi dài vô tận, nhưng đều có những yếu-tố chung nhau. Lévi-Strauss gọi như thế là « những tấm, những vách » của một bộ truyện có tính-chất đồng-hình...

Và tác-giả kết thúc cuốn « Sống và

chín » bằng nhận-định quan trọng sau đây : « Các nhà thần-thoại-học đã sai lầm khi nghĩ rằng những hiện-tượng thiên-nhiên mà các thần-thoại luôn nhắc tới, phải được coi là cái cốt-yếu của các thần-thoại. Sự sai lầm này cũng thật là đối-xứng với một sai lầm khác : sai lầm của những người muốn dùng những ý nghĩa luân-lý để giải thích các thần-thoại. Trong cả hai trường hợp người ta đã bỏ quên mất cái tính chất đặc biệt của thần-thoại là : nói cầu kỳ, xa xôi. Sự cầu kỳ này do sự truyền này trèo qua truyền khác. Nhưng bản-chất của thần-thoại cũng là bản chất của ngôn-ngữ : nó có chức vụ là nói lên những gì mà người ta muốn nói » (*Le cru et le cuit* trg 346). Do đấy mà nhiều nơi khác Lévi-Strauss đã nhắc đi nhắc lại rằng : người thổ-dân không chủ tâm nói lên những nhân vật trong các thần-thoại kia, cho bằng dùng những mẫu truyện thần-thoại để nói lên quan niệm của

họ về nhân-tình thế-thái. Cũng như kiểu nói trong dân gian ta : khi nói « cóc chết ba năm quay đầu về núi », người ta không có ý xác định rằng con cóc có lảng xa hang tổ của nó thế nào đi nữa, sau khi chết 3 năm nó cũng sẽ quay đầu về hang tổ, nhưng người ta có hàm ý rằng : cho dù nay con cái ngang tàng, chống đối hoặc ghét bỏ mẹ cha, nhưng rồi tình thiêng-liêng máu mủ sẽ làm cho họ nghĩ lại và quay về với gia-tiên. Đó cũng là ý-nghĩa trò chơi của trẻ con : chúng cầm những cục đất dẻo vào đầu những chiếc que cứng và dẻo để vung đi thật xa, vừa vung vừa nói « Cun cút mày cút cho xa, Đến ngày giỗ ông giỗ cha thì về với mẹ ». Các thần-thoại không ngụ ý kể truyện thần thánh, nhưng chủ ý nêu lên những quan-niệm sinh - hoạt mà xã - hội thổ-dân phải tuân giữ.

(Còn tiếp)

TRẦN-THÁI-ĐÌNH

SÁCH MỚI CỦA THỜI MỚI

Tháng 9 — 1968 :

TRIẾT HỌC HIỆN SINH

của Trần-Thái-Đình — tái bản theo lời yêu cầu của hàng vạn độc giả.

Tháng 10 — 1968 :

ĐẾ-THIÊN ĐẾ-THÍCH

của Nguyễn-Hiến-Lê

- Tập du ký đầu tiên xuất bản tại Việt-nam kể từ sau đệ nhị thế chiến,
- Tác phẩm mà người viết đã lưu giữ từ hai mươi lăm năm làm một kỷ niệm, trước khi cho ra đời.
- Một kỳ quan của thế giới dưới mắt một học giả Việt-nam.

פנינא

A votre service
tous les services de la

banque
nationale
de Paris

Giáo-sư Trung-học

phải chăng là một công-chức ?

Độc-giả Bách-Khoa, nhất là những người có quan-tâm đến nền giáo dục, không làm sao bỏ qua mà không đọc loạt bài đăng liên tiếp trong ba số gần đây nhan đề : « Giáo sư Trung-học, anh là ai ? ». Một câu hỏi hàm một ý-nghĩa mỉa mai, đặt lên cho một hạng người mà đáng ra khi nhắc đến ta phải có một lòng kính mến vì họ là « kỹ-sư của tâm hồn », là người dìu dắt thế-hệ trẻ, tương-lai rường cột của đất nước.

Trong bài thứ nhất, đăng trong BK số 277, tác-giả bài báo minh định rõ thành phần giáo sư Trung-học nào mà ông chọn để đặt vấn đề. Đây không phải là tất cả giáo sư Trung-học. Giáo sư trường tư thì ông cho thuộc vào một hệ thống tổ-chức lỏng lẻo. Giáo sư dạy giờ thì ông cho là có tính cách tạm bợ. Hai thành phần này ông không đụng chạm tới, có lẽ nhận thấy rằng nếu họ có thiếu sót phần nào trong khi thi-hành nhiệm-vụ thì cũng khả thứ được vì họ không được đào-tạo chu đáo ở trường Sư-phạm quốc gia. Đối-tượng chính mà ông đem ra nói đây là giáo sư tốt nghiệp các trường Đại-học Sư-phạm nhà nước, tức là thành phần tinh hoa nhất của giáo sư Trung học, thành phần đã được tôi luyện trong 3 năm với những phương-pháp mới và giáo sư đầy kinh-nghiệm, và theo tác-

giả là « thành phần nòng cốt nhất của một hệ thống chặt chẽ : hệ thống trường Trung-học công lập ». Sau khi đã định rõ đối-tượng chính rồi thì ông trình bày phần nhất : Sinh viên sư phạm được huấn luyện thế nào ở trường Đại học Sư phạm.

Trong bài thứ hai, B.K số 278, tác giả nói tới : Sinh viên sư phạm hành nghề thế nào khi ra trường ? Đề cho sự trình bày được rõ ràng, ông phân ra ba trường-hợp :

1. — Trường hợp những người vừa kém khả năng vừa thiếu lương tâm. 2. — Trường hợp những người học giỏi mà thiếu lương tâm. 3. — Trường hợp những người có lương tâm nhưng kém khả năng.

Thành phần đông đảo nhất là thành phần 1, nguyên nhân không thể tránh được, theo tác giả, là vì họ « đi ra từ thứ lò luyện còn nhiều thiếu sót »

Trong bài thứ ba, BK số 279, tác-giả đề-nghị những cải cách và trong phần kết luận, ông kêu gọi mọi người thảo-luận những ý-nghĩ và nhận xét của ông trước tình cảnh bi đát của một nền giáo dục đang trên đà xuống dốc.

Tác giả, ông Huỳnh-Phan không phải là người ngoài cuộc. Đây lời ông tự

giới-thiệu : « Người viết bài này là kẻ đi ra từ một trong hai trường Đại-học Sur-phạm hiện tại » và đây là chủ đích của ông khi viết bài này : « viết đề mô tả cái « đã là » (đã = đang) của những giáo sư tốt nghiệp Đại-học Sur-phạm, tức là cũng đề hướng tới, đề thử đề nghị, kêu gọi « cái sẽ là ».

Thật là rõ ràng và minh-bạch. Chúng tôi tưởng không có người nào đủ tư-cách hơn ông Huỳnh-Phan để đem những trường-hợp điển hình trên ra mổ xẻ và phân-tích một cách khoa-học như thế.

Anh em cùng sinh trưởng trong một gia đình, cùng chịu sự giáo dục của cha mẹ, chung sống với nhau, buồn vui có nhau, tất phải hiểu nhau hơn ai hết, tánh tình, hành vi, cử chỉ của nhau. Nên chi, đọc xong loạt bài báo, chúng tôi không chút hoài-nghi và mạnh dạn tin tưởng rằng những nhận xét của tác giả là đúng. Mục đích của tác-giả cũng hoàn toàn xây dựng. Ông không có ác-ý vạch áo cho người xem lưng, nói xấu đồng nghiệp vì theo chúng tôi nghĩ nói xấu để làm gì ? Đứng trước hiện tình xã-hội hiện tại, nam nữ thanh-niên đang đứng trên bờ vực sa-đọa mà những cán-bộ giáo-dục thì thiếu tinh thần trách-nhiệm, việc làm của ông Huỳnh-Phan quả vô cùng có ý-nghĩa và tiếng nói của ông lúc này có tầm quan-trọng to lớn đáng được đặt hàng đầu tờ tạp-chí để cho mỗi một chúng ta khi đọc lên trông lấy rõ hiện tình việc dạy dỗ con em bây giờ là thế, rồi cùng nhau tìm phương pháp bổ cứu.

Có người thấy việc hư hỏng trong xã-hội mà không buồn nói, hoặc là trước hoàn-cảnh chiến-tranh kéo dài và càng ngày càng tàn khốc, họ tưởng chừng như mọi cơ cấu có chiều đổ vỡ mà một

tấm tranh, một nuộc lạt không thể xây lại cái nhà, đành giữ thái-độ buông xuôi, hoặc sợ bứt dây động rừng. Ông Huỳnh-Phan không có thái độ tiêu cực và sợ sệt đó. Ông mạnh dạn mổ xẻ hàng ngũ và chính mình, không sợ đau, không sợ anh em trách, vì ông tự thấy việc làm của ông không có tính cách cá-nhân vụ lợi mà chính vì lợi ích tiền-đồ của dân-tộc. Ông nói : « xin đừng hiểu rằng người viết đứng ở một thế « thiện » để nói về những « bất thiện ». Biết đâu chính chúng tôi đang hư hỏng, sa đọa trầm trọng và lời của chúng tôi ở đây là lời kêu cứu chới với dưới hố thẳm. Hoặc biết đâu chúng tôi đang đứng bên miệng vực sa đọa và lời chúng tôi là lời hốt hoảng báo động ! Chúng tôi viết về chúng ta tức là về chính mình. Bởi vì hẳn tất cả chúng ta đều đồng ý ; rằng trong hàng ngũ chúng ta, những hư hỏng như đã đề cập trên kia không phải ít và ai trong chúng ta cũng đã, đang hay sắp bị xô tới chỗ hư hỏng ! Chúng ta biết rõ những hư hỏng của chúng ta, nhưng chúng ta không đủ sức tự thoát ra khỏi vùng bóng tối mệt mỏi, chán chường hiện tại. Càng ngày chúng ta — trong sự không có lối thoát chung của khung cảnh giáo dục — càng cảm thấy gánh nặng nghề nghiệp đè chiu trên vai... » Lời lẽ chân thành và thống thiết làm sao, nó thốt lên từ đáy lòng của một kẻ đang đau xót vì đất nước.

Hồi tưởng lại lớp trước các bậc thầy học tiền bối của chúng ta đã dạy dỗ chúng ta như thế nào ? Các cụ coi nhiệm-vụ dạy dỗ là một thiên-chức, cho nên các cụ đã tự rèn cho mình thành một gương mô-phạm vô cùng sáng lạng mà ánh sáng còn chiếu mãi trong lòng kẻ

hậu bối trải bao thế hệ và biến cuộc. Chúng ta làm sao quên được những gương hi-sinh vì chức-vụ của các bậc Thầy chúng ta, các cụ Dương-quảng-Hàm, Lê-Thước, Ưng - Quả, Huỳnh-văn - Gi, Lê-bá-Cang, Hồ-văn-Ngà và biết bao nhà mô-phạm đạo đức nữa. Các cụ đều tốt nghiệp trường Cao-đẳng Sư-phạm Đông-dương, các cụ đã không coi mình như là một công-chức, suốt đời tận tụy hi sinh cho nghiệp vụ, yêu nghề, yêu trẻ, không phải vì tiền vì danh vọng mà phục vụ, sống đơn giản, chết âm thầm. Ai đã đọc bài của ông Nguyễn-hiến - Lê viết trên Bách-Khoa số 236 nói về thầy học của ông : Cụ Dương quảng Hàm, mới thấy rõ đạo đức tác phong của một nhà đại mô-phạm, mới thấm thía được mối cảm thông giữa thầy và trò trước thời cuộc. Ông nói : « Tôi cho rằng chúng tôi đã có phước mới được sống một giờ học vô cùng cảm động như hôm đó, mới được trông thấy cụ khóc trước mặt chúng tôi như vậy, mới được nhận một bài học lặng lẽ và cao thượng như vậy. Cha mẹ mà đau khổ lặng lẽ vì hành động của con cái thì là chuyện thường rồi, thầy học mà đau khổ lặng lẽ vì hành-động của học trò thì cả một đời người chưa chắc gì đã gặp được một người như cụ. »

Tôi còn nhớ mãi sự hi-sinh tốt bụng cho chức vụ của thầy học tôi : Cụ Huỳnh văn Gi. Năm 1945, phát-xít Nhật trước khi có lệnh rút lui đập phá tất cả các nơi họ chiếm đóng. Trường Trung-học Qui nhơn đã ở trong tình trạng đó. Cụ và một số môn sinh thu nhặt một ít sách vở và dụng cụ còn sót lại, bỏ vào xách mang đi, và với một số đồng nghiệp yêu nghề ra Song-Thanh tổ chức lớp dạy lại. Rồi thì theo biến chuyển của tình

hình, cụ phải dọn trường đi nơi khác, khi Bồng-Sơn, khi Thiết-Đính, đến đâu có bóng dừa, có cây cối là tổ-chức lớp học. Cụ đã trải biết bao gian-khổ về vật chất cũng như tinh-thần, đi bộ hàng trăm cây số, thiếu-thốn mọi bề, nhưng cụ không hề nao núng, không ngại khó khăn miễn sao làm tròn nhiệm-vụ thiêng liêng của mình là bảo-tồn nền văn-hoá dân-tộc.

Ngày nay ai đi ngang qua đường Công-ly, đến số nhà 215, thấy có tấm bảng sơn trắng mang hàng chữ xanh « Hội Ái-hữu cựu học sinh Lê-Bá-Cang » mà lòng không lâng lâng rung cảm trước nỗi lòng nhớ thương của những môn sinh đối với bậc Thầy đã quá cố. Ta có thể liên tưởng đây là hội đồng môn ngày trước. Thầy mà được học trò nhớ ơn sâu đậm như thế vì đã hết lòng dạy dỗ nên được coi trọng như cha.

Bậc Thầy danh tiếng ngày xưa của đất Đồng Nai, Cụ Võ Trường-Toản đã đào - tạo biết bao danh-nhân cho đất nước : Lê-quang-Định, Trịnh-hoài-Đức, Ngô-nhân-Tịnh, Ngô-tùng-Châu, Phạm-ngọc-Uần, Phạm-đăng-Hưng.

Đó là cái quá khứ vẻ vang của một nền giáo-dục dân-tộc mà ngày nay chúng ta phải noi gương và có bổn phận duy trì cái truyền thống đứng đề cho nó mai một mà có tội với tiền nhân.

oOo

Là một kẻ suốt đời dẫn thân cho sự nghiệp dạy trẻ, đứng trước một tình hình dạy dỗ xưa nay chưa từng thấy, tôi xin góp một số ý kiến với ông Huỳnh-Phan.

I.— Theo tôi, bệnh trầm trọng nhất là thiếu lương tâm. Kém khả năng thì có thể tha thứ được. Nhưng tại sao cũng một giáo sư thiếu khả-năng ở trường

công mà ra trường tư họ đủ khả-năng ? Họ dạy chăm và dạy giỏi, bởi ở đây mà dạy chăm câu và dạy dở thì còn lâu các chủ trường mới dành giờ cho mà dạy. Nguyên nhân cũng bởi quan-niệm sai lầm giáo sư là công chức, quan-niệm này xuất phát ngay từ Đại-học Sư-phạm « các anh là công-chức » nên người sinh viên Sư phạm đã tạo cho mình một tác phong công chức : qua loa, lấy lệ, sớm vá ô đi tối vác về.

Nhưng giáo sư đâu phải là công-chức ?

Giáo sư Trung-học phải có những đức-tính mà nhiệm vụ của người công chức không đòi hỏi phải có, là lòng nhiệt-tâm với nghề, sự tận tâm và hi-sinh cho chức - vụ. Giáo sư phải hăng say làm việc vì họ phải hiểu rằng nhiệm vụ của họ là cao cả. Họ biết rằng họ chuẩn bị cho tương lai, rằng trường học là lò rèn luyện nhân tài cho đất nước ngày mai. Nhiệm vụ ấy, họ yêu, họ quý bởi vì nó cao và đẹp, họ yêu nó nên họ đem vào đó hết nghị-lực và tinh-thần

Cho nên vấn đề đặt ra là phải xác định đúng đắn vai trò của người giáo sư Trung học, chỗ đứng của mình trong cộng đồng xã-hội và trong tương lai của đất nước. Công việc này do trường Đại-học Sư-phạm làm mà cũng chính bản thân người sinh-viên sư-phạm phải chuẩn-bị tư tưởng để một khi ra trường khỏi thi hành nhiệm vụ một cách lệch lạc. Không rèn luyện được cho sinh-viên sư-phạm một tư tưởng đúng đắn về thiên-chức của mình thì những sửa đổi nào khác cũng chỉ là vô-ích vì không phải là phương-thuốc mà căn bệnh đòi hỏi.

2.— Giáo sư Trung-học không cần phải

có một học-thức uyên-thâm mới dạy được. Với cách tuyển-lựa và cách đào tạo hiện thời ở Đại-học Sư-phạm, với bằng cấp và thời gian đã qui-định, người sinh-viên sư phạm chuyên cần và chăm-chỉ, lĩnh hội được tất cả những gì đã học trong 3 năm thì khi ra trường đã có một vốn vững vàng để dạy các lớp Trung-học. Họ không thể kém khả năng được nhưng nếu họ có kém chút ít đối với anh em mà họ tận tâm với chức vụ thì họ cũng trở thành một giáo sư tốt. Nguyên tắc sư-phạm xưa có nói : « một ít kiến thức, nhiều lẽ phải và vô cùng tận tâm, đó là những điều cần phải có để làm một nhà giáo tốt » (un peu de savoir, beaucoup de bon-sens et surtout infiniment de dévouement, voi là ce qu'il faut pour être un bon maître). Đối với giáo sư, cần có nhiều lẽ phải và vô cùng tận tâm, hai điều-kiện tất yếu phải có. Nhiều lẽ phải để biết chọn cái nào nên dạy cái nào không, phải biết nhìn đối tượng mà dạy, không dạy quá cao đối với trình độ thấp, phải soạn bài chu đáo, không đến lớp nói vu vơ vì thiếu chuẩn bị, không phải bạ đâu phạt đó gây giữa thầy và trò một xung đột ngấm ngầm đi đến kết quả tai hại như ta thấy trong những năm vừa qua. Tình thương kêu gọi tình thương. Thầy không thương trò làm sao trò thương thầy, mà trong sự dạy dỗ nếu tình thương này không có thì sự học không có kết quả.

Phải vô cùng tận tâm trong việc soạn bài, giảng bài, chấm bài, theo dõi sự tiến triển của từng học sinh. Phải vô cùng tận tâm để rèn luyện đức tính của học sinh. Có những phần tử khó dạy, ta phải kiên trì.

3. — Sinh - viên Sư-phạm một khi ra trường rồi ít chịu khó tìm tòi, học hỏi,

ngiên-cứu thêm đề trau dồi nghiệp-vụ. Dạy sử-địa, họ ít tham-khảo những cổ-sử hoặc những sách mới xuất bản để có những tài liệu hợp thời, họ bằng lòng với những con số hay sự kiện xưa cũ trong khi hiện tình thế giới đã thay đổi từ lâu. Dạy sinh-ngữ, họ không chịu tìm học và áp dụng những phương-pháp giảng dạy mới, phương pháp linh-động, cụ-thể, tập cho học sinh nói nhiều hơn viết, để một khi ra trường sử-dụng được sinh-ngữ mình đã học. Dạy khoa-học, họ không làm cho học sinh xem, hoặc làm không được những thí-nghiệm nhỏ về vật-lý về hóa-học. Tôi thấy một giáo-sư khoa-học đã cố gắng tự tạo cho mình được một phòng thí-nghiệm với những dụng cụ rẻ tiền, sáng chế từ những chất liệu lấy ngay trong đời sống hằng ngày để giúp cho học sinh một nơi thực-tập mà am hiểu thấu đáo những bài học trong lớp. Dạy về khoa-học thực hành, họ không đem học-sinh tiếp xúc với thực-tế với thiên-nhiên, không có những lớp ngoài trời, họ không cho học sinh xem những nhà máy sản-xuất, nông trại, trại chăn nuôi, hoặc cho xem những công việc đồng áng học hỏi người nông dân về cách bón phân, gieo mạ, kinh nghiệm về chăn nuôi, v.v.

Họ chỉ dạy theo sách vở, chỉ nô-lệ theo chương-trình, chạy đua theo thi-cử, còn việc đào tạo cho học sinh trở thành một người công dân có thể sống trong xã hội mới, một xã hội tiến-bộ ngày mai, một khi ra trường, thì tuyệt-nhiên họ không nghĩ đến. Dạy dỗ như vậy và chương trình học như vậy thì làm sao ta trách được là các cụ ta ngày trước chỉ chú trọng từ-chương thi-cử?

4.— Về đề-nghị lập lưu-xá sư-phạm và

cưỡng bách sinh viên lưu trú, tôi nghĩ việc sống tập thể để cùng ăn, cùng ở, cùng học, trao đổi ý kiến với nhau là việc hữu ích nên làm. Chắc lúc này chưa có thể thực hiện được, tôi xin đề-nghị là anh em sinh-viên sư-phạm nên tổ-chức học tập-thể và sống tập thể từng nhóm chín, mười người. Sinh viên từng ban học tập-thể với nhau. Mỗi tuần họp chung vài lần, cùng nhau xây dựng một bài dạy hay một vấn đề giáo dục rồi chỉ định thuyết-trình-viên lên đứng trình bày trong lúc anh em khác theo dõi và ghi nhận xét. Kết thúc bằng một cuộc thảo-luận rút ưu khuyết điểm và đề phương pháp bổ-cứu. Thuyết-trình-viên phải được luân phiên chỉ định. Như thế mọi người đều có cơ hội nói trước đông thính giả nhiều lần, lâu thành dạn dĩ, ăn nói hoạt-bát, khỏi phải tổ-chức những lớp hùng-biện như tác-giả đã đề nghị.

5.— Có người nói sở dĩ có tình trạng dạy dỗ bi đát ngày nay là do vấn đề kinh tế mà ra. Họ nói: Anh thử nghĩ ngày nay một người thợ thường hay một chị bán hàng rong mỗi ngày kiếm một ngàn bạc dễ như chơi, còn mình tốt-nghiep Đại-học Sư-phạm, mỗi tháng lương mười lăm ngàn làm sao đủ nuôi gia đình? Có nhiều người không bằng cấp gì, hay bằng cấp kém hơn, họ làm tư sở hoặc công sở rồi họ chạy áp-phe thêm, mỗi tháng kiếm năm bảy vạn là thường mà mình công việc khó nhọc, đồng lương thua anh bán phở dạo! Xin thưa: nếu quan-niệm như thế, nghĩa là ở đời nếu lấy đồng tiền làm cứu cánh thì phương-tiện đi làm nghề dạy là sai. Nên chỉ trước khi thi vào Đại-học Sư-phạm hay nói chung trước khi dẫn thân vào nghề dạy trẻ, thì phải dứt khoát tư tưởng, đây là cái

nghề khổ, cái nghề phải tận tụy, hi sinh chứ không phải cái nghề làm ra tiền vạn bạc triệu, và người nào không quan niệm được như vậy thì xin đừng bước chân đến cửa trường Sư-phạm làm gì mà than thở.

Bởi từ xưa nay ta quan niệm nhà-giáo là một nhà truyền giáo (un missionnaire) — nhà truyền-giáo theo đúng nghĩa chơn tu —. Có việc người ta làm được mà giáo sư không làm được. Có lời, người ta nói được mà giáo sư không nói được. Có chỗ người ta tới được mà giáo sư không tới được.

Do đó mà vừa rồi đây, trước sự bế tắc của nền giáo dục nước nhà, mỗi năm có hàng vạn học-sinh thi đậu tú tài, ai cũng đổ xô thi vào hai trường Y, Dược để sau này có nghề chắc chắn và kiếm

được nhiều tiền ; một số giáo-sư thừa cơ tổ-chức lớp luyện thi Y-Dược, dạy hai tháng lấy 4000 đồng, các báo ở ạt phản đối, đả kích rùm beng, trong lúc đó thì những quảng cáo rao khác, về tổ chức Đại-nhạc-hội các nghệ sĩ có thể kiếm lời nhiều hơn mà tuyệt nhiên không ai nói năng gì ! Ở các nước khác không có những việc như vậy mà tại sao ở nước ta lại có ? Là vì cái truyền thống cho giáo sư là một nhà đạo-đức mô-phạm đã ăn sâu vào trí óc người Việt mà giờ đây trước tình trạng các giá trị tinh thần đảo ngược, người Việt chúng ta vẫn giữ nguyên vẹn, đó là cái hãnh-diện của nòi-giống, cũng như cái tinh-thần bất khuất của dân tộc.

TRẦN-SI

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S.O.A.E.O.)

DIVISION VIETNAMIENNE

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) - SAIGON

Tél : 93 741 — 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE

— PROTOXYDE D'AZOIE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acéfilénique et électrique

Instalations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ETUDES ET INSTALLATIONS

CÚI MẶT

5* | Lìn-kìn rồi cái trại cũng dựng xong. Người ta lại lếch thếch dọn đi lần nữa. Trại mới ở một chỗ bằng phẳng, rộng rãi sát một con suối lớn. Ba dãy nhà dài, cao ráo quây lấy một khoảng sân rộng ở giữa. Mặt sân không có một tảng đá nhô lên, các cây con được đốn đến tận gốc, trông sáng sủa gọn mắt như một khu vườn vừa cấy cỏ. Nhìn ở xa, trại có vẻ thơ mộng của một thôn trại núp dưới những tàn cây lớn, kín đáo như núp dưới những tấm lọng xanh khổng lồ. Tuy vậy vẫn chưa thật hoàn hảo, người ta còn phải dựng một hàng rào cây quanh trại và cắm một lớp chông bên ngoài.

Sang trại mới, người ta lập tức sống một không khí mới : không khí của những ngày kế cận ngày lễ phóng thích. Đi đâu cũng thấy người ta xôn xao phỏng đoán những người có thể được ân xá. Mấy mụ đàn bà ít nói nhất, lúc nào cũng khép nép như phải đeo bản nội qui trước mặt cũng không giấu được vẻ hớn hờ. Họ cười vu vơ mỗi lần gặp nhau. Ban đêm ngoài tự giác, từng toán nằm gác chân lên nhau kể lại những kỷ niệm ở thôn quê : vụ lụt năm đậu làm trôi cả nhà cửa, trâu bò, gà vịt..., vụ lúa năm Hợi được mùa lúa chín ngập đồng, thóc chứa đầy bồ, đầy cót...

Sáng hôm mười bảy, cơ quan phải hơn ba chục người xuống núi sê trâu. Cả trại lại ồn lên, họ được dịp nói tới các món ăn. Mấy mụ đàn bà mới đầu còn giữ ý, sau như bị thúc dục bởi óc

tò mò cũng ngồi ghé vào hếch mắt nghe kể những món ăn lạ, tỏ vẻ thán phục tài thưởng thức của mấy gã đàn ông. Giữa không khí nhộn nhịp ấy, tiếng kêu la rên rĩ của một vài người bệnh nghe thật vô duyên. Thỉnh thoảng tin một người đang hấp hối, xác một người chết được khiêng đi chỉ đủ làm họ dừng nói, ngược mắt nhìn lên, mặt hơi cau lại, một tiếng thở dài, một tiếng chắc lưỡi, họ lại cúi xuống tiếp-tục câu chuyện đang nói dở. Bóng mấy ông cơ quan lui cui bên những đồng hồ sơ dầy, ghi ghi chép chép càng tạo cho họ cái phần khởi đề nói nhiều hơn.

Từ ngày dọn sang trại mới, An điều đình với anh Bốn đoàn giao việc chôn cất cho một toán khác viện lẽ trại đã làm xong dư người, phần khác việc khiêng một xác chết đi hàng nửa cây số

việc đào một cái hố cho sâu ở giữa giải núi đá này không phải là một chuyện dễ cho một toán gồm toàn những người yếu đuối. Anh Bốn đồng ý nên bây giờ Quang chỉ phải nhặt rác, quét lá vun thành đồng đem đồ ở một bụi rậm gần suối. Thằng Tân cùng làm việc với Quang. Nó vừa làm vừa lải nhải kể lại chuyện đi Nha-Trang với cái quán ăn Tàu xẻ rập chớp bóng Tân-Quang. Không hiểu nó kể đến lần thứ mấy mươi, lần nào thì cái đĩa cơm cũng quanh quần có mấy cọng xà-lách lót bên dưới, một quả trứng, mấy miếng thịt kho mặn, vậy mà lần nào mắt nó cũng tròn lại, miệng méo xệch đi. Nó kh n thằng cha Tàu già ngồi ở quầy hàng tốt bụng, thấy nó chan xi-dầu lên cơm ướt lông bông như chan canh mà vẫn chỉ mỉm cười với nó. Quang không chú-ý đến câu chuyện, mãi nghĩ đến chuyện khoan hồng. Mấy hôm nay, Quang sống trong sự chờ đợi khắc-khoải, đầu óc đặc sệt những ý-nghĩ không đâu. Quang kiểm điểm lại những ngày đã qua, tự hỏi mình có làm điều gì lầm lỗi để cơ-quan phải đề ý? Quang không chắc lắm nhưng dường như cũng đã có những sơ-suất mà Quang không nhớ nổi rồi đâm lo sợ. Nhưng nhớ mình đã có lần được bầu làm cá-nhân xuất sắc. Quang lại tự hào về sự chăm chỉ và khôn ngoan của mình. Hàng trăm ý-nghĩ tương-phản cứ thế tiếp nối nhau làm Quang đờ đẫn như người mất hồn, vui buồn lẫn lộn. Nghĩ đến những điều đã nhận trên cơ-quan, Quang thất vọng, buồn bã, muốn gào lên cho mọi người đều biết là Quang không có tội gì cả, Quang phải nhận vì không thể nằm hoài trong kỷ-luật với dây dợ, cùm xích. Những lúc ấy Quang thấy mình thật cô đơn, những người xung quanh đều giả dối, ích-ký và lãnh-đạm. Họ chỉ biết

sống cho riêng họ, tàn nhẫn với những người khác. Trông thấy ông Sáu Côn, ông Ba Lớn, Quang tự hỏi tại sao một người xử án lại có thể thiên-lệch, cực-đoan đến vậy và ao-ước được đánh đổi địa-vị, không hề làm gì cả, chỉ để nói cho ông ta biết Quang không hề nhúng tay vào tội ác, Quang đi dân-rệ vì chỉ muốn sống gần vợ con, Quang trong sạch và lương thiện.

Nhưng rồi ở một lúc khác, suy luận theo một đường khác, Quang lại chứa chan hy-vong. Những lúc ấy, mọi người chung quanh lại trở nên dễ mến, cả con rựa long cán gác ở gốc cây, cái chổi sứt những đường dây cột cũng có vẻ gì âm thầm, nhẫn - nại, đáng quý bên trong. Trong phút sung sướng, Quang thấy lòng mình như mở rộng để tha thứ, yêu-thương tất cả mọi người. Cứ như thế Quang ngụp lặn trong những ý tưởng của mình để buồn bã, vui vẻ, ray rứt, hy vọng...

Suốt sáng hôm mười tám, quan khách các nơi lũ lượt kéo đến. Họ đi thành tốp năm, ba người hoặc đeo súng trường, hoặc đeo súng lục. Họ quanh quần đi xem khắp trại, chỉ chỗ, cười nói. Những chiếc võng giăng khắp nơi, tiếng ra-dô mở ồn ã. Trại như đông hẳn lên. An với cây bút sơn, tay chân dây rột mực, đứng ngắm những câu biểu ngữ đỏ chói treo trên cành cây. Buổi chiều đoàn người xẻ trâu trở về. Lúc bốn cái đuôi trâu được dựng ở vách bếp sừng sững như những đoạn gỗ đen thì trại ồn gần giống cái chợ. Đám trại-viên bỏ dở công việc ủa lại ngắm những thúng thịt, thúng xương đầy nhóc, chỉ chỗ đôi sừng trâu ước đoán non già. Ông đoàn phó vừa hét vừa dơ cả hai tay xua đuôi. Họ dân ra một chút rồi lại sát lại gần hơn. Mãi tới lúc

người cảnh vệ vác súng xuống, họ mới lảng đi chỗ khác.

Một toán đàn ông được chỉ định làm bếp. Trại vui như hội. Tiếng nôi niêu va chạm, tiếng dao chặt chí-chát vang cả một góc trại. Quãng đường từ bếp đến suối ướt đầm, chỉ chít những vết chân người đi rửa thịt, rửa rau. Ban đêm từng đám than hồng được đốt lên rải rác trong sân để xào nấu, thui da, hầm thịt... mùi thơm lừng lên trong không khí. Những người không phận sự, lơ đãng nhìn qua những thân cây chắn ngang, bàn tán chuyện này, chuyện nọ.

Ngày lễ tới ! Buổi sáng mọi người được ăn cháo thịt. Cháo nóng thơm mùi lá lốt, đặc sệt những miếng thịt trâu thái dày. Tiếng cãi cọ lúc chia phần ăn ồn lên trong các toán. Sau nhiều tháng ăn cháo với muối, mọi người đều không dấu được vẻ thèm thuồng, lúng búng nhai từng miếng thịt không buồn nuốt, ngâm nga như muốn kéo dài hương vị béo ngậy của miếng thịt trên lưỡi. Ăn xong ngồi tựa vào gốc cây gỗ gõ cái ống lon nhìn Quang cười :

— Ngày nào cũng ăn uống thế này, ba tháng nữa người mình tròn như trái bóng, lặn một cái xuống tới chân núi.

Quang ngơ ngẩn nghĩ tới ông Xu và Thảo, tiếc cho họ lúc chết không được biết đến miếng ngon.

Ăn xong mọi người được về trại nghỉ. Họ ngồi quây quần kể lại những miếng gan, miếng tiết bắt gặp.

Một vài người thản nhiên hơn, ngồi nhìn lên nhà cơ quan theo dõi phiên họp. Các cán bộ ngồi bệt xuống sàn theo chiều căn nhà làm thành một cái khung chữ nhật. Văng vẳng có tiếng ông Sáu Côn đương nói, Quang nhận ra những tiếng

chính sách, cách mạng, giác-ngộ, khoan hồng.... Giữa lúc đó một người cảnh vệ hối hả bước vào. Không đầy nửa phút cả phòng họp tủa ra đầy sân. Họ đón tiếp một cán bộ mới. Người mới tới là một người đàn ông không già lắm, dường như vừa qua khỏi cái tuổi thanh xuân, nước da trắng, vóc người cao cang làm tăng thêm vẻ thanh tú của khuôn mặt. Ông ta đứng giữa hai người hộ vệ đeo súng trường, thông thả dơ tay bắt từng người. Sau những nghi lễ chào đón đơn sơ, đoàn người chậm rãi kéo lên nhà cơ quan. Phiên họp lại tiếp tục cho đến xế chiều, lúc trại viên bắt đầu chia cháo mới dứt.

Buổi tối, khi ánh nắng vừa biến mất khỏi đầu ngọn cây, trại viên được lửa vào dãy nhà bên phải, ngồi nối đuôi nhau thành từng đường dài trên sạp. Gian phòng đã được trang trí tạo vẻ lạ mắt, long trọng. Phía trên cùng kê ba cái bàn phủ khăn đỏ; một lọ hoa với mấy bông hoa trắng giả đặt chính giữa. Sau nữa là ít hàng ghế dài vừa đóng kê sát đến tận, đầu hồi, nơi có treo lá cờ mặt trận với câu biểu ngữ " Mặt trận dân tộc giải phóng miền nam muôn năm " viết kiểu chữ in, màu đỏ chói.

Quang ngồi giữa An và ông già Chăn cùng toán, người rạo rức một cảm giác kỳ lạ. Bao nhiêu ngày mong mỗi cái giờ phút trọng đại này, lúc nó đến kề cận, Quang lại sợ hãi muốn nó dừng lại. Thăng Tân ngồi dựa đầu vào vai An xoa xoa tay lên đùi nói :

— Anh Hai này, nếu cả ba đứa được về anh có làm cái trại đó không ?

Có chớ — An đáp — tao ớn đi làm công chức quá rồi !

Ông già Chăn tò mò, quay sang hỏi :

— Trại gì vậy ?

Thằng Tân ngồi thẳng người dậy, nhanh nhẩu :

— Trại này á, sao ông biết được, tụi tôi định nuôi gà, nuôi heo; nuôi chim, nuôi cá, nuôi bò...

— Nuôi ngựa, nuôi chó, nuôi mèo. An tiếp.

Thằng Tân ngoẹo đầu, cười rúc lên. Lúc dứt cơn cười, nó ngồi ngay ngắn giữ vẻ mặt nghiêm trang :

— Anh Hai, đừng nói dõn chớ. Tụi mình làm cái trại đó thiệt mà, tôi nuôi heo, nuôi gà, anh Quang làm ruộng tưới vườn...

— Thì tao có nói không đâu ?

An ngắt lời, ngừng móc đất ở kẽ móng chân, quay sang giải thích với ông già Chăn :

— Tụi tôi định chuyển này được tha về đi làm đồng, làm ruộng. Chiến-tranh này ngán quá rồi. .

An chép lười. Ông già dễ đi đến tâm sự :

— Nói gì nữa ? Cốt sao mình sống qua ngày. Thiệt tình mà nói, mình đâu có ham chức này chức nọ, mình chỉ thích có ngôi nhà, miếng ruộng, nuôi vài con gà phòng khi cúng quải. Trong nhà vợ chồng, con cái gần gũi nhau là vui rồi. . .

Quang ngồi nghe lơ đãng. Nghĩ tới việc mấy hôm nữa được trở về nhà, được trông lại những người thân yêu, Quang bưng bưng niềm vui ngây ngất và vẽ ra trong óc một cảnh đón tiếp bất ngờ. Ai sẽ là người trông thấy Quang đầu tiên ? Ai sẽ khóc nhiều nhất ? Thằng Hồ có còn nhận ra Quang ? Nhi sẽ làm gì khi trông thấy khuôn mặt xanh xao,

hốc hác của chồng ? Những câu hỏi gợi niềm vui sướng, Quang lao đao trong một thứ men lạ của tình thương yêu sống lại.

Nhiều ngọn đèn chai được thắp sáng rải rác theo chiều dài của căn phòng, soi rõ những câu biểu-ngữ xanh đậm mắc trên vách. Quang nhìn ngọn lửa bốc cao, nhả từng cuộn khói dày, và đọc đi đọc lại nhiều lần câu biểu-ngữ kể bên : « Tinh thần giác - ngộ, khí - giới đầu tiên diệt Mỹ », Đầu óc trống rỗng, Quang không hiểu gì với câu nói đó. Các cán-bộ lục-tục kéo vào chia nhau ngồi trên những dãy băng phía sau. Gian phòng đột ngột im lặng làm tiếng chân bước của họ nổi lên rõ hơn. Ông Sáu Côn trịnh-trọng với cái áo sơ-mi trắng, cái quần tây vàng hơi rộng và khẩu súng lục nằm gọn trong bao. Sau một vài thủ tục nghi-lễ, ông đứng lên đọc bài diễn - văn khai mạc. Tiểu-sử Hồ chủ-tịch chiếm đến nửa bài diễn-văn dài. Bác Hồ theo đó, được tả như một người thật gần gũi với tất cả đám dân nghèo, nhưng cũng thật cao xa để không ai với tới. Ông dứt lời giữa những tràng pháo tay kéo dài. Tiếp theo ông Ba Lớn với tư cách thủ - trưởng trong trại, đứng lên trình-bày về tình-hình chung trong trại trong những ngày địch bao vây. Với giọng trầm-trầm, đều đặn, ông nói những nguyên-nhân gây ra cảnh thiếu thốn, sự khổ cực mà anh em đã trải qua. Ông bày tỏ nỗi xúc động của ông khi chứng kiến bệnh kiết-ly và cơn đói khát hoành hành trong trại, nhưng ông cũng tỏ ý phiến trách một số người nhân cơ hội đó có những hành-động và tư-tưởng chứng tỏ một tinh-thần giác-ngộ thấp kém. Cuối cùng ông cũng nêu lên những phương cách giải quyết như nâng cao mức ăn hàng ngày, tái lập trạm-xá tiếp-tế và chia người đi

tái-canh các nông-trại sản-xuất. Cuối cùng ông tỏ lòng khuyên-nhủ tất cả các trại viên dù có hay không được hưởng khoan-hồng, dù ở trong hay ngoài lòng địch cũng nên luôn luôn tin tưởng vào sự tất thắng và thành công của cách-mạng,

Nếu giọng nói lớn, hùng-hồn của ông Sáu Côn làm mọi người chú-ý, phần khởi bao nhiêu thì lời lẽ chậm rãi, mạch lạc của ông Ba Lớn làm họ suy nghĩ, thấm thía bấy nhiêu. Quang cảm động thiết sự khi nghe ông nói những nhận xét của mình về đám trại viên, những nhận xét thật xác đáng, tỉ-mỉ. Điều đó chứng tỏ ông là một người tinh-tế. Quang nghĩ tới những bó củi vác trên vai, lần ngắt đi giữa rừng, ánh mắt buồn buồn của ông khi bắt gặp Quang làm việc... Lòng đầy phần khởi, Quang lắng nghe ông Ba nhỏ giới-thiệu người cán-bộ vừa tới ban sáng.

— Tôi xin giới thiệu với tất cả bà con có mặt ở đây, ông chính-trị-viên tỉnh-ủy. Ông sẽ có đôi lời...

Ông Ba nhỏ chưa kịp dứt lời đã có một vài tiếng vỗ tay nổi lên phía cuối phòng, rồi trong một thoáng như một thứ dịch, tiếng vỗ tay tràn lan khắp cả gian phòng. Viên Ủy-viên vẫn đứng yên lặng, mặt thản nhiên, đợi đến lúc im lặng hoàn toàn mới cất tiếng nói, giọng vừa phải lại nam lai bắc. Giọng nói được hấp điện ấm hơn, trầm hơn. Thoạt đầu, ông ngỏ lời chào toàn thể trại viên, và cũng như ông Ba Lớn bày tỏ lòng ái ngại của mình trước cảnh khổ cực cũng như lòng thán phục tinh thần khắc phục gian lao của mọi người. Với lời nói dịu dàng, ấm áp, ông có cái vẻ khoan hòa, trầm tĩnh của một người có chức vị và tự tin ở mình. Nhưng dần dần như bị quyến rũ vì chính những lời nói đó, ông trở

nên tha thiết, nhiệt thành hơn. Ông trình bày về tình hình chiến trận với những chiến thắng đã thu lượm được và sau đó cảnh đói khổ, tang tóc, phân ly mà cả hai bên đều chịu. Trong lối diễn tả của ông, người nghe có cảm tưởng như suốt từ Nam tới Bắc, từ miền rừng núi đến đồng bằng, đâu đâu cũng chỉ chút những làn đạn réo và trên bầu trời có đủ các loại bom rơi xuống lả tả như một mớ tằm, đề ở dưới này, trong giải đất nhỏ bé của tổ tiên để lại, hàng trăm hàng vạn người Việt chết chóc và khóc than. Dưới đám đông phảng-phất có tiếng thở dài. Quang như được gọi lại bằng lời nói của người khác, nhớ đến một vài cảnh tang tóc đã chứng kiến trong dĩ vãng: những bộ mặt lem luốc trong hầm trốn đạn, những ngôi nhà ngùn ngụt lửa, những người đàn bà gồng gánh tản cư, một đứa trẻ chết trên bờ mương hai chân thòng xuống nước... và lo sợ nghĩ đến gia-đình, đến cha mẹ, vợ con. Họ đã làm gì trong cơn ly-loạn? Chiến tranh có tàn phá thôn xóm của Quang? và Nhi nữa, Nhi làm thế nào để che chở các con, để nuôi sống gia đình? Phía trên kia ông chính trị viên vẫn nói, một tay xòe ra trước mặt:

Nếu đồng bào đề ý đến việc thay chỗ đổi ngôi của các vị vua ta thời Pháp, chắc đồng bào có thể so sánh với các chính phủ trong nam bây giờ. Chúng ta mất chủ quyền. Vậy có nghĩa là chúng ta đương nô lệ, một hình thức nô lệ tân kỳ... »

Quang bắt đầu không hiểu, những điều đó quá cao xa. Bên cạnh, An như từ hồi nào vẫn ngồi loay hoay với mấy cái móng tay, mặt không lộ cảm xúc, nửa như chú ý nghe, nửa như lơ đãng. Quang cúi xuống và tư tưởng lại quay về với

những hình ảnh gia đình. Quang nghĩ đến con trâu, cái cây, vại nước, chỗ lờ ở bờ hè lảng xi-măng... Tất cả gọi lại bao nhiêu kỷ niệm êm đềm. Quang mong mỗi sẽ được trông lại chúng y hệt như ngày nào mới đi, sẽ không có gì thay đổi, kể cả viên gạch bề vát lẩn lóc ở góc sân. Nếu được về Quang sẽ có vô số việc để làm : thay lớp lá trên mái bếp lâu ngày mục nát, dựng lại cái hàng rào, xây lại miệng giếng cho nước mưa khỏi cuốn rác rưởi chảy vào... nhiều nữa đánh lại con rựa rỉ, trám lại cái vại muối cà... Biết bao nhiêu là việc, Quang phải về, Quang sẽ gây dựng lại tất cả, sửa sang lại tất cả.

Bài diễn văn tới lúc kết thúc, giọng người chính trị viên dịu lại :

— « Cuối cùng tôi mong tất cả đồng bào cố gắng cải tạo để thấu triệt được đường lối cách mạng. Tôi hy vọng sau khi cấu tạo, tất cả đồng bào đây sẽ là những công dân xứng đáng trong việc cứu quốc và kiến quốc. Trong đau đớn đất nước chúng ta sẽ trưởng thành và tồn tại ».

Tiếng vỗ tay lại nổi lên. Người chính trị viên hơi cúi đầu xuống chào rồi lui về chỗ ngồi. Ông Ba Nhỏ cầm tờ giấy đứng lên dơ tay với cái ống nói. Mọi người hiểu là giờ phút long-trọng đã điềm. Họ ngồi ngay-ngắn như tự sửa soạn cho mình một tư thế để đón những bất trắc có thể đến. Sau khi nói một tràng những nhận xét về số trại-viên được hưởng lương khoan-hồng, ông Ba Nhỏ bắt đầu kêu tên. Thoạt tiên là tám người đàn bà. Khi nghe thấy tên mình, một vài người không ngăn được cảm-xúc, gục đầu vào vai người ngồi cạnh khóc thồn thức. Giọng ông Ba chậm rãi, rõ ràng, chắc nịch. Quang ngồi xếp bằng hai chân,

cảm tưởng như có từng viên sỏi, thánh thót rơi trong lòng ngực. Mỗi lần kêu tên một người, ông Ba Nhỏ lại ngừng lại quay nhìn xuống phía dưới. Trong khoảng thời gian đó, Quang lăm bằm nói trong miệng. Nguyễn-văn-Quang — ba chữ đó thật dễ đọc, dường như nó sắp phát ra ở đầu môi ông Ba, nó vang lên đúng cái lúc Quang đương chờ đợi. Phía đằng trước, một vài người đàn ông nghe tên mình ngồi nhồm dậy, la lớn những tiếng thật vô nghĩa. Tờ giấy cong gập về phía trước theo ngón tay cầm, mắt ông Ba đưa dần xuống dưới. Quang gọi « Chúa ơi ! Chúa ơi ! » và chống tay quỳ trên hai đầu gối. Những người khác không ai chú ý đến điệu bộ khác thường của Quang, họ ngồi im như những tảng đá, mắt dán lên phía trên. Ông Ba nhỏ ngừng đầu nhìn xuống dưới :

— « Kết toán bản danh sách có tất cả bốn mươi bảy... »

Tại Quang ừ đi, người cứng như một khúc gỗ. « Á » miệng Quang bật lên tiếng kêu. Cả một bầu trời rộng lớn đổ ụp xuống, người Quang chao đi chao lại như một chiếc lá rơi trong hang sâu không đáy. Cảnh vật chung quanh xoay tròn rồi tối đen lại. Quang ngồi bệt xuống, người lả trên vai An.

Trên kia, có tiếng một người đọc đáp từ rồi tiếng vỗ tay, tiếng người bước mau trên sạp... « Chúa ơi ! Sao vậy ! Chúa ơi ! » Quang kêu lên như khóc, chuệnh choạng bước ra ngoài trong vòng tay An.

— Thôi bác ạ ! không chừng vậy lại may.

Tiếng An nói bên cạnh rồi tiếng ông già Chăn nức nở, mơ hồ :

— Tôi đâu có ham chức trưởng ấp... lợi lộc... gì đâu...

(Còn tiếp)
BÙI-ĐĂNG

buổi chiều Hạ Lan

Quán cà phê lộ thiên đặt trong sân trường, cách bực thềm một khoảng ngắn. Khoảng cách vừa đủ để tôi vừa uống một ly cà phê đá lạt lẽo, vừa nhìn rõ bọn con gái với áo quần đủ màu đủ kiểu đang điệu bộ đi từng bước vào lớp học. Những chiếc jupe ngắn khoe khoang nhiều đôi chân trắng đẹp, nhưng thỉnh thoảng cũng cho thấy những cặp giò bắp chuối thô kệch như cầu thủ đá banh, hay lêu khêu như ngọn sào.

Buổi chiều có giờ Triết của một giáo sư rất ăn khách nên bọn sinh viên vội vã chen lấn nhau vào giảng đường như đi xem một phim đoạt cả mấy chục giải oscar. Các cậu con trai với kính cận thị giả hiệu và thực, từ không độ đến hai chục độ, với một tập sách kền kàng trong tay đang nói chuyện học hành sôi nổi với nhau làm tôi chán ngán. Các cô con gái thì bận rộn nhiều động tác hơn, phải nói chuyện với cái giọng nói nghe sao cho riu rít như chim, mắt long lanh liếc qua liếc lại thật nghệ thuật và tay chân vung vẩy những dáng điệu học thuộc trong phim ảnh.

Giờ này đáng lẽ tôi phải học nếu muốn có hy vọng trong kỳ thi sắp tới. Nhưng đừng hòng bắt tôi phải chun đầu vào cái giảng đường kín mít vào một buổi chiều trời dễ thương lạ lùng như thế này. Chưa hoàng hôn nắng đã tắt rất sớm. Tôi ngửa mặt nhìn lên cao, khoan khoái nhìn thấy màu xanh mát rượi, đám lá cây long lay như sắp sửa rơi và tôi hồi hộp đợi chờ một cơn gió mạnh thổi qua. Những chiếc lá xanh nhỏ như hạt

sóng sẽ phủ đầy làm cơn mưa trên đầu, trên vai áo, và đôi khi rơi ngay vào ly cà phê đang cầm trong tay.

Tôi quá năn cái phòng học đầy đặc người. Những cặp mắt chăm chú thực tình và chăm chú giả vờ của bọn sinh viên. Những bàn tay ghi nhanh nhẹn trên giấy không sót một lời. Ông giáo đứng trên bục gỗ sau cái micro nhỏ, trình trọng sửa cặp mắt kính với một vẻ hãnh diện thật lạ lùng. Ông ta sẽ nhú vầng trán nghiêm trang, nói thao thao về bài giảng mà có lẽ vừa phiên dịch từ một cuốn sách ngoại quốc. Những ngôn từ bóng bẩy thi nhau nổ vang như pháo, cộng thêm với tên tuổi của các tác giả quốc tế, những đoạn ngoại ngữ đọc lâu lâu theo nguyên văn nhanh như một anh thông ngôn xuất sắc. Tất cả tạo thành một bản nhạc thời trang thịnh hành làm say sưa bọn người trẻ tuổi.

Tôi thì ghét thậm tệ bài hát ấy. Tôi chỉ khoái châm một điếu thuốc cho khói cay nồng nặc trong miệng, nhấp một tí cà phê đậm đặc và nhìn bầu trời, nhìn chân

trời, nhìn ra con đường ngắn thấp thoáng bóng người, nhìn những cây me xanh ngắt, nhìn những cây phượng đỏ và màu đất nâu yêu dấu trên lối vào quen thuộc.

Vừa ném bay màu thuốc tàn đi xa thì một thằng quen mặt bỗng ngồi xuống bên cạnh tôi thân mật vỗ vai. Hắn mỉm cười đề nghị tôi chơi vài ván xập xám cho đỡ buồn. Ý kiến thật thông minh và hợp thời. Nhưng tiếc là trong túi tôi chỉ còn chừng mười đồng để trả tiền cho cái con mẹ chủ quán không bao giờ cho mắc chịu này. Thằng bạn nhún vai thất vọng rồi nó đảo mắt nhìn quanh và chỉ một lát là nó đã rũ được hai thằng khác. Hình như tất cả những thằng mê cờ bạc đều có vẻ một con xi trên mặt.

Khi ly cà phê và thêm một ly trà nhỏ không tính tiền đã không còn một giọt, tôi cảm thấy thừa thãi. Cô độc thật tốt nhưng đôi khi cô độc cũng buồn thật. Tôi ném tờ giấy bạc cho con mẹ chủ quán và đứng dậy đi về phía thư viện. Đây cũng là một nơi họp mặt của bọn chăm chỉ học hành. Dĩ nhiên tôi cũng chẳng ưa cái phòng này chút nào nhưng đành phải chun vào vì không biết làm gì.

Không khí im lặng lạnh ngắt làm tôi dựng tóc gáy. Cũng vẫn những cái đầu đen tóc ngắn và tóc lò xo, vẫn những cặp kính cận thị đủ độ đang cúi gằm xuống trang sách. Một vài đôi mắt vô hồn dò dẫm ngược lên nhìn tôi một giây rồi lại cúi xuống. Người duy nhất vẫy tay chào tôi là một thằng bạn rất thân, nó có một thân hình với chiều dài ngăm vừa đủ để luôn luôn tự so sánh với Napoléon Bonaparte. Cái thằng bạn dễ thương này đang bận tán tỉnh một con bé mặt mày xinh xắn ngồi bên cạnh. Lão quản-thư đưa cặp mắt khó chịu nhìn tôi. Lão quá quen mặt tôi bởi vì

hình như tôi là cái thẳng duy nhất vào thư viện mà không đem theo sách vở, và cũng không thèm mượn đọc một cuốn sách nào cả. Đôi lúc tôi cũng muốn tìm một vài cuốn sách để đọc nhưng những thứ sách chứa trong thư viện này được tuyển chọn theo một qui tắc thật kỳ lạ. Nghĩa là nó có tất cả những cuốn sách mà tôi không bao giờ muốn tìm đọc, và bất cứ một cuốn sách nào tôi cần đọc đều không có ở đây. Một lần tôi đã chọc giận lão quản thư bằng cách mượn một cuốn tiểu thuyết, Tam Quốc Chí. Đây là một cuốn truyện tuyệt hảo nhưng lão quản thư không bằng lòng chút nào, lão nói đó không phải là sách giáo khoa cần thiết cho sự học. Tôi không thể làm lão vui lòng được vì những gì cần thiết cho sự học đều làm tôi chán ngán.

Có lẽ tôi sẽ quay ra khỏi thư viện ngay nếu cặp mắt cận thị thực sự của tôi không nhìn thấy lưng áo màu xanh của Hạ Lan ở cuối phòng. Tôi vội vã đi đến thật nhanh, hình như là chạy về phía nàng và kéo chiếc ghế với một tiếng động lớn nhất làm tất cả những người trong thư viện đều giật mình. Tôi ngồi xuống chiếc ghế trước mặt Hạ Lan, sung sướng mỉm cười với nàng. Nhưng Hạ Lan chỉ hơi nhếch mép, nụ cười xa lạ chưa từng thấy và đôi mắt không tỏ vẻ gì là bằng lòng cả. Điều này làm tôi cụt hứng và muốn chửi thề được.

oOo

Người ta thường nói người miền Nam tính tình đơn giản, thành thật và cởi mở nhưng cô nàng này quả đã chứng minh ngược lại. Tôi quen nàng cách đây đã một tuần lễ và thỉnh thoảng nàng tỉ-tê tâm sự với tôi về chuyện của nàng. Đại khái là gia-đình nàng ở một tỉnh nhỏ miền Nam, nàng lên Saigon học và hiện ở tại một ngôi biệt-thự kín cổng

cao tường của gia-đình ông chú. Nàng cũng đã cho tôi biết rõ địa-chỉ nàng nhưng lại cấm tôi không bao giờ được đến thăm hay viết thư từ gì cả. Điều này thật mâu-thuẫn khiến một người đơn-giản như tôi không bao giờ hiểu nổi. Tên thật của cô nàng là Nguyễn-thị-Lan, Trần-thị-Lan hay Lê-thị-Lan gì đó, và tôi cũng khá lãng-mạn đề đặt cho nàng một cái tên đẹp hơn là Hạ-Lan. Tôi cũng đã nhiều lần đưa nàng về nhà bằng chiếc xe gắn máy xộc-xệch nhất trường của tôi, nhưng mỗi lần muốn nàng ưng-thuận nhảy phóc lên yên xe tôi phải năn nỉ với tất những rước bọt có trong miệng, làm như là đi vay nợ.

Cô nàng Hạ-Lan này khó chịu và thích làm ra vẻ lạnh nhạt không chịu nổi. Mỗi lần gặp cô nàng, nếu chỉ cười chào là nó bỏ đi thẳng tỉnh bơ. Ít nhất cũng phải toét miệng cười cầu tài như tên bồi tiếm ba tàu, miệng tía lia hỏi han niềm nở như một tên quảng-cáo thuốc, nó mới chịu dừng lại nói vài câu chuyện vãn vơ với tôi. Điều này làm tôi bức mình hết sức.

Nhưng có điều làm tôi đôi khi quên sự bức mình là Hạ-Lan đẹp lạ lùng. Tuy một thằng bạn của tôi không đồng ý với tôi điều đó nhưng tôi quả quyết rằng chưa có đứa con gái nào làm tôi chết mệt như nó. Như hôm nay, nàng mặc một chiếc áo đầm xanh màu mát rượi như ngọn suối làm lộ rõ tay chân trắng như tuyết. Tóc nó đẹp, mắt nó đẹp, mũi nó đẹp, môi nó đẹp. Giọng nói nàng rộn rã trong veo như tiếng chim vành khuyên, mặc dầu tôi chưa nghe chim vành khuyên hót bao giờ cả. Tiếng cười của nàng thật tuyệt diệu, như tiếng vỗ vụn của một loại hồng ngọc đắt giá nhất thế-giới, nên tôi phải làm cho nàng cười

luôn, đôi khi suýt chút nữa thì đã thọc lét nàng. Giá tôi có một tí chất thi-sĩ trong người thì thế nào cũng bịa được một bài thơ đề ca ngợi Hạ-Lan.

Tiếc rằng tôi không phải là thi-sĩ. Tôi chỉ có thể nói: « Lan đẹp thấy mẹ », và tôi còn nhớ cái hôm tôi thành thực khen nàng như thế, nàng đã giận dỗi bỏ ra về ngay vì lời lẽ của tôi mà nàng cho rằng rất sống sượng.

Hạ Lan, cũng như những người khác trong phòng này, có trước mặt một tập cours dày cộm đầy những vết mực ghi chú. Nàng tỏ vẻ khó chịu khi nhìn thấy tôi với hai tay trống trơn như đang ngồi trong một quán rượu. Bàn tay phải của tôi nó lại không được đẹp cho lắm, vì hai ngón tay chuyên môn kẹp điều thuốc vàng ám khói. Bao giờ tôi cũng là người mở đầu câu chuyện, và tôi luôn luôn cố gắng lái câu chuyện của chúng tôi thoát ra khỏi những đề tài học hành, sách vở, thi cử đề hướng dẫn đến những mục thú vị hơn.

— Chiều hôm qua đưa Lan về nhà xong thì trời mưa ghê quá. Anh bị ướt mèm, lên cơn sốt cả đêm...

Bữa nay tôi bắt đầu bằng một vụ tả oán. Nó cũng không phóng đại lắm đâu. Chiều hôm qua tôi có đưa nàng về nhà nàng thật, nhưng khi tôi đã về đến nhà trọ của tôi rồi trời mới mưa. Tôi cũng bị ướt mèm thật đấy nhưng là ướt trong phòng tắm với một cục xà bông thơm trên tay. Và tôi thì chẳng bao giờ bị sốt cả, vì trùng luôn luôn chê cái thân thể ốm yếu của tôi.

Hạ Lan có vẻ thích thú, nàng bêu môi. Không hiểu nàng làm thế nào mà đôi mắt nâu của nàng tự dưng tình tứ không chịu được. Đôi mắt nàng ngon

như một trái ổi chín, và tôi là thằng rất khoái ăn ổi.

— Tôi nghiệp chưa, ai bảo anh cứ đòi đưa Lan về làm gì. Thôi chiều nay để Lan về một mình cũng được.

Tôi hốt hoảng :

— Không, để anh đưa về. Chiều nay trời không mưa đâu, mà có mưa thì anh cũng... rán chịu.

Tôi vẫn thường xưng « anh » với nàng rất oai, mặc dầu hình như nàng lớn hơn tôi chừng hai tuổi. Hạ Lan im lặng, môi nàng hơi mím một chút như chế diễu. Phải có một cuốn sách dày một triệu trang mới ghi chép hết những lời tôi năn nỉ đưa nàng về mỗi buổi tan học, những lời ưng thuận và những lời từ chối của nàng. Lúc nào cũng có một màn giằng co giữa sự bằng lòng và từ chối làm tôi phát năn. Tôi đổi câu chuyện :

— Mùa này ở quê của Lan có thứ trái cây gì chín ?

— Long An hả ? Mùa này là mùa mận.

Tôi la lên :

— Trời ơi, mận thì tuyệt quá. Ở Huế mùa này có nhiều thứ lắm... nhãn, măng cầu, ổi, mít, cam quýt...

Tôi bao giờ cũng say sưa nói về thức ăn không biết mệt. Tôi cũng tả cho Hạ Lan nghe về xứ Huế. Con sông, ngọn núi, cây cầu, những chiều lang thang trên lề đường đầy xác phượng. Hạ Lan hình như không nghe gì cả, nàng đứng đứng làm tôi cụt hứng. Nếu nàng chăm chú nghe, tôi sẽ đưa đầy câu chuyện đến chỗ tả oán rằng tôi là một thằng con trai giang hồ lãng tử đã lâu, sống một mình ở đây không người quen biết. Tôi là một người cô đơn và bất cứ một người cô đơn nào cũng thích có một người bạn

thân, và bạn gái thì bao giờ cũng khoái hơn bạn trai. Và dĩ nhiên là nếu cô bạn gái ấy trở thành người yêu thì đẹp biết mấy. Cuối cùng tôi sẽ kết luận rằng nếu người yêu ấy là... Hạ Lan thì không còn gì đẹp bằng.

Nhưng không bao giờ tôi ăn nói đến nơi đến chốn. Hạ Lan luôn luôn làm tôi cụt hứng. Có khi tôi đang say sưa kể cho nàng nghe thời thơ ấu của tôi, tôi rất hay nói về quá khứ vì bây giờ tôi không có chuyện gì đáng nói cả, nàng bỗng đứng ngắt lời, trách tôi con trai đã lớn rồi mà không lo chăm chỉ học hành, lại không có được một nghề ngỗng gì cả. Và tất cả những ai nói về điều này đều làm tôi buồn hết sức. Tôi là một thằng ăn bám gia đình, công việc duy nhất của tôi là mỗi ngày đầu tháng đợi thư bảo đảm có kèm theo ngân phiếu gửi đến

Có lần tôi và Hạ Lan đứng gần sát bên nhau trên tầng lầu ba không một bóng người. Môi nàng hồng mấp má như một cánh hoa anh đào, tôi đã suýt ôm lấy nàng thì nàng bỗng đứng xa ra, miệng toe toét cười và đưa tay vẫy chào một thằng cà chớn nào đó đang đi vào trường. Nàng rất thích tỏ ra là nàng quen biết hết tất cả bọn sinh viên ở trường, và ngoại trừ trường hợp nàng cười với tôi, những nụ cười của nàng đối với người khác trông rất xấu và vô duyên như một con mẹ bán vé số mời khách mua.

Cũng như tôi, Hạ Lan thích nói về chính mình hơn :

— Anh có thấy cái áo Lan đang mặc không ? Lan tự may ở nhà đó.

Nàng bao giờ cũng cho biết là nàng may vá rất giỏi như một bà hiền thực Á Đông chính truyền. Và chưa hết đâu...

— Anh có cours ông X không ? không

hả? đi mượn giùm Lan đi, năm nay không biết ông nào ra đề thi, ông Y ông R ông L hay ông T? Cours ông L nhiều quá, học hoài không thuộc, còn cours ông M khó quá trời, không hiểu gì cả. Cuốn sách ông N bảo phải đọc, tìm khắp các tiệm sách mà không thấy...

Dĩ nhiên là bao giờ tôi cũng thờ ơ với những chuyện chán ngắt như thế này.

Nàng tiếp tục:

— Gần thi rồi mà không thấy anh học gì cả vậy? Con trai mà thi rớt, dở lắm.

Đầu óc tôi thay vì được vuốt ve bằng những lời êm dịu lại bị chất đầy với những tiếng giáo-sư, bài học, thi cử. Tôi ghét những tiếng ấy kinh-khủng.

Tôi gạ nàng chiều nay hay chiều mai đi xem xi-nê với tôi. Phim « ái-tình kiều Y-đại-lợi » do một thằng tài-tử đẹp trai và rất đều đống. Tôi đã xem phim này hôm qua và khám-phá ra suốt cuốn phim có ít nhất là một trăm lần hai vai chính ôm nhau hay hôn nhau. Một trăm lần đủ để nhắc nhở tôi nhớ rằng đưa một cô con gái đi xem xi-nê không phải là chỉ để xem xi-nê không thôi. Nhưng Hạ-Lan nói:

— Thứ bảy đông người, Lan không đi được đâu. Còn chiều mai Lan bận nhiều việc ở nhà lắm. Học bài, may mấy cái áo cho thằng em, lại còn đi chợ nấu cơm nữa.

Tôi chán nàng chết được. Tôi muốn chửi thề hết sức nhưng tôi cố gắng kìm giữ được. Tôi đề-nghị với nàng một chiều khác, như thứ hai chẳng hạn. Nàng tỏ vẻ suy nghĩ ngần ngừ một lúc lâu rồi cũng bằng lòng. Nhưng không có điều gì chắc chắn cả và điều chắc chắn nhất là thứ hai tôi sẽ đợi dài người cả buổi chiều cũng không thấy bóng dáng nàng đâu. Nàng sẽ cho tôi leo cây chừng ba

lần như thế và nếu tôi đủ kiên-nhẫn và hèn hạ chịu đựng được ba lần, lần thứ tư có lẽ nàng đúng hẹn.

Tôi nghĩ đến chuyện gần hơn, tôi đề nghị đưa nàng về chiều nay. Con đường về nhà nàng rất dài và khá thơ mộng nhờ những tàng cây hai bên đường, tôi nhủ thầm là sẽ cho cho chiếc xe gắn máy của tôi đi với tốc độ chậm nhất, nếu cần tôi sẽ cho nó tự động tắt máy chừng mười lần trên con đường buổi chiều vắng vẻ làm hằng hái những thằng ăn nói nhất gan nhất như tôi. Nhưng Hạ-Lan lại lắc đầu nói chiều nay có ông anh của nàng đến đón rồi. Lại thằng anh không biết giả hiệu hay ruột thịt thực sự này nữa. Hắn rất siêng năng đến đón cô em gái của hắn với một chiếc xe gắn máy thật mới và dĩ nhiên là lúc nào cũng bóng loáng hơn xe tôi. Mặc dầu là người nhân đạo nhất thế-giới, có khi tôi phải lay trời cho xe nhà binh mười bánh cán chết cái thằng anh kỳ đà này đi.

— Anh gì mà rảnh việc quá vậy? Lan phải nói với ông anh đó thôi đón Lan về nữa, có anh đưa về mỗi ngày rồi mà.

— Đừng nói bậy. Anh ấy mà nghe vậy đánh Lan chết, không chừng lại gây sự với anh nữa.

Hạ Lan kể ra cũng có lý, tôi vừa sức nhớ đến bộ mặt hung thần và thân hình lực sĩ đồ vật của ông anh nàng.

Nghĩa là rốt cuộc chiều này không có mục gì đẹp dễ cả. Tôi quá chán, tôi buồn kinh khủng, tôi muốn lao đầu xuống đất tự tử ngay nhưng tiếc là chiếc ghế tôi đang ngồi rất thấp, nhào xuống không thể chết chóc gì cả mà chỉ làm trò hề cho thiên hạ thôi. Tôi muốn chửi thề, và lần này tôi không ngăn lại được. Hạ

Lan giật mình rồi đỏ mặt giận dữ. Nhưng tôi bất cần. Tôi bỗng bắt gặp được gần một triệu tấm bảng treo trên tường đề mấy chữ : « CẤM HÚT THUỐC », điều này chỉ khiến tôi nhớ ra rằng tôi là một thằng chuyên môn chống đối lời cấm kỵ này, và bây giờ tôi đang có một vài điều thuốc lẻ trong túi áo. Tôi lấy thuốc, châm lửa và hút. Trái với Hạ Lan, khói thuốc bao giờ cũng làm tôi khoan khoái dễ chịu.

Tôi thấy Hạ Lan nhìn điều thuốc với vẻ mặt khó chịu bức mình. Tôi bất cần, nhớ ngày đầu tiên quen nhau, khi nàng chỉ hơi nhíu mày nhìn điều thuốc trong tay tôi là tôi đập dí lập tức mẩu thuốc đang cháy dở mặc dù tiếc đứt ruột. Hai cái thằng ngồi chung bàn ngược mắt lên nhìn tôi nghiêm trang như muốn nhắc nhở một cách rất lịch sự về sự hút thuốc trong thư viện của tôi.

Tôi ghét cái bản mặt của chúng. Thằng thứ nhất đang có trước mặt một cuốn sách ngoại ngữ dày cộm, tôi liếc nhìn được cái tựa của nó : *l'être et le Néant* của J.P. Sartre. Cái thằng hề này, tôi cam đoan là nó không hiểu một chữ, cuốn sách như một thứ son môi để nó làm dáng thôi. Thằng thứ hai làm tôi buồn cười chết được. Dầu tóc nó chải rẽ láng mượt, cổ thắt cravate đen, sơ mi trắng tinh tay cài manchette cẩn thận, nó đang lục soạn một đồng sách vở từ trong cái cặp da ngoại quốc thật tốt và thật lớn mà các nhà chính khách thường dùng. Nếu người ta tuyển chọn giáo sư đại học bằng cái vẻ bề vênh thì tôi đề nghị chọn thằng này ngay, nó trông oai ghê gớm.

Tôi ghét tất cả những người nào không thích tôi. Tôi chứng tỏ bằng cách hút thuốc đủ kiểu, nhả khói ra bằng lỗ

mũi, bằng miệng, thở khói hình tròn vo hay thành một luồng dài như khói xe hỏa. Chỉ một chốc, hai tên học giả non choẹt chuồn gáp với tất cả những sự nhần nhó trên khuôn mặt của chúng. Hạ Lan có vẻ cũng sắp sửa chuồn. Nàng đứng lên nói với tôi một câu gì đó rồi đi nhanh với dáng điệu giận dữ. Tôi mặc kệ nàng, nếu muốn ngày mai tôi sẽ xin lỗi nàng và nàng sẵn sàng quên ngay.

Cuối cùng tôi cũng chuồn ra khỏi thư viện. Đứng một mình trên một hành lang dài vắng lạnh, trời chiều lại rất xám, tôi buồn. Có lẽ tôi yêu Hạ Lan thực tình, nhưng tôi tán gái thật dở. Hình như tôi chỉ ăn nói có duyên đối với những thằng bạn trai mà thôi. Hình như nếu tôi có một đầu tóc chải chuốt láng mượt, áo sơ mi luôn luôn trắng tinh sạch sẽ, hai bàn chân có móng dài của tôi chịu khó đút vào một đôi giày da bóng lộn. Hình như nếu tôi có khá tiền để tặng quà cho nàng đều đều hay mời nàng đi ăn cơm mỗi ngày ở những tiệm thật sang trọng có gần máy lạnh. Hình như nếu tôi cũng làm như phần đông mọi người, vừa nói vừa cười vừa nịnh hót với nàng như một tên hề hay một tên kép hát thì có lẽ Hạ Lan sẽ chịu tôi gắp. Chẳng mấy chốc mà tôi sẽ ôm hôn nàng trong vòng tay, và làm những chuyện mà cái thằng Caufield đáng yêu nó gọi là « các thứ ».

Nhưng dầu tôi là một thằng vô tài bất tướng, một thằng vô công rồi nghề, nhưng chắc chắn không bao giờ tôi là tên hề hay tên kép hát được...

Bây giờ mới có trận gió lớn như đã mong đợi, lá trên cây rơi xuống thành một tấm lụa mềm. Vài ngọn lá ứa vàng báo hiệu mùa thu sắp tới.

Suốt cả một mùa hạ, tôi có những buổi

chiều như thế. Hạ Lan và những lúc chuyện trò, Hạ Lan và những khi cười duyên, cười tình hay ngậm chặt miệng cương quyết không cười. Cứ một ngày giận dỗi rồi đến một ngày thân mật, rồi lại giận dỗi, như thế mãi làm tôi chán chết được.

Năm học kết thúc bằng một kỳ thi cuối mùa hạ. Dĩ nhiên là tôi thi rớt, điều làm tôi buồn cười hết sức là Hạ Lan cũng rớt. Thật tội nghiệp, chắc nàng cũng không học hành gì được vì phải bận tâm về sự theo đuổi của tôi.

Rồi mùa hạ bỏ đi mất như tất cả bọn sinh viên bỏ trường về về nhà hay đi

chơi lang thang khắp các đường phố. Hạ Lan cũng thế. Tôi không còn gặp lại nàng nữa. Có lẽ bây giờ nàng đang ở mái nhà gia đình ở một miền quê thật xa. Có lẽ nàng đang mặc một chiếc áo bà ba thật dễ thương và bận rộn nấu cơm cho cha mẹ. Đôi khi tôi nghĩ rằng có lẽ nàng hiền thực thật.

Tôi có một cái bật lửa nhỏ, và tôi không ngần ngại vót mấy chục đồng cho bọn thợ khắc lên chiếc bật lửa của tôi hai chữ Hạ Lan. Dầu sao thì Hạ Lan và những buổi chiều mùa hạ cuối năm cũng là một hình ảnh đẹp ít khi bắt gặp được trong đời.

HOÀNG NGỌC TUẤN

CÁO LỖI

Vì Ô. Lý Chánh Trung mắc việc bất thường nên phần « *Cảm nghĩ về cuộc Cách-mạng của nhà giàu* » trong loạt bài « *Cuộc Cách mạng của nhà giàu* » phải gác lại đến kỳ tới.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý vị độc giả.

Tạp chí BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

NHỊ-HỒNG đã phát hành :

ĐIỆU RU NGƯỜI TÌNH CŨ

thơ * Hoàng-thị Thủy-Tiên bla và phụ bản của Lâm-Triết gồm 20 bài thơ lục bát độc đáo nhất in trên giấy satiné * sách có bán tại tòa soạn MỞ ĐƯỜNG 523 Gia-long Qui-Nhơn. (quí bạn ở xa muốn mua xin gửi bưu phiếu 100 đ đề tên cô Lê-thị-Mễ)

NGƯỢC CHIỀU

6 | Trọng theo chân đoàn người ùn ùn bước ra khỏi phòng hội. Anh dơ tay xem đồng hồ, thở phào nhẹ nhõm. Minh cứ tưởng là bầu ít nhất cũng phải một tiếng mà chỉ có mười lăm phút. Trọng liếc nhìn khuôn mặt hớn hở cười nói của Phi. Không ngờ anh chàng này lại làm phó Đại-diện của Ủy-ban. Anh vừa ngồi xuống ghế thì có tiếng điện-thoại reo lên. Trọng nhắc ống nói áp sát vào tai. Có tiếng bên kia đầu giây. Trọng đó hả? Học đây! Có chuyện liên-quan đến cậu. Sở bên này đang bàn tán xôn xao về chuyện của cậu. Cậu làm ăn làm sao mà phải trả về bên này? Trọng ngơ ngác. Sao tớ chưa biết gì cả, ai phát-ngôn nguồn tin này? Có tiếng cười của Học. Nguồn tin thân cận của ông Chánh sở. Chắc rồi, ở đây họ đang sửa soạn bàn giấy đề mày trở về. Về trước rồi điều-chỉnh bằng giấy tờ sau! Mày yếu quá, chỗ làm ngon lành như thế mà không biết o bế, phải trả về nguyên quán. Tao hỏi thật chắc có phốt phải không? Tao báo cho mày biết trước đề chuẩn-bị dư-luận. Tiếng Trọng có vẻ gay gắt. Nhưng ai nói tin này? Kim hả? Tiếng ông già Học có vẻ hài-hước khi ông ta kéo dài tiếng Kim. Kim nói thì sai sao được. Sức mầy mà nó thêm nói với tao. Nàng Kim nói với người khác tao nghe được. Bây giờ ở sở họ cũng đồn rầm lên rồi. Mày thật tệ, làm sao đến nỗi phải trả về.

Trọng buông máy rồi buông mình xuống thành ghế. Anh cố giữ vẻ bình tĩnh, cúi nhìn xuống trang giấy. Nhưng trang giấy như một viên gạch lở mờ trong đáy nước và những con số, hàng chữ là những vết rạn nứt loăn-gổn li-ti. Minh có phốt gì đâu? Thế nào tại nó chả đồn rùm lên là mình ăn tiền?

Những mái đầu in trên nền khuôn cửa sổ trời xanh như bị một lớp sương

mờ mờ dăng phía trước. Trọng không thấy rõ từng chi tiết trên từng khuôn mặt nhưng anh vẫn phải cúi xuống dẫu mặt vào trong giấy vì hình như trong khoảng mờ mờ ấy có một nụ cười đầy răng vàng. Trọng vỗ vỗ tay vào trán rồi dụi mắt. Biết ngay mà, mình đã biết trước có ngày này sao mình còn ngạc nhiên, còn lúng túng? Tuy Trọng cố trấn tĩnh bằng cách đem những ngón tay

vào nhau, bẻ mạnh, nhưng anh vẫn nghe lòng rung rung xao xuyến. Tôi chỉ cần ngồi yên một chỗ với số lương nhỏ bé để nuôi gia đình. Các người có quyền tung tôi như một trái banh nhưng không có quyền lên án là tôi ăn tiền hối lộ.

Khuôn mặt ông Chánh sở, khuôn mặt Kim cũng như những vẻ châm biếm hài hước của những người ở sở cũ đột nhiên hiện ra chập chờn trên nền trời xanh trong tầm mắt Trọng. Anh nhắm nghiền mắt lại. Các người có quyền ghét tôi. Các người có quyền nhìn vào đời sống tôi như một thằng hề, một thằng cù lần nhưng không có quyền phê phán hành động tôi. Không ai có quyền bắt tôi hòa mình vào một môi trường nào đó, nếu tôi không muốn.

Trọng chợt nghe lạnh. Anh vừa định đứng lên tắt quạt trần, thì người tùy phái đến bên nói là ông Giám Đốc kêu anh. Trọng đứng lên mỉm cười. Chắc lại chuyện trả mình về sở cũ chứ chớ gì. Mình sẽ giữ thái độ thật bình thản.

Ông Giám Đốc tiếp Trọng bằng một nụ cười thật cởi mở như khi anh mới bắt đầu trình diện. Tiếng ông ta cố tạo vẻ dịu dàng như tiếng của một ứng cử viên :

— Anh ngồi đây. Chắc anh được sự ưu ái của ông Chánh Sở bên ấy lắm phải không ? Vừa mới cho mượn được nửa tháng đã đòi về. Một ngày ông ta phân cho tôi tới ba lần. Anh làm việc được. Nếu được anh giúp ở bên này thì tốt quá. Nhưng ông Chánh Sở bên anh đòi qua. Tôi không biết tính sao ? Vậy anh tính sao ?

— Thưa ông, tôi làm ở đâu cũng được. Nếu trong thời gian vừa qua, tôi có điều gì sơ xuất thì xin ông Giám-Đốc vui lòng cho tôi biết.

— Không, anh không có gì đâu. Bên ấy đòi qua nên buộc lòng tôi phải trả anh. Tôi hy vọng nếu có dịp tôi sẽ xin anh qua bên này.

Anh nằng đã chạy ra khỏi căn phòng. Mặt ông Giám Đốc hơi cúi xuống. Cứ sau một câu nói, ông ta lại nâng gọng mực kính lên cao. Ánh sáng mờ mờ phản chiếu hai quầng sáng nhỏ ở hai bên sống mũi.

Tròng kính quá nhỏ trên khuôn mặt to và chiếc mũi bè ra hai bên đồng lõa với nụ cười làm ông Giám-Đốc mang vẻ bình dân một cách giả tạo. Hình như ông ta cố gắng kéo chiếc cổ tròn của mình dài ra trong khi nói :

— Chỗ của anh mà thiếu nhân viên một ngày là tôi lúng túng lắm. Hồ sơ giải quyết trễ một tý là dân chúng nó hò hét la ó. Thời buổi này dân chúng nó góm lắm. Nhiều lúc tôi tưởng nó muốn phá cả sở mình luôn. Thế nên khi phải trả anh về bên ấy là tôi phải xin người thay thế. Nói mãi ông Đồng Lý mới chịu xin anh Cường về. Sáng mai anh Cường sẽ tới đây nhận việc. Tôi sẽ giới thiệu để anh bàn giao lại mọi hồ sơ.

Trọng mỉm cười đứng dậy. Ông Giám-Đốc đứng lên mang theo nụ cười ra tới cửa và bắt tay Trọng thật chặt và gọn như cầm một món tiền. Trọng thấy khoảng nền đá hoa dưới mắt cong và thấp xuống. Mình cũng chả hiểu tự sao mình bị trả về. Người trả thì nói mình bị đòi. Người nhận thì nói là mình bị trả. Bao giờ mình cũng ở cái thế bị.

Trọng lặng lẽ mở ngăn kéo xếp gọn những vật dụng riêng của mình thì Phi tới. Tiếng Phi nói nhỏ :

— Ông Giám-Đốc kêu vào chuyện gì đó cậu ? Chắc chắn là Ông cử cậu vào

Ủy ban bài trừ tham nhũng chìm phải không? Cậu chìm tở nổi. À cậu đã quen xừ Phong vừa được bầu làm đại diện nổi chưa? Thăng Phong là cánh tay mặt của ông Chánh Sở Kiểm Soát. Trước đây tở, nó, thăng Hào và ông Chánh Sở thường liên lạc với nhau trong mọi công việc. Cậu giữ đầu mối, công việc liên hệ với tụi tở như giấy chuyển. Thăng Phong vừa có ý kiến đề nghị với cậu, là cậu cho nó biết một vài chi tiết về kho hàng X. Tở lãnh nhiệm vụ báo cho thăng Quách Xuân biết là đúng chín giờ sáng mai tụi mình đi khám tổng hợp để nó dàn xếp trước. Vậy cậu tính sao.

Ánh nắng chiếu vào một bên má Phi. Những chấm mồ hôi li ti làm cho mặt anh ta thêm bóng nhẫy. Trọng quay đi hướng khác để tránh hơi nói thoát ra từ miệng Phi. Trọng cười nhạt định lên tiếng gay gắt nhưng giọng anh chợt dịu xuống:

— Ngày mai tôi bị trả về sở cũ rồi anh Phi. Ông Giám Đốc vừa cho tôi hay điều này. Ngày mai sẽ có anh Cường vô thay thế tôi. Ông Giám-Đốc nói anh Cường là người của ông Đồng Lý xin từ sở khác tới. Tôi không phải là cháu ông Đồng Lý. Bây giờ anh tin chưa anh Phi?

Phi bối rối vì gặp phải một bất ngờ kỳ thú. Anh ta mở to mắt nhìn thẳng vào mặt Trọng trong khi dơ tay lên cao. Rồi Phi là từ từ hạ bàn tay xuống. Phi cố nén kêu lên một tiếng ngạc nhiên, cố nén một nụ cười nên mặt anh ta thộn ra. Qua một sợi nắng chiều còn sót lại trong phòng, Trọng thấy mặt Phi thoang thoáng ánh lên một vệt sáng. Cùng lúc ấy tiếng chuông tan sở reng lên làm Trọng tưởng như trong chuỗi âm thanh sắc gọn ấy có tiếng cười của Phi pha lẫn.

Trọng ra tới nhà xe thì không gian

đang vàng ánh nắng bỗng vẫn đục màu tro tối. Ánh nắng không qua nổi những cụm mây đang ùn ùn kéo về bầu trời thành phố này. Những cụm mây mang hình dạng kịch cộm của những con quái vật khổng lồ đã trả ánh sáng về Trời. Vòm Trời u ám làm Trọng nhớ tới những buổi chiều Đà Lạt đã cùng Nguyệt cúi đầu đi trong mưa bụi. Ở Đà Lạt bây giờ có khi mưa kéo dài hàng ngày hả Nguyệt? Em có buồn không em? Ông Trời ở trên thành phố ấy hình như không đủ sức kéo dài trận mưa tới giờ thứ 25 của một ngày nên mây còn lại và rủ nhau kéo về thành phố này. Trong khối mây hình đầu người kia, em có gởi cho anh một tý nhớ thương nào không em? Hay chỉ có những điều trách móc giận hờn? Rồi Trọng lại chợt nhớ tới một buổi sáng nắng đẹp ở Đà Lạt. Nguyệt đã chỉ vào những đám mây đang cuốn theo chiều gió. Anh xem có một đám mây nào đi ngược chiều không anh? Em thích đám mây ngũ sắc kia thật rực rỡ và đi xi ôi chiều. Không có một đám mây nào có thể cưỡng lại với gió anh nhỉ?

Ngay lúc đó Trọng đã hiểu là Nguyệt đã công kích về đời sống của mình. Sự công kích về thái độ sống của Trọng, đã thường xuyên đến với Nguyệt thành một ấn tượng đã ăn sâu vào tâm hồn nàng. Nguyệt đã dâng sự công kích người yêu vào vũ trụ nên cuộc du ngoạn buổi sáng hôm đó đã trở thành cuộc tranh luận về đời sống. Đến nỗi Trọng phải bực mình với cả mây trời.

Đột nhiên cái ý nghĩ của mỗi ngày mình một thêm xa cách Nguyệt lại trở về đóng khung trong tâm hồn Trọng và trong nỗi xao xuyến. Trọng tưởng như thành phố ở cuối con đường một giờ bay, bây giờ đối với anh như xa cách

ngàn trùng. Cũng như những kỷ niệm về tình yêu bỗng bị nhạt nhòa và mơ hồ huyền ảo như hình ảnh của tuổi thơ đang chơi vơi ở hai cõi vô thức và tiềm thức.

Mưa đã bắt đầu cười trên mái tôn. Gió đã bắt đầu mang mùi ẩm ướt vào khắp không gian đồng thời dạo lên một khúc nhạc hòa tấu phụ họa với những vòm lá me đang ngả nghiêng khiêu vũ trong vòng trời mờ sấm. Trọng nhìn những giọt mưa đang vật mình trên mặt đường mà ngại ngừng. Mưa đầu mùa mà lớn ghê. Minh mà bị trận mưa này thì chắc dám đau lắm. Anh theo dõi một

giòng nước ở nền sân xi-măng đang lan rộng chảy vào nhà để xe. Ngõ hẻm nhà mình bây giờ chắc lầy lội lắm. Trọng nắm guidon xe vespa đu đưa thật nhẹ. Trời này mà mình về thì lau xe một buổi cũng không hết đất. Không biết Nghĩa, Thùy về nhà chưa? Tội nghiệp Thùy lúc nào cũng lau chùi xe cho mình. Nhưng Thùy ạ, nếu Nghĩa cần tiền để lo công việc thật sự, thì anh không còn cách nào hơn là phải bán chiếc xe này.

BÙI-KIM-ĐÌNH

« Trích trong truyện dài *Ngược Chiều* »

Cơ sở Nhân chứng đã phát hành :

NÓI CHO CON thơ Phở-Đức
NẮNG LỬA truyện dài Hà-Thủy
THAO THỨC thơ Lương-trọng-Minh.

những người Việt-Nam còn thiết tha
với mảnh đất quê hương, hãy tìm đọc mỗi tháng :

VIỆT

tờ báo vận động văn học nghệ thuật về nguồn

số ra mắt tháng tám sáu tám, với :

TRẦN-DUY-PHIÊN * ĐÔNG-TRÌNH * TRẦN-HỒNG-QUANG *
YÊN-MY * TÂN-HOÀI DẠ-VŨ * MUỜNG-MÁN * HUYỀN-
NGỌC-SƠN * LÊ-VĂN-NGẮN * TRẦN-CAO-BẰNG * NGÔ-
VĂN-BAN * NGUY-NGŨ * NGUYỄN-VĂN-PHỤNG.

từ ngày - đã - dựng - ngày

Thơ MẠC-LY-CHÂU

Tặng Đoàn V. N. S. V. H. S. Nguồn-Sống

Từng sợi tóc trôi về
Quyện theo mặt trời, âm-thanh nước-nở
Từng dòng mắt xanh màu xanh bỏ ngỏ
Em gửi cho tôi
Muôn vạn tiếng bình-minh rạn vỡ pha-lê

Đại-dương rào rạt sóng
Ghi trong tay
Đồng lúa thơm thơm thán Mươi ngọt giọng
Trai gái tung-bùng đường bước thên-thang
Em gửi cho tôi
Dăm áng mây vàng
Cho đủ một khung hồn diễm-lệ

Ham hố làm sao
Khi tôi muốn kè
Em nghe
Ngày-đã-dựng-ngày
Từ giữa lòng tay nhân-thế

Ôi, rừng rực niềm tin
Lò chới cao trời rộng bề
Này bướm này hoa
Này những trang huyền-diệu sử
Chuyển tay nhau từ trước năm ngàn năm

Em thấy không
Từ trước năm ngàn năm
Đã có một ngày
Được dựng
Trong thời-gian gói tròn sáng tối
Trong thanh-sạch như chưa từng nhiễm tội
Đất trung-nguyên bụi bặm sữa đôi dòng

Em thấy không
Hoàng-Hà Dương-tử
Nguồn tự trời đổ xuống biển Đông
Sóng lớp lớp hòa tiếng ca bộ-lạc
Ngày khai-sáng
Hoa tròn Thái-sơn
Ngút không-gian ngọt-ngào tiếng hát

Biển nước mênh-mông biển lúa mênh mông
Mỗi sớm lung linh diêm mặt trời hồng
Mỗi buổi tay cày thay dần tay giáo

Từ dựng thiên-đường
Trăm con thảo-bầy
Lánh sài lang hung bạo
Rủ nhau về vùng nắng ấm
Từng đợt Nam thiên nối gót Nam thiên
Trăm con nay thành trăm Việt
Dõi theo năm dòng sông (1) hiền
Như năm ngón tay bắt-diệt
Máu nhịp nuôi người đồ xuống triền-miền

Một chi đã theo dòng Sông Đỏ
Tiếp nối văn-minh rực rỡ
Và trải tràn lan trên mặt Thái-Bình-Dương
Từ tiếng ca nhịp theo trống đồng Ngọc-lũ
Từ Cờ Lau gió gọi lên đường
Từ Rồng Lên sóng trờm lớp lớp
Ôi cánh chim thần Đất Lạc cuộn gió vờn mây ngọt nước
mưa tuôn

Em thấy không
Dấn bước thẳng trăm chuyền trôi từ độ ấy
Vẫn hầy còn đây còn một biên-cương

Em hầy nhìn về
Sử nguồn khơi dậy
Năm ngàn năm
Thật thế, năm ngàn năm
Từ Ngày-đã-dựng-ngày huy-hoàng rực-rỡ
Đề hôm nay
Khóc bên hoang-tàn quê-hương
Bằng lời ca nức nở
Trên những đồng xương khô
Trên những tràng hoa úa
Trên những nếp khăn xô
Trên những khuôn mặt vỡ
Trên vùng không-gian tối tăm
Từng thế-hệ chìm dần trong biển lửa
Và trên một khoảng thời-gian: Hai mươi năm, theo lệnh
người, tự mình khơi mộ!

(Trong HAI MƯƠI NĂM ĐẤT NƯỚC TÔI ĐẠN VỠ BOM CÀY)

(1) Năm dòng sông mà các Bộ-lạc Bách-Việt đã lần theo trong các đợt Nam thiên để tạo thành tập-thể Đông-Nam-Á ngày nay: Hồng-Hà, Cửu-Long, Chao Phraya, Salween và Irrawaddy.

QUE HƯƠNG LOẠI CHIM

Thơ THÀNH-TÔN

★ cho bé thoa

mang đôi cánh của một loài chim quý
con vỗ kiêu sa về hướng mặt trời
cất tiếng hát cao sang lờn ửng mị
với âm thanh chao động biển tình người

trên màu xanh trùng trùng lòng biển động
trên màu xanh điệp điệp núi rừng lam
đôi cánh nhỏ đáp lên vùng đất sống
nghe bao la nguồn mạch xứ dân Chàm

tôi trầm giọng quê hương hồng tuổi sữa
dắt chôn nhau giao nối nẻo tình người
đã lắng đọng lưng hồn bao máu lửa
nên băng khuâng nắng lựa trái da trời

hồng tuổi bé xanh núi đồi sương khói
nghe bao la gió thổi rộng trời tình
nước đã mỗi nguồn xa vời tiếng gọi
chim biệt rừng xao động hót rưng rưng

quê hương loài chim đồng xanh núi thẳm
ruộng cò bay sông sồi nhánh ngoạn hiền
cũng rưng rức buồn đau dòng máu đậm
thấm vào da thịt đất, lạnh hai miền

★

con mang loài chim của cha của mẹ
quê hương đau khói lửa ngút mây chiều
biết đáp về đâu cánh hồng chim sẻ
thên thẹn lòng cha sóng mắt đắm chiều

lỡ đánh mất bờ tre hàng dâu ruộng lúa
ấu thơ loài chim sồi cánh vong thân
cha chuyển mẹ tình yêu hồng nắng lựa
thai nghén con qua nét đẹp tinh thần

(thơ cho con)

Những người ở lại

Đêm đầu tiên trở lại đại - đội, tôi không dám ngủ trong phòng riêng. Căn phòng của tôi nằm giữa hai căn phòng của hai vị sĩ-quan vừa tử trận cùng một người trung-sĩ đang nằm hấp-hối trên giường quân - y-viện. Tôi lò mò đem chiếc võng trện cùng cây M.16 ra ngoài sân trại, gần giao thông hào để ngủ cùng mấy người lính. Thằng Hải thấy tôi, cười nói: Thiếu-úy sợ phải không? Tôi nói: Tao không sợ nhưng bị ám-ảnh bởi mấy xác chết của mấy ông. Tội nghiệp, ông Hảo chết nhưng còn uất-ức lắm nên mắt trợn tròn lên, còn ông Chấn thì bị bom Napalm làm cháy đen mặt mày, dễ sợ lắm à.

Tôi đu đưa võng. Đêm trên đồi bắt đầu trở lạnh. Những vì sao đã mọc trên cao và tôi có thể nhìn những viên gạch của mấy ngọn tháp loang-loáng màu vàng đục. Ở về phía đông, trái sáng tiếp tục bắn lên. Ngọn núi dưới ánh hỏa-châu tươi mát như bãi cát vàng dưới nắng. Tôi có thể hình dung một thung lũng hơi thấp và ở lưng chừng đồi, những hòn đá trợn trụi tiếp tục bò lên nhau, lộ những khe đen thâm tối om. Những bụi gai cao quá đầu người mọc ở hai bên và đoàn quân đang mò mẫm chui rúc. Bên dưới thung lũng, những cây đã được mang về, phơi mình dưới nắng mai. Phi cơ trực thăng đã đáp xuống,

người Mỹ quăng ra hàng chục Poncho, Tôi kéo từng cánh tay, từng ống chân. Bàn tay tôi dính đầy máu đen đặc. Tôi khiêng cùng một thằng lính, những thi-thể để vào trong lớp poncho, và fermeture được kéo lại, nhưng đôi chiếc còn để lộ những chòm tóc hay một ống chân bất động. Phi cơ trực thăng bay lên. Tôi lại ngồi trên mồm đá, cầm cây M.16 như muốn rã rời, để nhìn một lần cuối thể nào là chiến trận, thể nào là bãi chiến-trường. Dưới những đám mây bàng bạc chẳng có gì lạ trên mặt đất. Cũng chẳng có gì lạ đối với những cây ma đang nằm trong poncho. Có thể họ sẽ yên ổn ngàn đời. Chỉ khổ cho những người còn sống.

Tôi trầm mình trong giòng nghỉ ngơi. Mắt nhìn xuống chân đồi. Giòng sông loang loáng màu đen, và những khóm tre hiện lơ mờ cạnh bờ sông. Hồi chiều, Đại-Hàn hành-quân bên đó, có lẽ đựng vì tôi thấy hai phản-lực liên tiếp dội bom. Khói trắng bốc lên dày đặc. Thằng Na ôm mặt khóc hu hu, nói nhà em chắc bị cháy rồi. Tôi cảm xúc tốt độ. Phi lí. Chiến tranh gì cứ đè nặng mấy chục năm, biết đến bao giờ mới thôi. Có thể nay mai, hay lát nữa, một quả hỏa-tiến sẽ rơi ùm lên đồi. Lòng tôi nao nao, mắt nhìn về giao thông hào. Xác-định một hố tốt, nằm dưới chân tháp. Rủi chúng nó

về bên kia sông, đặt súng pháo kích, nếu tránh được quả đầu, hy vọng hồ này sẽ giúp tôi tránh những quả sau.

Bây giờ, đầu tôi nóng bừng. Sương đã làm ướt mền dạ. Tôi trở dậy, cầm cây M.16 đi rảo quanh các vọng gác. Phải đi ít nhất năm vọng. Vọng thứ nhất ở cổng vào, thằng lính đang ngồi trên tháp cát. Hình bóng nổi lên lù lù dưới ánh sáng của những cây đèn pha ở trại Mỹ. Tôi nạt : « Mày muốn chết hả. Đi xuống lập tức. Học gác như vậy hả ? Tới vọng thứ hai, thằng lính Thượng ngồi dựa lưng vào thùng đạn hút ống điếu. Tôi đi nhẹ nhẹ đằng sau. Nó bỗng quay lại hỏi : Thiếu úy Tôi làm bộ cười. Buồn hả mày. Ờ, buồn thiếu-úy. Tôi ngồi chồm hồm bên cạnh : Quê mày ở đâu ? Ở Phú-Bồn. Sao mày về đây ? Người ta đòi tôi về, tôi không muốn về. Tôi nhìn xuống chân đồi, nói : Thời buổi này, ai cũng mất quê-hương. Mày mất luôn làng, còn tao mất thôn ấp. Với tao, ở đâu cũng là quê hương. Tao tiếc chưa đi hết. Tôi đứng dậy, vỗ vai nó : Rán gác nghe, mày. Bữa nào cho mày đi phép, nhớ mang rượu cần cho tao nghe.

Tôi ra đằng sau trại, tay cầm đèn bấm, mò mẫm về vọng thứ ba. Tại sao đêm nào cũng tiếp diễn một trò quen như thế này. Tôi cảm thấy chán nản. Chiến-tranh mò mẫm vào ban ngày, ban đêm, mặt trời, mặt trăng. Chiến tranh hiện ngoài mặt, trong giấc ngủ, từ góc tối của một vọng gác hay ở một thùng đạn gỗ làm pháo đài phòng thủ. Chiến tranh như đôi mắt lão liên rình mò mọi phía. Tôi thu mình trong một góc tối. Chiếc đèn bấm sáng lên rồi tắt. Ba chớp. Hai chớp dài, một chớp ngắn. Mặt khẩu. Sơn Tây, Hà Nội. Tôi nghe giọng quát quen thuộc. Có lẽ thằng gác

là binh nhất Trung. Tôi hỏi : Trung đó hả. Dạ phải thiếu úy. Thiếu úy chưa đi ngủ. Tôi nói rầu rầu : Không mày à. Có lẽ đêm nay tao thức trắng. Tiếng Trung nhẹ nhàng như trong một nơi nào, rất xa xôi : Buồn quá, thiếu úy. Tôi không trả lời. Những vì sao vẫn đầm nước mắt trên đó. Những vì sao nào an ủi tôi đêm nay, hay lại đổ xuống những giọt buồn trong sương động. Ngày mai, Quỳnh ra đi rồi. Sẽ không bao giờ gặp cháu nữa, Cháu muốn giữ mãi tình cậu cháu của chúng mình. Cậu ừ đi. Tôi thoáng một phi-trường đầm nước mưa. Giọt buồn đập vào cửa kính. Hai phi cơ đối đầu nhau. Quỳnh khoác áo mưa đứng trong góc nhà đợi cùng bạn bè, còn tôi, mặc bộ đồ xanh, đứng ở đầu góc nhà đợi. Rồi hai phi-cơ ra phi-đạo.

Một chuyến bay nào đưa anh về Sài Gòn. Một chuyến bay mang em về Qui-Nhơn. Trời quê-hương mù sương mù sương, anh mang đôi mắt em buồn muốn khóc.

oOo

— Thiếu-úy đi phép mới về ?

— Ờ

— Thiếu-úy về quê ?

— Lần này tao không về. Tao sợ ông bố phiền vì tao. Mới về trình-diện ông với một vết sẹo trước ngực, Ông mừng đến khóc. Bây giờ lại về, với những mảnh lựu đạn đầy mình, ông sẽ khóc trăm ngàn lần hơn thế nữa.

— Buổi chiều hôm đó, em về bắt con vợ em mua ba con vịt cúng lập tức, đó thiếu-úy.

Tôi cười :

— Sao mày không mời tao. Tao cũng

định cúng. Bữa nằm trong thung lũng, tao khẩn đủ thứ. Hết mẹ, hết cha, đến mấy đứa con gái tao yêu (tôi đầu tên Quỳnh) rồi đến Trời, Phật. Tao nguyện ăn chay ngày rằm, mồng một. Nhưng, về năm nhà thương, ngày rằm, tao quên lại đớp thịt mỡ, ăn miếng đầu mới nhớ, nhưng lỡ rồi, phải đớp hết cả đĩa.

Trung cười : Thiếu-úy pha trò mà.

— Không thực mà mầy. Lần này, tao cố dành tiền mua một đầu heo để cúng mừng. Mầy chịu không.

— Thiếu-úy cúng heo là phải. Mạng thiếu-úy lớn lắm. Em đi với thiếu-úy phải sợ.

Tôi trở lại chỗ ngủ. Đêm về đìu hiu. Những ngọn tháp còn nhìn về một nơi nào xa xăm. Tiếng máy của một chiếc trực thăng vọng về lạc loài. Đèn xanh đỏ chớp đều đều, sương đã ướt cả chiếc mền. Tôi chui rúc trong hơi dạ, cảm thấy thềm thường một tách cà-phê đen nóng hổi. Mắt nhìn lên bầu trời cao, tìm một vì sao nào để tôi có thể tìm được một tình thương yêu. Đã gần một năm rồi đó. Đến lúc này phải làm một lễ tạ ơn Trời Phật thì vừa. Một năm với một thằng lính đánh giặc kể cũng dài lắm, phải không ? Tiếng rừ rì của trực thăng vắng về buồn buồn. Trong còi sa mạc đêm này, chẳng biết anh phi-công đã tìm một tình-cầu nào gói gắm tâm hồn anh ?

Sáng mai tôi tỉnh dậy, thì lính đã lũ lượt lên đồi. Tôi trở về phòng, xúc miệng, rửa mặt, rồi đứng ở cửa sổ nhìn ra. Một vài thằng lính đi ngang, chào hỏi : Thiếu úy ngủ một mình trong phòng không sợ à ? Tôi cười không trả lời. Thằng Yên, mang máy C.25 cho đại bàng, kể lại giấc mơ hồi đêm. Mấy thằng chết về thăm

nó. Nó thấy bóng của cả bọn ở dưới chân đồi rồi mập mờ trong làn sương đêm. Tiếng bàn cãi xôn xao như một đàn ong. Tiếng còi tập hợp của người trung sĩ nhất người Thượng, thường vụ đại đội vang lên. Đại đội tập hợp. Mỗi trung đội cách nhau hai bước, đứng trước thẳng. Trung đội một 13 người. Trung đội hai 25, trung đội ba 25, trung đội bốn, trung đội của tôi 11 người. Tôi nghe những lời báo cáo, mà buồn muốn khóc. Cách đây ba bốn ngày, trung đội còn 25 mạng, bây giờ lại thế. Những gương mặt đang nhìn thẳng, những cánh tay áp vào túi quần, những chiếc mũ rừng lụp xụp, còn gì nữa. Hình ảnh một đoàn quân sau cơn chiến trận. Tôi ho khan, và nhìn thật kỹ vào những gương mặt của những người lính. Tôi đọc từng tên, rả rời và xúc động. Có 14 tên không được đọc đến. Tôi vội khép cửa sổ, trở lại phòng. Nỗi hiu quạnh thật to lớn. Phòng bên cạnh, là phòng anh Chấn với chiếc giường gỗ màu huyết dụ. Một sợi giây thép giăng ngang, treo một chiếc may ô đen và một chiếc áo mưa trận. Rương của binh nhất Lê-Bé, bởi anh Chấn, nằm chơ-vơ trong góc tối. Bây giờ anh Chấn, thằng Bé cả hai thầy trò đã theo nhau ra đi. Ở phía phải, phòng anh Hảo với chiếc bàn còn kê những bộ sách và chiếc giường còn trải drap trắng. Bốn năm đã trôi qua, bây giờ anh Hảo lại đi sao. Dễ dàng như một vì sao rụng. Dễ dàng như một động tác bóp vào cò, viên đạn vụt ra khỏi nòng và rồi, một sinh vật cũng dễ dàng nhắm mắt.

Tôi trở ra văn phòng Đại-đội. Hai người lính đang bù đầu trước những xấp hồ-sơ của những người vừa tử trận. Tiếng máy chữ gõ nặng nề. Tiếng lao xao của mấy người lính trước bực thềm

văn-phòng. Tôi dặn những công tác cho người thường vụ, chia lính rào dây kẽm gai, đặt hệ-thống mìn.

Tôi ngồi vào chiếc ghế bành. Mắt vẫn vờ nhìn danh-sách quân-sĩ trong bảng quân số. Ngày mai phải làm lại hết. Những tên chết rồi, vất đi. Những tên bắt-khiến-dụng cũng vất đi nốt. Ngoài sân, nắng đã lên trên mái tôn, đầy hơi ẩm. Những tốp lính đang đào hầm phòng thủ. Những nhát cuốc vung lên, mỗi một. Tôi gác hai chân lên bàn. Nỗi đau nhức còn ần trong đôi chân, ở khớp xương hay da thịt. Những mảnh vụn của quả lựu đạn chày còn sót lại, bây giờ phồng lên cứng sạn. Tôi ngồi rả rời, không còn thấy hồi hộp như những lần nhìn chiếc trực thăng bay là là trên đỉnh núi hay một khoảng đồng đầy sinh, đề đồ hàng loạt chúng tôi xuống. Tôi lại trở ra buồng tắm, hy vọng tìm chút mát đắp vào trí óc nóng bừng. Tôi ngâm cả khối mặt trong thau nước, tận hưởng niềm khoái cảm trong giây lát. Có thể, một gương mặt đàn bà nào đó, xa lạ hay quen thuộc, hiện lên. Có thể làn da mát rượi của nàng, khi nàng ở phòng tắm trở ra. Có thể là cái quạt trần, quạt nhẹ nhàng trên giường nệm trắng tinh. Tôi nhìn vào mặt nước loang loáng bần. Bộ mặt cần cỗi, sợi râu lúa thừa, cái nút ruồi bên cằm. Những hạt mụn dày dặt trên sống mũi... Tôi lấy vôi chiếc khăn lau mặt và trở ra ngoài. Mới đến cửa văn phòng, ba bốn người đàn bà đã chạy tới ôm chân tôi khóc lóc thảm thiết. Thiếu úy ơi... Tôi nghe chừng cả một khối âm thanh cào xé, khóc lóc, than van... Tôi đứng ngẩn người. Thiếu úy ơi, thiếu úy ơi, chồng em ảnh bỏ em đi. Tôi hoảng hốt. Mấy cánh tay có dịp vỗ chụp lấy tôi như muốn bắt đền. Tôi la lớn : Tôi biết mấy chị đau khổ lắm. Nhưng đánh nhau thì thế nào cũng có kẻ ở người đi.

Tiếng khóc bấy giờ vụt bùng lên, dữ

dội hơn : Chồng tôi chết rồi, bỏ một vợ bốn con và một mẹ già, người ta bỏ chồng tôi năm đó... Người ta về cúng gà cúng vịt ăng mừng... Tôi la to : “Mấy anh ấy chết vì tồ quốc, chánh phủ nhớ ơn... Dân tộc nhớ ơn... Tôi vừa la, vừa chạy vào phòng riêng đóng cửa lại. Tôi ngồi trên ghế, thở hồn hển. Cái bàn đó, của anh Chấn, cái rương đó, của thằng Bé, Bé ơi, vợ mày lên thăm đó. Tao rầu thúì ruột nè : Tôi lại ra mở cửa, ngoắc một thằng lính lại, nói nhỏ : Mày ra kêu vợ thằng Bé vào đây. Một lá người đàn bà bông đùa con bụ bẫm vào. Tôi bình tĩnh nói : Chị Bé à. Tôi nhân danh là sĩ quan còn sống sót, cũng bị thương trong trận vừa rồi, xin chia buồn cùng chị. Bé can đảm lắm. Anh giết mấy thằng rồi mới chết. Đây là cái rương của anh. Chị có thể đem về..

Lập tức, chị ta bỏ đứa con xuống đất, chạy ào đến rương khóc ngất. Bị đập đầu vào rương vừa kêu anh Bé ơi, anh Bé ơi... Thằng con thấy mẹ nó khóc cũng khóc thét lên. Ở bên ngoài, mấy người đàn bà còn lại, bắt đầu chạy vào phòng. Tôi hốt hoảng mở cửa sau chạy ra ngoài. Lính bảo : Xe Trung-tá sắp lên, an ủi gia đình binh sĩ đó, thiếu-úy. Tôi thấy được mấy cô nữ trợ tá, má phấn môi hồng, mặc váy, nhún nhảy xuống xe. Ông Trung tá đang hỏi han mấy người lính. Tôi đến chào ông. Ông hỏi : Lành chưa, thiếu úy. Tôi nói lành rồi, bây giờ lên đòi thăm anh em. Ông cười : Thôi toa dắt moa đi thăm mấy gia đình tử sĩ. Tôi đáp : Dạ, và chỉ về phía mấy người đàn bà đang khóc lóc. Bỗng ông Trung tá, oai nghiêm, thông thả, đến, môi nở một nụ cười hiền dịu. Lập tức, những tiếng khóc được dập tuôn ra như thác nước, u oán kèm theo những tiếng kể lể. Ông đứng ngẩn người như cây trụ. Tôi nói nhỏ vào tai ông : Chạy đi, Trung-tá. Họ mất hết bình tĩnh rồi.

TRẦN HOÀI THU

Thời-sự thế-giới

TÙ-TRI

Khủng-hoảng Nga-Tiệp và cuộc tranh cử Tổng-thống Hoa-Kỳ vẫn là những đề-tài làm sôi nổi dư luận quốc tế trong những tuần vừa qua. Thật vậy, hậu-quả cuộc xâm-lăng của Nga cũng như sự chia rẽ nội bộ của đảng Dân-chủ Mỹ sẽ là nguyên nhân của nhiều biến-chuyển chính-trị trên thế-giới trong một tương-lai gần đây.

Âu-châu : Khủng-hoảng Nga-Tiệp.

Lại một lần nữa bạo-lực đã xuất hiện trên chính trường quốc-tế. Cuộc can-thiệp võ-trang của Nga tại Tiệp-khắc đã chứng tỏ rằng, vào hậu bán thế-kỷ thứ 20, vẫn chưa có một lực-lượng quốc-tế nào đủ khả năng chế-ngự các đại cường và các nước nhỏ do đó vẫn chưa có một bảo đảm nào đáng vững tâm cho nền độc-lập của mình cả.

Khi các chiến xa của Nga và 4 quốc-gia Đông-Âu trong Minh-ước Varsovie đột nhiên tràn vào lãnh-thổ Tiệp-khắc, dân chúng Tiệp đã hết sức phẫn uất. Các lãnh-tụ Tiệp như Tổng bí-thư Cộng đảng Dubcek, Thủ-tướng Cernik, Chủ-tịch Quốc-hội Smrkovsky đều bị còng tay giải qua Ba-lan và từ đó sang vùng Ukraine của Nga. Các lãnh-tụ Tiệp không được ăn uống và luôn luôn bị lính Nga dọa giết. Sau khi đã loại được 3 ông Dubcek, Cernik và Smirkovsky, chính-phủ Nga đưa Chủ-tịch Svoboda sang Mạc-tư-khoa, đón tiếp long trọng và bắt ông phải lập một chính-phủ bù nhìn

do chính ông làm Thủ-tướng. Các lãnh-tụ Nga còn dọa nếu ông Svoboda không chịu thì họ sẽ sát nhập Tiệp-khắc vào lãnh-thổ Nga. Nhưng họ đã quên rằng ông Svoboda là một vị lão tướng và là một trong những người ngoại-quốc được tặng danh hiệu « Anh hùng của Liên-bang Sô - viết ». Ông nhất định không nhượng bộ. Ông dọa sẽ tự-vẫn nếu Nga vi-phạm nền độc-lập của Tiệp-khắc và từ chối không chịu bàn cãi với các lãnh-tụ Nga, nếu các ông Dubcek, Cernik và Smrkovsky không được tham-dự cuộc thương - thuyết. Trước thái-độ cương-nghị của Tướng Svoboda, Nga phải đưa các lãnh - tụ Tiệp tới Mạc-tư-khoa để thương-thuyết. Thủ-tướng Cernik tuyên bố là chính ông đã được ông Svoboda cứu sống. Một nhân-vật Tiệp nói rằng các lãnh - tụ Tiệp đã hết sức phẫn - nộ phải giao-thiệp với một lũ ăn cướp đều-giả (gangsters cyniques) chứ không phải với những chính-trị-gia nữa. Thật vậy, Nga đã tự thảo lấy bản Thông-cáo chung và bắt Tiệp ký nếu không thì « cả một thế-hệ thanh - niên Tiệp sẽ bị diệt ». Người Nga còn đi xa hơn nữa. Họ tuyên-bố rằng họ không cần biết tới ai là người lãnh-đạo Tiệp-khắc mà chỉ cần chú-trọng tới vấn-đề quân-sự.

Sau khi 200.000 quân « đồng - minh » đã tràn vào xứ sở, sau khi bị đối xử dã-man và bị đe dọa, các lãnh-tụ Tiệp buộc lòng phải ký vào bản Thông-cáo chung, thỏa - thuận tái-lập chế-độ kiểm - duyệt, chấp-nhận sự hiện - diện của quân-đội Nga trên lãnh-thổ và việc rút quân ra

sẽ tùy thuộc Nga quyết - định vào lúc mà tình-hình đã được Nga xem là trở lại bình-thường. Sau hết Tiệp - khắc còn phải bãi nại trước Liên-Hiệp-Quốc. Tổng-trưởng Ngoại-giao của Tiệp, hiện đang ở Nũu-Uớc để khiêu nại, được biết rằng nếu ông trở về thì sẽ không được hưởng một biện-pháp bảo vệ nào.

Phái đoàn Tiệp đã trở lại Prague và dân chúng hết sức căm phẫn trước các nhượng bộ trên. Ông Dubcek đã xuất hiện trên đài Vô-tuyến truyền-hình để giải thích trước quốc-dân thái-độ của các nhà lãnh đạo Tiệp. Bài diễn văn của ông đã bị gián đoạn nhiều lần, vì Dubcek sau mấy ngày bị giam cầm tại Nga, tóc đã điểm bạc và kiệt sức đến nỗi bác sĩ thỉnh thoảng lại phải chích thuốc cho ông để ông khỏi bị ngất xỉu. Ông Dubcek và các ông Svoboda, Cernik Smrkovsky đã năn nỉ với dân chúng, khuyên can tránh mọi va chạm với quân đội chiếm đóng để bảo vệ phần còn lại của nền độc-lập quốc-gia.

Hiện thời các cán-bộ Nga, với tư cách cố vấn, đã nắm giữ hết các cơ-quan công quyền. Nga tung ra 800 nhân viên mật-vụ biết nói tiếng Tiệp-khắc để thanh trừng, ám sát khoảng 2000 trí-thức Tiệp đã bị Nga ghi vào sổ đen vì, ủng-hộ cuộc tự-do-hóa trước đây. Chủ-tịch-đoàn Cộng-đảng Tiệp đã được cải-tổ để cho các nhân vật bảo-thủ thân Nga gia-nhập. Trước khi Nga đóng biên-giới Tiệp, người ta đã chứng-kiến một cuộc di-cư rầm rộ của dân Tiệp ra ngoại-quốc. Hiện thời đã có tới 20.000 người Tiệp trốn sang Vienne, thủ-đô Áo.

Trong khi đó dân-chúng Tiệp ở lại trong nước đua nhau tìm cách phá quân-đội Nga. Trong có một đêm mà các biển chỉ-dẫn công-lộ, đường phố, số nhà đã biến mất. Quân đội Nga không

còn biết đường để tiến thoái. Những biển còn lại đều chỉ sai đường để đánh lạc hướng quân Nga. Hiện thời tại Tiệp-khắc chỉ có biển chỉ đường về Mạc-tư-khoa là quân đội Nga có thể tin được

Tuy áp dụng bạo lực thắng lợi tại Tiệp-khắc, Nga vẫn lúng túng vì thắng lợi này đã dẫn tới một thất bại ngoại-giao nghiêm trọng. Các quốc-gia khác đã tỏ ra lạnh nhạt và nghi-kỵ Nga. Một trong những hậu quả quốc-tế đầu tiên về cuộc xâm-lăng của Nga tại Tiệp-khắc là các quốc-gia hội-viên Minh-ước Đại-tây-dương đã xiết chặt hàng-ngũ. Các nước trước đây muốn rút lui khỏi Minh-ước hay muốn tỏ ra độc-lập với Mỹ như Na-uy, Đan-mạch và Tây-Đức giờ đây đều muốn củng cố và tăng cường Minh-ước.

Ngay tại Nga, người ta tự hỏi không rõ các lãnh-tụ điện Kremlin có còn sáng suốt không và người ta đồn rằng ông Brejnev, Tổng bí-thư Cộng đảng Nga sẽ bị mất chức vì vụ Tiệp-khắc. Thật vậy phương pháp mà Ngaxử - dụng đã gọi cho người ta nhớ lại những phương-pháp bạo tàn của Hitler ngày trước. Ngày 14-3-1939 Hitler cũng đi hành động tương tự bằng cách triệu Tổng-thống Tiệp, Hacha sang Bá-linh để dọa nạt, ức hiếp khiến ông Hacha đã ội ngất đi mấy lần và Hitler phải cho chích morphine để ông tỉnh lại mà ký thỏa-hiệp đặt Tiệp-khắc dưới quyền bảo-hộ của Đức-quốc. Gần 30 năm qua, lịch-sử lại vẫn tái-diễn tại Tiệp-khắc và trên thế-giới người ta tự hỏi tinh-thần thượng-tôn luật-pháp và đoàn-kết quốc-tế đã tiến-triển tới đâu ?

Mỹ-châu : Hoa-kỳ đang đi tới giai-đoạn chót của cuộc bầu - cử Tổng - thống.

Tại Hoa-kỳ cuộc bầu-cử Tổng-thống

đã tới giai-đoạn cuối cùng. Hai đảng đã chọn xong ứng-cử-viên chính-thức để ra tranh-cử Tổng-thống. Đến tháng 11 tới cuộc bầu-cử mới được tổ-chức. Nhưng người ta đã thấy rõ rệt các nét chính của cuộc bầu-cử này.

Thật vậy tại Miami beach, Đại-hội toàn-quốc đảng Cộng-hòa đã diễn ra trong một bầu không khí vui nhộn bình thường. Ông Nixon đã được đảng cử một cách hết sức dễ dàng và ngay sau đó các người đối-lập trong đảng đã hứa ủng-hộ ông. Với một đảng đoàn-kết, với một đường-lối tuy bảo-thủ, cứng rắn, nhưng rõ rệt, ông Nixon có nhiều hy-vọng lồi cuồn cử-tri.

Trong khi đó Đại-hội toàn-quốc đảng Dân-chủ tại Chicago đã đưa ra một cảnh-tượng chia rẽ nội-bộ vô cùng trầm trọng khiến người ta tự hỏi không biết ông Humphrey có còn đủ uy-tín để đương đầu với ông Nixon hay không?

Ngay từ lúc đầu, trước khi Đại-hội đảng Dân-chủ khai-mạc, khoảng 10.000 người thuộc phe phản-chiến, hay thuộc nhóm gọi là Hippies hay Yppies đã kéo tới để biểu-tình. Thị-trưởng Chicago Daley đã huy-động tới 20.000 nhân viên cảnh-sát và quân-đội Liên-bang để đàn-áp và người ta thấy có khoảng chừng 700 người dân và 83 cảnh-sát bị thương. Cảnh sát còn lên tới tận Đại bản-doanh của ông Mac Carthy ở tầng lầu thứ 15 của khách-sạn Hilton để bắt một số thanh-niên ủng-hộ Mac Carthy vì họ đã ném những hộp nước tiểu vào đầu cảnh sát. Trưởng phái-đoàn đại-diện đảng của một tiểu-bang cũng bị cảnh-sát đánh.

Trong điều-kiện này, Đại-hội đã khai mạc với một bầu không khí căng thẳng. Nhiều đại-diện đòi bỏ về để họp tại một thành-phố yên-ôn hơn. Khi biểu-quyết cương-linh của đảng, nhiều cuộc đụng độ đã xảy ra. Nhưng phe chủ-trương cứng rắn tại Việt-nam đã thắng.

Đến khi chọn ứng-cử-viên, người ta cũng gặp nhiều khó khăn. Nhưng không phải ông Mac Carthy và ông Mac Govern đã gây khó khăn cho ông

Humphrey. Ông Mac Carthy đã có một thái-độ làm nhiều người ngạc nhiên vì ông đã chấp nhận sẵn thắng lợi của ông Humphrey. Ông Mac Govern không có uy-tín và lực-lượng để trở thành một đối-thủ nguy hiểm. Sự khó khăn đã do chính ông Daley, thị-trưởng Chicago, gây ra. Vì muốn được chọn làm Phó Tổng-thống, ông Daley đã yêu cầu ông Johnson ra tái ứng-cử. Johnson từ chối, ông Daley lại quay sang ông Edward Kennedy. Ông Kennedy tỏ ra hết sức phân vân nhất là anh ông vừa bị ám sát, nhưng ông có thể sẽ ra tranh cử nếu đại đa-số trong đảng « trung dụng » ông. Trước thái độ này ông Daley đành phải ủng-hộ ông Humphrey.

Khi hay tin sắp được chọn, ông Humphrey đã vào phòng tắm khóc vì sự chia rẽ quá trầm trọng trong đảng ông.

Ngoài sự chia rẽ của đảng Dân-chủ, nhiều yếu-tố khiến hy-vọng đặc cử của ông Humphrey thành mong manh. Trước hết, ông Humphrey không thể có một lập trường rõ rệt. Ông không dám rời khỏi chính-sách của ông Johnson để trở thành cấp-tiến. Nhưng ngược lại ông cũng không thể bỏ một đường lối cấp tiến trong khi những người da đen đang đòi những cải-cách. Như vậy đối với người cấp-tiến ông Humphrey bị coi là bảo-thủ và đối với người bảo-thủ ông bị coi là cấp-tiến. Ra trước cử-tri, ông Humphrey đã không đưa ra được một sự lựa chọn rõ ràng.

Trong khi đó ông Nixon lại có một đường-lối rõ rệt. Bảo-thủ ở bên trong, cứng rắn đối với bên ngoài. Không người Mỹ nào là không muốn có một vị Tổng-thống cứng rắn để bảo-vệ uy-tín của Hoa-kỳ ở ngoại-quốc. Tình trạng căng thẳng quốc-tế hiện thời với vụ Tiệp khắc đã khiến cho dân-chúng cảm thấy gần ông Nixon hơn là ông Humphrey. Với ông Nixon dân chúng tin rằng Hoa-kỳ sẽ đi tới chiến-thắng mau lẹ ở Việt-Nam. Như vậy nếu không có sự gì bất ngờ thì ông Nixon sẽ có nhiều hy-vọng đặc cử vào tháng 11 tới.

TỪ TRÌ-

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Tháng 5-1968

Tháng 5 là tháng đại náo ở Pháp. Cả xã-hội rung chuyển vì cuộc nổi dậy của đám trẻ. Cuộc nổi dậy được giải quyết xong rồi, tháng 6 tháng 7 là những tháng đề suy nghĩ về hiện-tượng đại náo vừa xảy ra. Nhiều tác phẩm nổi tiếng xoay quanh biến cố tháng 5-68 liên tiếp ra đời. Trong BK. TĐ. số trước đây chúng ta đã nói tới cuốn sách của Raymond Aron sắp có bán. Hai cuốn đang bán rất chạy là: *Le livre noir des journées de Mai* của UNEF/SNE Sup, và *La révolte étudiante* của J. Sauvageot, A. Geismar, J. P. Duteuil và D. Cohn Bendit. Hai cuốn nữa, khá quan trọng, tuy mỏng: *Ces idées qui ont ébranlé la France* của một giáo sư đại-học Nanterre ký biệt hiệu Epistémon, và *Stratégie et révolution en France 1968* của André Glucksman.

Một tháng đại náo, tha hồ suy-tư suốt năm.

Cửa ngục thứ nhất

Gần đây giới văn-ngệ Âu-châu cứ nhất mực đòi phong cho Alexandre Soljenitsyne chức đệ-nhất văn-hào Nga-xô.

A. Soljenitsyne trước là đại-ủy pháo-binh, đánh giặc xong lại bị tù ở Sibérie tám năm. Mãn tù, về dạy vật-lý-học ở một trường trung học tỉnh lỵ. Buồn tay, ông viết một cuốn truyện mỏng về một ngày trong tù. Thế là nổi tiếng ngay. Cuốn *Một ngày trong đời của Ivan Denissovitch* do chính Kroutchev dịch thân cho phép.

Nó tố-cáo chế-độ lao-tù khủng-khiếp dưới thời Staline.

Sau cử chỉ đại-lượng ấy của Kroutchev, giới lãnh-đạo Nga trở lại cứng rắn: Soljenitsyne vẫn viết nhưng không được in nữa. Ivan Denissovitch chỉ có một ngày, Soljenitsyne chỉ có một tác phẩm sao?

Sự thực, hình như sau *Một ngày...*, Soljenitsyne có viết được hai cuốn truyện nữa. Bị cấm in, người ta quay ronéo lưu truyền bí mật. Mật-vụ tới xét nhà tác-giả. Kỳ Đại-hội thứ IX các nhà văn xô-viết, Soljenitsyne gởi tới một lá thư dữ dội, tố cáo Hiệp-hội các nhà văn này làm mật-vụ cho nhà nước.

Thế rồi, tác phẩm bí mật của Soljenitsyne lọt ra ngoại quốc. Gần như đồng loạt, cuốn *Le premier cercle* được tung ra ở Mỹ (do nhà Harper), ở Pháp (do nhà Robert Laffont), ở Ý, ở Đức, và ở Anh.

Le premier cercle là một tác-phẩm đồ sộ, bản thảo gồm 1.200 trang (thiên hạ lại tha hồ nhắc đến truyền-thống Tolstoi). Vẫn là chuyện tù. Vẫn về thời Staline. Chúa tể Staline muốn có một thứ máy điện-thoại riêng để xài, máy có thể biến đổi tiếng nói để cho không ai nghe trộm mà hiểu được, chỉ trừ một người đối thoại. Bộ Nội-vụ được lệnh thực hiện công trình ấy bèn mang một nhóm tù nhân khoa-học-gia từ Sibérie về, nhốt vào một biệt-thự ở Mạc-tư-khoa, ra lệnh cho hễ hoàn tất công-trình nọ kịp thời

hạn thì sẽ được ân xá, trái lại thì nguy.

Hạng tù nhân đặc biệt này, từ những trại giam Sibérie trở về, bước xuống xe, ngơ ngác giữa ngôi biệt-thự bí-mật, có kẻ quá sung sướng trước sự thay đổi bất ngờ vừa xảy đến, tưởng mình đã lạc tới Thiên - đường. Nhưng lại có kẻ khác nhắc lại tác-phẩm danh tiếng của Dante, và bảo rằng đây vẫn là Địa-ngục, nhưng cái may của họ là được ở tầng thứ nhất. Nguyên Dante băn khoăn không biết xếp các bậc hiền-triết cỡ thời vào đâu: những kẻ ngoại-đạo này lẽ ra đáng vớt xuống Địa-ngục cả, nhưng họ là hiền-triết, vớt thế cũng tội. Vậy tạm xếp họ vào cửa thứ nhất: *Le premier cercle*.

Nhưng ở cửa thứ nhất mà luyện tội bằng cách chế máy điện-thoại riêng cho mật-vụ thì chẳng mấy chốc lại rơi xuống cửa thứ mười!

Ái tình

Nhà xuất bản Gallimard cho ra một cuốn sách vài trăm trang dịch từ tiếng Đức, mang cái tên ngắn ngủi là *Ái tình* (*L'Amour*). Người ta bảo ấy là một phát giác lạ lùng. Tác giả, Constantin Brunner qua đời hơn ba mươi năm nay tại Đức một cách lặng lẽ. Bây giờ bản dịch Pháp vẫn làm cho nhiều người ngạc nhiên thấy ở Brunner một triết-gia táo bạo, về tư-tưởng triết học cũng như thái-độ chính-trị có nhiều chỗ giống J. P. Sartre.

Sao ông Sartre Đức lại im hơi lặng tiếng, ít được đồng bào xứ ông đề ý đến bẽ?

Triết-học và Minh-ước Varsovie

Một hội-nghị quốc-tế các triết-gia đã khai mạc tại Vienne ngày 2-9 và bế mạc ngày 9-9. Chủ-tịch nước Áo, Tổng Giám-mục thành Vienne đều có đến dự buổi khai-mạc.

Hội-nghị qui tụ 3 nghìn đầu óc suy tư của 65 quốc gia trên thế-giới.

Mới mở đầu hội-nghị, đại-biểu Nga nhân kỷ-niệm sinh-nhật lần thứ 150 của Các-Mác, đọc một bản tham-luận ca-tụng chủ-nghĩa Mác-xít, liền bị đại-biểu Tiệp và Nam-tư phản đối om sòm. Nga bảo Mác đúng tám tập; Tiệp và Nam-tư bảo thỉnh thoảng cũng cần phê bình Mác chút ít, hơn nữa mỗi xứ cần có một đường lối áp-dụng chủ-nghĩa Mác một cách khác.

Khi nào Mác cần được « phê-bình »? Phải chăng các triết-gia Tiệp đang nghĩ đến lúc quân-đội Minh-ước Varsovie bắt thành linh xông vào giải-phóng một nước bạn?

Tối hậu-thư gửi bà Kiểm-duyet.

Đây là bà Kiểm-duyet nước Tiệp-khắc, tức một bà đầm. Bà đầm Kiểm-duyet ấy bị « phút lơ căng », đuổi đi gấp, khi Dubcek cầm quyền. Rồi quân đội Nga tràn vào Tiệp bắt buộc Dubcek rước bà ta về.

Hiệp-hội ký-giả phản đối. Chính-phủ Tiệp năn nỉ, xin được thông-cảm. Hiệp-hội ký-giả bèn thuận thông-cảm, với điều kiện là chỉ trong vòng vài ba tháng thôi. Sau thời hạn ấy, họ không chấp nhận lười kéo bà ta nữa.

TRĂNG THIÊN

9-68.

THỜI-SỰ KINH-TẾ

Trong cuộc phỏng-vấn ngày 28-8 dành cho phái-viên Saigon Mới, ông Âu-Ngọc - Hồ, Tổng-trưởng Kinh-tế tuyên - bố đại-khái, Bộ của ông rất có thiện-chí, nhưng nếu sinh-hoạt của đồng-bào cứ khó khăn, vật-giá không bình- ổn, xin các giới thông-cảm cho, vì là ngoài ý muốn của ông. Bộ Kinh-tế không thể khắc-phục nổi các nguyên - nhân mà được ông Tổng - trưởng đặt tên cho là nguyên - nhân ngoại kinh-tế.

Đúng lắm, đã là lý-do ngoài ý muốn, thời không thể quy-tụ lỗi cho Bộ sở-quan được. Ông Tổng-trưởng Kinh-tế nêu ra hai nguyên-nhân điển-hình : Một là Cầu Bến-Lức sập. Hai là lời tuyên - bố của các « yếu - nhân », thường hay dự- đoán là Việt-Cộng sắp đánh lớn, sắp tấn-công đợt 3.

Nguyên-nhân thứ nhất gây ra vấn- đề hàng-hóa tăng giá. Đúng quá rồi. Thịt heo nạc, đương giá 300đ, tăng ngay lên 400đ, rồi 450đ. một kí, sau khi cầu Bến-Lức vừa bị sập một nhịp. Phải chi Việt - Cộng đừng phá - hoại giao - thông, đừng xâm-phạm an-ninh nông-thôn, tình-hình kinh-tế sẽ tiến-triển tốt đẹp biết là dường nào.

Nguyên-nhân thứ hai, cũng theo lời ông Tổng-trưởng Kinh-tế, tác-động đến tâm-lý của mọi giới trong vấn - đề đầu tư, hoạt-động, buôn bán v. v. . . Khờ quá, các vị « yếu-nhân » cứ nay tuyên-bố, mai tuyên-bố sắp sửa tấn-công đợt ba vào tháng này tháng nọ, hoặc bao nhiêu Trung-đoàn địch đang tập-trung nơi kia nơi khác, khiến cho toàn thể mọi giới lo thót bụng lên còn làm ăn gì nữa ?

Chẳng thà theo chính-sách đã-điều của Tây-phương vùi đầu xuống cát để khỏi trông thấy nguy-cơ đang tiến tới, hoặc theo chính sách con rùa đen của Đông-phương, rụt đầu rụt cổ không lý-sự gì đến việc bên ngoài.

Quan-điểm của Bộ Kinh-tế rất đúng, theo tổ-chức hiện-thời của chánh-phủ. Còn dân đen, nạn-nhân của chiến-cuộc, thời vẫn đau-khổ từ lâu rồi, vẫn thiết tha trông đợi một lý-thuyết cách mạng, một kế-hoạch quốc-gia đối-phó toàn-diện với chiến-tranh du-kích và xâm-lược Cộng-sản.

Chúng ta không-thể tách rời khu-vực kinh-tế khỏi cuộc chiến đấu của toàn dân, và càng không thể đặt ra những giả-thuyết về tình-hình an-ninh khi mà máu người chiến-sỹ quốc-gia này nọ cũng đổ trên khắp các chiến-trường.

Ngày nào địch cũng có thể phá cầu phá đường và tấn-công vào đô-thị này hoặc đô-thị khác. Đó là một thực-tại mà chúng-ta phải chấp-nhận và căn-cứ trên thực-tại đó, nhà lãnh-đạo về kinh-tế sẽ liên-lạc mật-thiết với nhà lãnh-đạo về quốc-phòng, về chính-trị, để phối-hợp hoạt-động trong một chương-trình kế-hoạch chung khả-dĩ loại-trừ được những hậu quả tai-hại về công-tác phá hoại của địch. Tỷ-dụ : Cầu Bến Lức sập. Việc phòng thủ bao giờ chả khó gấp trăm lần sự lén-lút phá- hoại, nên chẳng phải là nhà tiên-tri cũng thấy trước có ngày địch phá sập được

một nhịp-cầu. Nhiệm-vụ của quân đội là tái-lập lưu-thông, giảm thiểu thời-gian gián-đoạn. Còn nhiệm-vụ của kinh-tế là lập vòng đai chăn-nuôi, rau tươi quanh Đô-thành, lập kho dự-trữ thịt lạnh, lập kế-hoạch tăng-bo qua những yếu-điểm thường bị phá-hoại, vận-tải bằng đường thủy để tạm-thời tiếp-tay với vận-tải đường-bộ.

Khi cầu Bến-Lức sập, ngoại-trừ công-binh gắng sức lập cầu nổi, Bộ Kinh-tế hầu như án-binh bất động. Người dân không thấy thêm một tấn-thịt lạnh nào được bán ra ngoài chợ Đô-thành và các thí-điểm của Tổng-cuộc tiếp-tế vẫn tiếp tục bán theo kiểu dở từng giọt. Cũng không có kế-hoạch kinh-tế nào giúp đỡ cho các lái heo đem được heo mau chóng qua những nhịp cầu bị phá-hoại. Nếu thực sự chúng ta lập được vòng đai thực-phẩm tươi, có khi địch cũng không thấy cần-thiết phải phá các đường giao-thông nữa.

Sang vấn-đề dự-đoán việc địch sắp tấn-công làm ảnh-hưởng tới sự làm ăn buôn-bán. Người dân nhận thấy sắc thái đặc-biệt nhất của cuộc chiến-tranh du-kích phá-hoại này chính là ở điểm trong nguy-hiêm vẫn có sinh-cơ. Mặc dầu chiến tranh khốc-lũn người dân vẫn khuếch-trương kinh-tế, đầu-tư buôn-bán mạnh-mẽ và sức sống đã vượt được tàn-phá nên sau hai mươi năm chiến tranh, bin-đình, nhà máy, tiểu-công-nghệ, vẫn mọc lên nhan nhản. Nếu tình-trạng kinh-tế suy-đồi, chúng-ta không thể quy tội cho chiến-tranh, một tình-trạng đã có từ lâu, mà chúng ta phải công nhận, tại chúng ta thiếu một kế-hoạch kinh-tế mềm-dẻo đủ khả năng để thích-hợp với tình-trạng quân-sự trong mỗi giai-đoạn của chiến-lược.

DUY

Tại sao tôi muốn hoà-bình

Đó là đề-tài bài nói chuyện của giáo-sư Lý-Chánh-Trung tại trụ-sở Tổng-hội Sinh-viên Saigon hồi 10 giờ sáng ngày 8-9-1968.

Mở đầu, ông cho biết ông nhận lời mời tham dự hội-thảo về vấn-đề Hoà bình vì ông là một giáo chức nên ông không có quyền từ chối bất cứ một cuộc đối-thoại nào với sinh-viên.

Tuy nhiên, theo ông, câu chuyện hoà-bình chỉ có thể nói trên bình-diện lý-trí hay trên bình-diện tình cảm. Trên bình diện lý trí, phải là một nhà chính trị tài ba mới phân tách được những nguyên-nhân gây chiến, nhận định tương quan lực lượng, tìm giải-pháp cho dân tộc... Trên bình-diện tình-cảm, muốn nói lên « những lời thống-thiết kêu gọi hoà-bình » chỉ có những nạn nhân chiến tranh, trực tiếp gánh chịu hậu quả của chiến-cuộc, « vì họ đòi hỏi hoà-bình ngay trong da thịt của họ », chỉ có những tâm hồn cao thượng, giản dị và trong trắng của các vị chân tu.

Diễn-giả ngại ngừng vì ông không phải là những hạng người kể trên nên ông

đành chọn một bình diện trung-dung để chỉ tự vấn lương-tâm mà nói tại sao ông muốn hoà-bình.

Ông muốn hoà-bình vì ông là người Việt-nam, vì ông là một giáo chức, vì ông là người công-giáo.

Là người Việt nam, ông không chịu đựng nổi cảnh máu người Việt đổ mỗi ngày một nhiều — máu chiến sĩ hai bên, máu thường dân vô tội — trong khi một số người Việt khác vẫn nhởn nhơ làm tiền, ăn chơi. .

Là người Việt-nam, ông không chịu đựng nổi cảnh tượng người ngoại-quốc « tàn phá đến tận những nền móng vật chất và tinh thần của đất nước » với danh-nghĩa « bảo vệ tự do » mà thật sự chỉ « bảo vệ những chế-độ chà đạp tự-do »...

Là người Việt Nam, ông không muốn người V.N. dành hai chữ Việt Nam làm của riêng mình, có những lối nhìn phân hai : một bên hoàn toàn xấu một bên hoàn toàn tốt, độc tôn độc quyền : độc quyền chống Cộng, độc quyền yêu nước, độc quyền cách mạng...

Chỉ khi nào hai bên nhận rằng không có gì là tuyệt đối, những mâu thuẫn chính trị do đó không thể gây nên sự chém giết lẫn nhau, và dân tộc đã trả giá thực đắt cho mỗi bên chứng minh chính-nghĩa của mình ; chỉ khi đó mới có cơ đoàn-tự. Và diễn-giả nói lên cái ước vọng đoàn-tự đó.

Ông còn muốn hòa bình vì ông là một giáo chức. Sứ-mạng của giáo chức là đào tạo con người. Nhưng làm sao đào tạo được con người trong một xã-hội thúi nát khi văn, hóa đồi trụy, giáo dục xuống dốc, khi lời mình giảng, bài mình viết hầu như không dính líu gì đến thực-tại quanh mình, khi tâm hồn con người đã trở thành chai đá, lì lợm khi giáo-chức trở thành «những kẻ bán chữ nghĩa, bán kiến thức, bán văn bằng » ; « những con đi » như lời vi của Socrate.

Diễn giả không muốn làm đi, nên ông muốn hòa-bình.

Sau cùng, ông muốn hòa-bình vì ông là người công-giáo. Ông nói :

« Từ nhỏ tới lớn, Giáo-hội đã dạy tôi phải vác cây Thập-giá theo chân Đức Ky-tô đem ánh sáng vào chỗ tối tăm, đem tình thương vào nơi oán thù », chưa bao giờ Giáo hội chúng tôi phải mang cây Thập giá đập lên đầu kẻ khác, dầu là với danh nghĩa nào đi nữa.

« Trong những thế-kỷ trước, có những người Tây phương vác súng ống đi ăn cướp xứ ngoài, nói là để bảo vệ và phát huy đạo Chúa. Trong thế kỷ này, cũng còn những người Tây phương mang bom đạn đi tàn phá xứ người, nói là để bảo vệ nền « văn-minh Thiên-Chúa-giáo ». Và cách đây ít lâu, một Đức Hồng-Y — rất may là ngài đã về châu Chúa — đã gọi binh lính Hoa-Kỳ là « chiến sĩ của Đức Kytô ».

« Họ là những kẻ mặt mo, nói láo mà không ngượng miệng, vì một sức mạnh tinh thần không bao giờ cần đến sự bảo vệ của bạo lực, vì nền văn minh của họ không còn một gờ-ram nào đáng được gọi là Thiên Chúa-giáo ! »

Nhưng ảnh-hưởng của những kẻ mà ông lên án đó đã suy yếu và tiếng nói chính thức của Giáo-hội đã cất lên kêu gọi hoà-bình với thông-điệp Mân-côi ngày

15-4-66 của đức Giáo-hoàng Phao-lô đệ lục và hai bản thông-cáo của Hội-đồng Giám-mục V.N. ngày 7-10-66 và 5-1-68.

Ông kết-luận : Nguyên vọng tha thiết và giản dị của ông là được thấy dân tộc đoàn tụ, độc lập, phú cường, nghề nghiệp của ông trở lại thành một sứ-mạng, Giáo-hội ông lớn mạnh trong niềm tin, đức bác-ái... Sau cùng, ông chấm dứt bài nói chuyện như sau :

« Tôi đã chân thành nói lên những gì tôi mơ ước, như một tiếng cóc kêu nhỏ giữa cơn nắng hạn đề van xin Thượng-đế ban cho dân-tộc tôi một trận mưa rào dập tắt khói lửa, dập tắt hận thù, để cho tình người chớm nở thò o những đám mạ xanh, trên những cánh đồng không còn thuốc khai-quang... »

Buổi hội-thảo qui tụ một số đông sinh viên, trong đó có cả các đại-diện sinh viên Huế và Đalat, cùng một số nhân vật tên tuổi ở thủ-đô. Lên phát-biểu ý-kiến sau bài nói chuyện trên đây là : L.m, Nguyễn ngọc Lan, Luật sư Vũ văn Huyền, các dân-biểu : Thương-gia kỳ-sanh, Ngô-công-Đức v.v... hầu hết đều tán thành bài nói chuyện của diễn-giã.

THỜI-ĐẠI

HỘP THƯ

— *Tạp chí Bách-Khoa* đã nhận được những bài sau đây : Cho anh ; Buồn thân con gái (Huy-Phong). Bài định-cư ; bài xin cứu-trợ ; bài chạy giặc ; bài thân phận ; bài thành - phố ; bài tản - cư ; (Nguyễn-sinh-Từ). Đối-thoại trên cao ; Thơ, Thi-nhân và thực-tại ; Muộn màng ; Một lần tìm lại (Vĩnh - Liêm). Thơ, Nguồn cảm-hứng (Châu-trúc-Diệp). Viết từ một quê-hương nghèo khó (Nguyễn-minh - Quang). Việt - Nam : Bài trắc-nghiệm cuối cùng của đường lối xâm-lược Cộng-sản (Hà-Thúc Từ-Vũ). Cỏ dứt (Nguyễn-kim-Phượng). Tình ca 8 ; Tình ca đông phương 9 ; Tình ca đông phương 10 (Chu-vương-Tự). Hiện-hữu ; Vọng tưởng ; Mấy hàng xương trắng ; Nỗi buồn không rời ; Sao em không đến (Mặc-Linh). Nỗi niềm cố-đô (Người tóc dài). Đất hứa (Chu-ngym-Vũ). Thím Tây (Trần - doãn-Nho). Thư gửi cho người yêu (Hoài-Vũ). Thôn quê ; Thư gửi những cái xác Việt - Nam không hồn ; Những con sâu đã nuôi những con sâu để giết hại chủ vườn hoa (Trần - đình-

Thái). Xâm minh (Trần-thị Thái-Hòa).

Tất cả những bài trên đây nếu bài nào quá bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường hợp có thư riêng) thì các bạn coi như là không đăng được mà thông cảm cho. Đa tạ.

— *Ô. Lương-thái-Sỹ* (Đà-Nẵng) Rất tiếc không đăng được « Quận lý » và « Tiếng động của ngày ». Mong ông thông cảm cho.

— *Ô. Vũ-Đoài* (KBC. 4750) Đã nhận được thêm « Nước phèn » và rất cảm ơn anh. Anh sẽ nhận được báo đều từ số này. Sẽ trả lời anh bằng thư riêng về các sáng-tác của anh. Chúc anh mọi sự vui vẻ.

— *Gửi quý bạn « Cha Mẹ độc-thân » Việt-nam...*

Đề tiến tới thành-lập Chi-hội Phụ-mẫu Độc-thân (Parents without partners) ở Việt - nam — Trung-ương Hội ở Hoa - kỳ — thành - khẩn yêu - cầu được liên-lạc với quý Ông Bà trong hoàn cảnh, đề trao đổi ý-kiến, bầu ban Vận-động, Xin viết thư về :

NGUYỄN-HOÀN-KIỂM
Hộp thư Bưu-điện Q-2 Saigon

SAU CHIẾN TRẬN

Thơ Ý-YÊN

- * *dành cam gửi xuân này qua lửa đỏ
đề chuộc về hai tay mỗi băng-khuông
tôi đi giữa hàng hàng gươm súng vỡ
niềm âu-lo chưa dịu nhẹ đôi phần*
- * *sau những đợt xung-phong ào thác lũ
còn lại gì vườn trống cạnh nhà hoang
và hoa cỏ im-lìm nghe đón gió
bầy gà con vừa lạc mẹ kêu đàn*
- * *trên sân nặng nhiều thù quân phơi xác
thanh A. K. Tiếp-khắc lỏng tay gầy
ngoài bờ lúa nhiều anh em nhắm mắt
vuông đất hồng làm gối lạnh từ đây*
- * *khi tôi đến quê xa chìm tiếng hát
chiều hành-quân vai nặng túi cơm rời
đề nép bóng tòa bin-đình cao ngất
trên đường về nghe đặng mặt đầy vơi*
- * *vì đã nhận làm người-trong-đơn-vị
(thủy-thủ đoàn qua mắt bão gian-nan)
xin thoát khỏi vòng kềm gai ước-lệ
bao lời ru làm kịch tuyết sương tàn*
- * *không ước tính ngày mai bằng giai-đoạn
chiến-tranh đan từng phễu lửa trên đầu
tôi chợt thấy thương thù và yêu bạn
chúng ta đều bình-đẳng trước thương-đau*
- * *xin nghĩ đến một ngày "sau chiến-trận
súng buông rồi và lửa tắt đặng sau
kẻ sống sót nhìn nhau và sẽ nhận
mình đa vàng cùng tiếng nói như nhau*
- * *ta đã học ngàn danh-từ phung-phí
hoài công chăm cây đại mộc đầy đồng
muốn yêu khắp loài người ? — xin hãy nghĩ
đến thân này xương máu Việt-Nam chung.*

kiếp cây rừng

Thơ TRẦN-HUIỀN-ÂN

Bởi cố sự bùn đen pha tuổi ngọc
Cho nụ cười gầy úa nổi ưu tư
Màu chứng tích sơ khai choàng đáng vóc
Anh cúi đầu nghi hoặc chuyện thành hư

Và em đến tóc thề vẫy bước nhỏ
Một đôi nhìn ngó ngáo cũng hồn nhiên
Trong giây phút thời gian nghiêng đảo đó
Anh chừng vui quên bằng tháng năm phiền

Nhưng quái dị loài yêu ma dĩ vãng
Từ binh đao luân lạc giữa hồn anh
Còn sức sống thay thiên hình vạn trạng
Anh cũng đành buông lỡ nét đan thanh

Như lớp lớp lũ cây rừng cỏ núi
Nhìn con sông quanh quất uốn bên mình
Mà suốt đời biết bao giờ gần gũi
Dù trọn tình dâng cát trắng dòng xinh

Thôi em đừng làm thiên thần chợt biến
Lòng mỹ dung e ánh mắt phạm trần
Thôi em đừng làm tiên nga ẩn hiện
Miền sơ giao ngôn ngữ những phân vân

Xin hãy cho anh nguồn vui thác lũ
Em giàu sang ước triệu chất kho tàng
Bao thương ghét giận hờn em có đủ
Anh đang cần trong lửa máu mệnh mang.

Rồi chuyển mưa qua

Xe phóng ngược con đường quen thuộc và tôi ngoái cõ nhìn lần nữa những đồng vôi vữa, gạch ngói hỗn độn khuất dần phía sau. Tôi thấy buồn nản xen lẫn giận dữ, và tôi linh cảm rằng có rất nhiều sự việc đã xáo trộn trong cuộc sống của những người thân, bắt nguồn từ cơn rủi ro bất ngờ này, tôi tự trách đã trở về quá muộn, nhưng sau đó tôi nghĩ một sự trở về sớm hơn cũng không hơn gì, và biết đâu còn làm tôi bức mình hơn. Tôi nhìn sang Quý, một câu nói định kìm lại bỗng buột khỏi miệng :

— Cậu có bao giờ cảm thấy mình phải chiến đấu một cách thiết thực hơn không ?

Quý im lặng ngó tôi trước khi trả lời :

— Mình hiểu sự hoang mang của cậu lúc này, nhưng mình cũng biết chỉ lát nữa cậu sẽ thay đổi, vì đời sống dành cho bọn mình đã có những vạch sẵn như vậy, chính đó mới là cuộc chiến đấu, chiến đấu với bản-thân.

Quý dừng xe ở góc đường và bắt tay tôi khi từ giã :

— Mình có buổi họp chiều nay, cho mình gửi lời hỏi thăm gia đình, có tin gì cậu nhớ gọi tới để mình biết ngay. Sẽ gặp lại sau, à quên đợi một chút, còn mấy quyển sách của cậu.

Hắn vói tay ra băng sau đưa tôi gói giấy mà tôi trao lại cho Nguyệt khi chúng tôi gặp nhau trong phòng làm việc. Nguyệt nắm lấy cánh tay tôi.

— Nhà mình chẳng còn gì nữa anh ơi!

— Anh biết rồi, anh vừa về qua đó. Bây giờ gia đình ở đâu ?

— Em với nhà em mời cậu mợ về bên nội thẳng Trung mà cậu mợ không chịu. Cậu mợ ở tạm đảng chùa Vĩnh nghiêm. cậu bảo có quen thân với đảng ấy. Cả em Sơn cũng theo cậu mợ.

Chúng tôi im lặng một lát. Nguyệt nhắc lại một câu đã nói :

— Nhà mình chẳng còn gì anh ơi, không chạy kịp được bao nhiêu...

— Cô đi làm lại từ bao giờ ?

— Dạ mới hôm nay, em nghỉ hơn tuần rồi. Em tưởng anh xin về sớm được.

— Anh phải đi hành quân. Lát nữa chú ấy có tới đón cô không ?

Không anh ạ, anh đợi mấy phút em dẫn anh về đảng cậu mợ.

Nguyệt nhìn xuống gói giấy trên tay :

— Cái gì đây anh Bảo ?

— Sách anh mua cho cô với thằng Sơn.

Tôi thấy mắt Nguyệt như rung rung. Mãi lúc sau Nguyệt mới nói :

— Tội em Sơn, nó mất hết bao nhiêu sách vở quần áo...

Tôi chầm thuốc lá và nhìn những ngón tay mình run run như ngọn lửa đầu que liêm liếm vào điếu thuốc, tôi vô tình thở khói vào mắt Nguyệt và nước mắt Nguyệt chảy ra lăn trên má, tôi nghĩ có lẽ Nguyệt lấy cớ cay mắt để được khóc. Ở bên một người đàn ông đang ngồi chăm chú ngó hai anh em chúng tôi làm tôi cảm thấy khó chịu. Buổi trưa nắng ngập ngoài kia, những đường phố đông đúc xe cộ. Tôi nhắm mắt và muốn được ngủ một giấc thật dài.

oOo

Khi mẹ tôi trông thấy tôi, mắt bà cũng rung rung như Nguyệt lúc nãy. Bà không giải thích gì thêm về chuyện đã xảy ra, và chính tôi cũng muốn vậy. Ba tôi rót cho tôi một tách nước trà, tôi nhận thấy cái tách màu trắng, nghĩa là không thuộc về bộ tách đỏ vẫn đi song song với chiếc ấm cùng màu — màu đất nung. Ba tôi chỉ vào cái bình thủy :

— Bây giờ cậu pha chè bằng cái này. Cả bộ đồ chè của nhà mình mất rồi anh ạ.

Và ông mỉm cười. Nụ cười đầy nhăn nhin và đôi mắt sau cặp kính trắng nhìn tôi một cách xót xa làm tôi thấy muốn chảy nước mắt. Trong đầu óc tôi hiện ra hình ảnh chiếc ấm và những chiếc tách xinh xắn vỡ nát nằm lẫn lộn giữa đồng gạch ngói, bên những bức tường còn sót lại cháy nám đen loang lổ vết đạn ; và hình ảnh không đâu ấy bỗng chốc chiếm cứ tâm hồn tôi như một đợt sóng trùm lấp, dâng nổi buồn lên cao từng giây phút làm tôi ngáy ngất. Gia đình tôi

bây giờ quây quần trên hai chiếc chiếu cói kia, và ở góc tường là tất cả gia sản còn sót lại : hai va ly nhỏ chắc đựng quần áo, mấy cái chăn xếp chồng lên nhau, đồng sách vở chừng hơn chục quyển còn lại của Sơn, cái bếp nấu dầu hôi, vài đôi giày, chiếc ô, Bình thủy, và dăm ba thứ vật khác. Tôi ngồi ở mép chiếu, đặt một tay lên đồng chăn mùng, im lặng ngắm ba tôi và nhận thấy dường như ông già thêm lên nhiều so với lần tôi về phép trước, những nếp nhăn trên trán và dưới mắt đã hằn rõ hơn. Mẹ tôi cũng vậy, mái tóc bà vốn đã bạc nhiều, bây giờ như trắng hơn, đôi mắt bà ươn ướt và bà đang nắm chặt lấy một bàn tay của Nguyệt. Tôi thấy những bàn tay run run.

— ... có phải không anh Bảo ?

— Cô nói gì, anh không nghe.

— Thế này là mừng rồi. Miễn sao cậu mợ vẫn mạnh khỏe, em Sơn vẫn mạnh khỏe, còn nhà cửa thì người ta sao mình vậy, rồi lại gây dựng sau, lo gì, mợ đừng buồn rồi lại ốm thì khổ.

Mẹ tôi buông tay Nguyệt để nắm lấy tay tôi. Những ngón tay bà nhăn nheo, run run ghì chặt, thoáng chốc tôi thấy hiện ra trong cõi sâu thẳm nào của ký ức, hình ảnh bàn tay trẻ trung của mẹ tôi thời hai mươi năm trước dắt tôi lên tàu điện, và cũng bàn tay ấy với năm ngón dài thon chỉ cho tôi xem từng bảng hiệu, từng gian hàng lộng lẫy của phố phường Hà nội. Chiếc tàu điện chạy thoáng qua thật nhanh trong trí nhớ, khuất vào sương mù xám. Những năm tháng trôi đi, bây giờ mẹ tôi ngồi đây, bàn tay già nua nhăn nheo đang run run xúc động vì cơn tai biến, vì đưa con trai trở về.

— Con ở ngoài ấy dạo này có cực nhọc lắm không con ?

— Cũng thường thôi mợ ạ, con vừa hành quân về mấy ngày, tụi con thắng lớn.

— Cần thận nhé, ở nhà mấy hôm chạy loạn cậu mợ cứ lo cho anh không biết ngoài chỗ anh có đánh nhau nhiều không.

— Dạ không nhiều bằng Saigon đâu.

Tôi nhận thêm một tách nước trà từ tay ba tôi vừa kịp nhìn thấy Sơn từ ngoài bước vào cổng. Chắc Sơn cũng nhận ra tôi vì tôi thấy nó bước nhanh hơn tới gần. Sơn cao lớn so với tuổi mười sáu và có vẻ rắn rỏi mà tôi ưa thích. Nụ cười nở rất tươi trên môi khi Sơn gọi :

— Anh Bảo ! Anh về bao giờ thế ?

Rồi có lẽ Sơn kịp nhớ ra hoàn cảnh hiện tại, trong đôi mắt to đen như mắt con gái của nó thoáng hiện một chút thay đổi, như một niềm vui nhỏ bị dập tắt ngấm và nỗi buồn phảng phất hiện lên khi nó nhìn chung quanh. Tôi theo dõi tầm mắt Sơn, những tấm chiếu trải ngang dọc, trên mỗi tấm là một gia đình với chút gia sản còn lại của họ giống như gia đình tôi — những người mẹ ngồi cho con bú, mấy đứa trẻ chạy tung tăng, vài cụ già, già hơn cả ba chúng tôi, ngồi đọc báo hay hút thuốc lảo. Tiếng ồn ào không phút nào dứt. Tôi kéo Sơn đứng dậy khi một trong những cụ già đó vừa đến ngồi cạnh ba tôi, mở chiếc hộp giấy lấy ra bàn cờ tướng và bắt đầu xếp quân. Trên đôi môi già nua khô héo tôi thấy một nụ cười, những nụ cười ở đây đều phảng phất giống nhau vì vẻ nhẩn nhai xót xa đặc biệt của những người đã mệt mỏi và cam chịu từng tai biến cuối cùng giáng xuống quần đời còn lại của họ. Sơn nói với tôi như giảng giải :

— Ông cụ Phán đấy anh. Hôm nào ăn cơm xong cụ ấy cũng “sang nhà mình” rủ cậu đánh cờ.

Tôi mỉm cười vì chữ Sơn dùng nhưng tôi muốn dấu không cho Sơn thấy nét chua chát mà tôi chắc chắn đã hiện lên cùng nụ cười của mình. Dậy cho tuổi mười sáu của Sơn biết sự chua chát, là một điều vô lý theo tôi nghĩ.

— Em chạy được đủ sách vở cho năm học này không ?

— Thiếu mất vài quyển anh ạ. Nhưng tụi em được lên lớp khỏi phải thi nốt đệ nhị lục cá nguyệt.

— Thế bao giờ em đi học lại ?

— Học gì nữa anh, tụi em nghĩ hè luôn rồi.

— Năm nay em mười sáu phải không ?

Sơn gật đầu vâng tôi nghĩ còn vài tháng nữa cậu em út của tôi sắp lên một tuổi nghĩa là tròn tuổi lính. Bỗng nhiên trong trí nhớ tôi thoáng hiện gương mặt non nớt của những tên địch mà tôi đã gặp nhân cuộc hành quân vừa rồi, những cậu bé chưa bằng tuổi Sơn đã cầm súng giết hăng say man rợ hơn cả người đi lính mấy chục năm. Trong sổ tù binh có một tên đã bị thương cụt hai ngón tay, khi thăm vấn hẳn không chịu trả lời bất cứ câu hỏi nào. Nhưng bất ngờ chuẩn úy Thắng hỏi mẹ hẳn có biết hẳn vào Nam không, hẳn bỗng ngừng đầu quắc mắt nhìn chúng tôi, và một lúc sau hẳn lại gục đầu xuống, tôi thấy kịp đôi mắt đỏ ngầu ướt nước. Thắng lắc đầu với tôi tỏ ý không hiểu tại sao một câu hỏi vu vơ như vậy lại làm hẳn xúc động.

Khi đứng dậy, gương mặt non nớt và đôi mắt đỏ ngầu của tên địch vẫn phảng phất trước mặt tôi. Tôi không thể cấm mình nghĩ đến những người mẹ ở bên

kia vĩ-tuyển, có lẽ đã khóc nhiều khi nhìn lũ con trai vừa lớn lên dần thân đi mà chẳng bao giờ trở về. Nước mắt những bà mẹ, dù ở đâu, dù ở phương trời nào cũng đều mặn mà tha thiết khi gởi tới đứa con xa nhà đang sống trong lửa đạn. Và cũng giòng nước mắt đó một ngày nào tưới trên xác đứa con mà chiến tranh trả về..... Ở bên kia vĩ tuyển, các bà mẹ chắc chẳng bao giờ được hưởng chút hạnh phúc cuối cùng ấy, thứ hạnh phúc cay đắng được nhỏ nước mắt trên xác con trai..... Tôi nghĩ miên man và cảm thấy bắt đầu có những ý tưởng đen tối lớn vờn trong đầu óc như từng vòng tròn đen quay tít, lan rộng ra mãi. Tiếng nói của Sơn kéo tôi ra khỏi khối vòng tròn ấy :

— Anh bảo, anh đợi em lấy cho anh xem cái này.

Và vật Sơn đưa tôi làm tôi thật cảm động. Đó là tập bìa cứng ghép những bản thảo cũ của tôi cùng một số bài báo cắt giữ từ mấy năm nay.

— Đồ đạc của anh, em chỉ kịp chạy được cái này.

Tôi mở những tờ giấy đầy kỷ niệm, những bài thơ tình đầu tiên, cái truyện ngắn đăng báo hàng ngày cách đây gần năm năm, một vài lá thư của Châu còn ghép chung trong đó, tất cả gọi tôi nhớ về bao nhiêu ngày tháng cũ của tuổi hai mươi qua đi như trong cơn mưa lũ nào chưa quên. Tôi đọc vài giòng trong lá thư mùa Xuân năm trước của Châu, tưởng tượng thấy khuôn mặt đáng dấp nàng, và nhớ nàng thiết tha.

— Thư của Châu phải không anh ?

Tôi quay lại và dấu lá thư vào giữa hai tờ giấy. Nguyệt đứng sau lưng, đang nhón gót nhìn ghé qua vai tôi. Tôi đáp :

— Đâu có.

— Thôi mà, em mà anh còn dẫu. Hôm nọ em gặp Châu...

Nguyệt ngừng lại và tôi đoán câu nói đầy đủ của Nguyệt là « hôm nọ em gặp Châu đi với chồng ». Hồi xưa Châu học cùng lớp với Nguyệt, chính Nguyệt đã giới-thiệu tôi cùng Châu. Nguyệt đang nhìn tôi một cách bí-mật :

— Em hỏi thật anh còn nhớ Châu không ? Em biết Châu vẫn chưa quên anh đâu.

— Em đừng hỏi anh điều ấy lúc này.

Tôi trở lại ngồi bên mẹ tôi và hỏi những chuyện về họ-hàng thân thích. Có một lúc mẹ tôi nói :

— Anh nên đến thăm cô Ngọc. Hôm qua cô ấy đưa cả mẹ đến đây thăm cậu mợ. Bên ấy họ vẫn tử tế với nhà mình lắm.

Tôi đáp « vâng » hờ hững rồi im lặng. Chữ « vâng » mà mẹ tôi vừa dùng làm tôi thấy khó chịu, mặc dù mẹ tôi vô tình khi nói. Lúc bình thường, nhà tôi không giàu không nghèo nhưng so ra thua kém gia-đình Ngọc nhiều. Bây giờ, với tai biến vừa giáng xuống, tôi cảm thấy rõ ràng hố sâu giữa mực sống hai gia-đình đã đào thêm không ít. Ngọc cũng như những người thân của nàng có lẽ không đặt chuyện ấy thành vấn - đề, nhất là Ngọc, vì tôi hiểu nàng yêu tôi và chắc hẳn nàng sẵn sàng hy-sinh mọi thứ nếu cần để chúng tôi được sống bên nhau. Nhưng hơn lúc nào hết, tôi linh-cảm rằng mọi việc sẽ chẳng dễ dàng như vậy. Mẹ Ngọc đã bàn tính với mẹ tôi đề cuối năm nay làm lễ đính - hôn cho tôi và Ngọc — về chuyện này chính tôi chưa có quyết định nào dứt khoát. Và ngay lúc này, ngồi cạnh mẹ tôi, nhắc đến Ngọc, tôi đang lơ mơ cảm thấy sắp có

những xoay chuyển, những thay đổi nào đó biến thành cơn mưa lũ cuốn chúng tôi vào. Viễn ảnh ấy không làm tôi lo lắng, nhưng khiến tôi buồn mênh mang. Tôi chống một tay trên chiếu nhìn xuống bàn cờ, những quân cờ đang vây hãm nhau. Mồ hôi rịn ướt hai bên thái-dương, tôi nhớ những lần về phép trước, vào đến nhà quảng hành-lý rồi vào thẳng buồng tắm. Lần này, tất cả đã thay đổi. Buổi trưa gay gắt ngoài kia và đầu óc tôi nóng bừng, bỗng không khi nhìn những quân cờ di-chuyển. Tôi nghe thoáng tiếng Nguyệt nói với mẹ chìm lẫn trong tiếng ồn-ào chung quanh:

— Trời oi lả lăm, con chắc chiều nay mưa to.

oOo

Và buổi chiều đến với cơn mưa to đúng như lời Nguyệt đoán. Mưa suốt từ bốn giờ cho tới gần sáu giờ và bầu trời sau khi ngớt mưa biến từ màu xám sẫm sang màu sữa đục trùm lấp thành phố buồn bã. Khi Nguyệt đi làm hồi trưa, tôi đạp nhờ xe Vélo của Nguyệt để đến nhà anh Thịnh. Nguyệt đã nhờ tôi thuyết phục hộ ba mẹ chịu dời lại ở tạm nhà bố mẹ chồng Nguyệt, nhưng ba tôi vẫn một hai gạt đi. Tôi đoán giữa hai nhà mới có điều gì xích mích mà em gái tôi muốn dấu. « Anh cứ để mặc cậu mợ ở tạm đây mấy ngày đã sao, đằng nào thì bác Trương bác ấy cũng sắp thuê hộ cho căn nhà đằng Phú Nhuận » — ba tôi cười và nói với tôi như vậy, nụ cười vẫn nhẫn nhịn và gượng gạo. Mẹ tôi dặn :

— Anh tìm nhà anh em bạn nào quen nghỉ nhờ đỡ đêm nay, nhớ có tiện thì tạt luôn qua thăm chú Nho, chú ấy vẫn hỏi anh đấy.

Giọng nói bình thản và dịu dàng của mẹ tôi như để che lấp một nỗi buồn mênh mang đằng sau, hai bàn tay nhăn nheo lại nắm lấy tay tôi run run và tôi cúi đầu nhìn những đường gân xanh nổi hẳn trên nếp da già nua ấy. Bao nhiêu ý-nghĩ ngồn ngang trong đầu óc khi tôi ra khỏi khu tạm cư để tới nhà Thịnh. Thịnh là bạn thân của tôi, hẳn đang làm phóng viên cho một tờ nhật báo.

Cơn mưa tới giữa lúc tôi và Thịnh vừa trở dậy sau giấc trưa. Thật ra chúng tôi không ngủ phút nào, Thịnh hỏi tôi về đời sống hiện tại và tôi đáp không có gì lạ ngoài việc nhà vừa bị cháy. Thịnh hỏi :

— Thế còn cuộc sống tình cảm ?

— Làm gì có cuộc sống tình cảm, tao lẫn lộn hết giữa tình cảm và vật chất, giữa thực tế và mơ mộng.

Thịnh bĩu môi :

— Thôi đi mày, tao chơi với mày hơn mười năm nay, tao hiểu mày quá mà. Mày là thằng lãng mạn số một. Mày đừng tưởng chiến tranh có thay đổi được con người của mày. Tao nhớ dạo trước mày cứ dẫu mãi chuyện mày với con Châu làm như không có gì, rồi đến lúc nó đi lấy chồng thì lại bỏ cả học hành, bày đặt viết văn làm thơ than thở suốt ngày...

Nhưng rồi bầu trời cũng sáng dần và cơn mưa dứt hạt, Thịnh ngồi dậy mặc quần áo để lên tòa báo làm việc, còn tôi mượn xe hẳn chạy tới nhà Ngọc, căn nhà ba tầng đồ sộ ở phía gần bến Chương-Dương. Trên đường đi tôi nghĩ nhiều về Ngọc nhưng những ý tưởng không kết hợp được với nhau theo một chiều nhất định. Và khi Ngọc

chạy ra mở cửa cho tôi thì ý nghĩ của tôi là Ngọc vừa uốn lại tóc theo một kiểu mới hơi cầu kỳ mà tôi không mấy ưa, tôi thích nàng để tóc dài xõa hoặc cắt ngắn dần đi hơn.

Ngọc vẫn cầm quyển sách đọc dở trên tay khi nàng choàng hai cánh tay trần qua cổ tôi im lặng, không reo gọi tên tôi hay nói câu gì khác, và mùi thơm lảng lẽ từ mái tóc nàng kề sát má tôi làm tôi bối rối. Rồi Ngọc lùi lại, chúng tôi cách nhau một khoảng vừa tầm tay, quyển sách bìa cứng ép sát vào lưng tôi, Ngọc nói như thăm thì:

— Em nhớ anh quá chừng, anh biết không, lâu quá sao anh không về thăm em?

Tôi không đáp, những ngôn-ngữ tình yêu vô nghĩa, và sự nũng-nàn của Ngọc đôi khi làm tôi thấy như bị ngợp; Ngọc không nói nhiều, cũng không bắt tôi phải nói nhiều, và tôi có thể thấy rõ ràng rằng nàng luôn luôn tìm cách kéo dài những giờ phút chúng tôi ở bên nhau, điều ấy khiến tôi cảm động.

Ngọc dẫn tay tôi đi qua khoảng sân rộng có từng vũng nước mưa đọng trên nền xi-măng bên mấy chậu cảnh và cây đu nhỏ. Ngồi trong phòng khách, tôi nghe thấy tiếng dương-cầm thánh thót từ trên lầu vọng xuống, một điệu valse của Brahms, những nốt nhạc không mấy điêu-luyện của Thu, em gái Ngọc. Tôi nhớ ra rằng Ngọc đã tốt-nghệp ở trường âm-nhạc về dương-cầm, và hồi mới quen nhau nàng đã làm tôi ngạc nhiên với một bản Luân-vũ mà tôi vẫn say mê. Ngọc có dáng ngồi rất đẹp khi dạo đàn, những lúc ấy tôi thấy nàng toàn vẹn như một khối pha lê dễ thương và giữa tôi với nàng bỗng

có một khoảng cách lạ lùng khiến tôi chán nản.

— Anh được nghỉ phép mấy ngày?

— Làm gì có nghỉ phép lúc này. Anh về công tác, có lẽ trưa mai anh đi.

Khuôn mặt bầu bình của Ngọc siu xuống với nét phụng phịu trẻ thơ pha lẫn với dáng buồn bã thật đáng yêu. Chúng tôi ngồi cạnh nhau trên chiếc sofa màu xanh như màu áo Ngọc đang mặc, và bên ngoài buổi chiều xuống thấp âm u những đám mây xám của cơn mưa còn sót lại. Ngọc châm cho tôi một điếu thuốc và tôi nhìn những ngón tay nàng xinh xắn, nàng để bàn tay im lặng trong tay tôi. Chỉ vài tiếng đồng hồ nữa thôi, nhiều lắm là một buổi sáng và một buổi chiều qua đi, tôi lại rời xa cuộc sống êm ả nơi đây, rời xa người thiếu nữ dễ thương này, và thay vào bàn tay nhỏ bé của nàng, lại là cây súng quen thuộc, hay một trái lựu đạn mở chốt ném đi, hay những viên đạn đồng xinh xinh vàng bóng. Và lại những buổi chiều tỉnh nhỏ hiu quạnh nong nặc mùi chiến tranh, ly cà phê uống vội, đoàn quân xa phóng qua trong bụi mù, rồi từng phiên gác nối nhau đến sáng. Và đời sống khô khan máy móc lại trở về, không đặt vấn đề, không suy nghĩ, không phản kháng. Và anh sẽ nhớ về em âm thầm như nhớ về một vùng trú-àn. Chỉ có thể thôi.

Ngọc hỏi thăm gia đình tôi đã kiếm được căn nhà nào thuê tạm để ở chưa. Câu hỏi của nàng nhắc tôi nhớ lại ý nghĩ lúc ban sáng, và tôi bỗng bực bội một cách vô cớ. Ngọc nói:

— Mẹ em đã mời hai bác lên ở chung đây cho vui mà hai bác không chịu.

Trong giọng nói của Ngọc phảng

phất một vẻ gì gương gạo như một lời đưa đầy, lúc này tôi cảm thấy Ngọc khéo léo giống mẹ nàng, điều đó làm tôi khó chịu. Đời sống có những giới hạn mà tình yêu không thể vượt qua, vì thế sự giả dối rình rập tình yêu như rình rập một con mồi tội nghiệp.

— Em có nhờ chị Nguyệt...

— Thôi em đừng nhắc đến chuyện đó nữa.

— Sao thế anh ?

Ngọc có vẻ ngạc nhiên vì giọng tôi đầy bức bối. Nàng ngồi thẳng lại để nhìn tôi, đôi mắt to đen long lanh trong bóng chiều sẫm dần qua khung cửa sổ, và vẻ lo lắng thơ ngây của nàng khiến tôi thấy ân hận. Tâm hồn tôi trở lại dịu dàng hơn, tôi bắt đầu nhận thấy phiền trách Ngọc là điều vô lý.

— Anh giận em ư ? Em có nói gì đâu.

— Không, anh giận Ngọc bao giờ.

Bóng chiều mỗi phút một sẫm hơn trong đôi mắt Ngọc, và khi nàng định đứng lên vặn đèn thì tôi giữ tay nàng lại :

— Thôi em để anh về. Đến giờ giới nghiêm rồi.

Chúng tôi ngồi bên nhau thêm vài phút. Phòng khách mờ mờ tối, đèn ở nhà trong vừa bật sáng. Tôi kéo Ngọc lại gần hơn và hôn phớt lên môi nàng, Ngọc rùng mình nhẹ, nhắm mắt rồi lại mở ra đắm đắm nhìn tôi.

Khoảng sân trước ngập trong bóng chiều sẫm, những chậu hoa nằm lặng lẽ và con đường ngoài kia thừa thốt người qua lại. Tôi ngó ra phía sông, nghe tiếng Ngọc hỏi :

— Bao giờ anh mới lại về thăm ?

— Anh không biết nữa, tình trạng này... Nếu anh có về thì là những dịp bất ngờ không thể hẹn trước. Thôi em vào nhà đi.

Tôi để tay trên vai Ngọc, phân vân không biết có nên ôm hôn nàng hay không vì sợ những người trong nhà hay trên gác nhìn xuống. Sau cùng tôi mỉm cười với nàng và quay ra cổng. Nhưng Ngọc gọi tôi nho nhỏ và trong tiếng gọi của nàng có một vẻ gì là lạ :

— Anh bảo !

— Gì em ?

Nàng đứng sát vào tôi và hơi mím môi trước khi nói, giọng lạc đi như một tiếng thì thầm từ xa xôi :

— Anh vẫn yêu em chứ ?

Trong nhiều giây tôi không hiểu nổi Ngọc muốn nói gì, nhưng tôi lơ mờ cảm thấy nàng đang nghi ngờ về những ý nghĩ của tôi. Tôi nắm lấy bàn tay xinh xắn và nhìn thẳng vào mắt nàng :

— Ngọc đừng hỏi anh như vậy nữa nghe không. Ngọc phải hiểu là bao giờ anh cũng yêu Ngọc cả, không có gì ngăn cách chúng mình được.

Và trong khi nói tôi hơi ngượng với chính mình, tôi vừa nói dối Ngọc một cách rất sáo, tại sao tôi lại nói như thế nhỉ ? Khi cánh cổng đã khép lại sau lưng và xe đã nổ máy, tôi vẫn băn khoăn với ý tưởng đó. Phải rồi anh yêu Ngọc, Ngọc quá xứng đáng để anh yêu, để anh say mê, nhưng có thật là không gì ngăn cách nổi chúng mình như anh đã nói ? Anh tin Ngọc đủ thông-minh để hiểu rằng biết bao nhiêu thứ vô hình đang đe dọa tình yêu như một tấm lưới quái ác, những giới hạn mà anh không muốn gương gạo vượt qua, anh muốn

chúng ta phải chiến thắng nó thay vì giả đồ như không có nó. Cuộc chiến-tranh tàn này; đời sống mong manh, cái chết, sự cách biệt giữa gia-đình anh và em, những nghi ngờ chán nản ám ảnh tâm hồn anh từng giờ phút và đôi lúc biến anh thành kẻ điên cuồng..., biết bao nhiêu rình rập em thấy không? Có lẽ chẳng bao giờ chúng ta chiến thắng tất cả những rình rập đó, trong cuộc phiêu lưu này anh và em bị ném lên một con tàu vô định. Anh vẫn yêu em chứ, anh vẫn yêu em chứ? Làm sao anh quên được câu nói của em Ngọc ơi. Giờ giới nghiêm bắt đầu và cơn mưa sót lại buổi chiều đang đánh rơi những hạt nước rất buồn trên con đường ra vùng ngoại ô.

oOo

Buổi sáng trở dậy tôi thấy khoan khoái, những buồn bực tiêu tan trong hồn. Khu nhà Thịnh ở không mấy đông đúc và tiếng xe cộ ít ồn ào, có lẽ vì giờ giới nghiêm vừa chấm dứt. Đêm qua Thịnh thức đến hai giờ sáng để đọc tôi nghe bản thảo phần đầu của cuốn tiểu thuyết hắn đang viết dở. Không khí chiến tranh nồng nặc trong mỗi trang giấy.

Buổi sáng chúng tôi lại nói chuyện rất vui về gia đình cô bé Thịnh đang theo đuổi. Sau đó hắn rủ tôi đi ăn sáng. Hai đứa ngồi chung yên chiếc Honda, và Thịnh nhắc lại thời đi học hắn đã đèo tôi bằng xe đạp cộc cạch suốt từ trường Chu Văn An về tới căn nhà đạo đó ở Thị Nghè.

Tiệm ăn khá đông người. Chúng tôi ăn mỗi đứa hai đĩa bánh cuốn nóng rồi gọi cà phê. Đúng lúc đó tôi thấy Châu đi với chồng từ ngoài vào, ngồi ngay bàn bên cạnh. Châu cũng nhận ra tôi

ngay sau đó và nàng bối rối cúi nhìn xuống đất, tôi thấy mắt nàng chớp rất nhanh. Nhưng nàng lại ngẩng lên và đăm đăm ngó tôi qua vai chồng. Tôi bỗng nhói đau cánh tay bên trái vì Thịnh vừa bấm mạnh, có lẽ hắn tưởng tôi chưa thấy Châu.

Đôi mắt Châu đen lánh, sâu thẳm và buồn day dứt khiến tôi rùng mình, Châu nhìn tôi như trách móc, đến lượt tôi quay đi tránh mắt nàng. Tôi nâng ly cà phê, nói với Thịnh :

— Mày gọi tính tiền đi chứ !

Thịnh im lặng, chính hắn cũng có vẻ bối rối. Tôi châm một điếu thuốc lá, cảm thấy nóng bên tai và biết Châu vẫn nhìn mình. Tôi nhớ lại một buổi chiều bốn năm trước, khi gặp Châu lần đầu tiên đang ngồi trong phòng khách nói chuyện với Nguyệt, Châu đã len lén ngược lên nhìn tôi, bắt gặp đôi mắt tôi và e thẹn cúi xuống. Chút kỷ niệm không đâu ấy bỗng dưng buồn mênh mang. Đã quá lâu tôi mới gặp lại Châu, vẫn dáng dấp cũ, vẫn những nét đẹp không phai, nhưng tia mắt ngượng ngùng xưa đã thay bằng cái nhìn đầy hờn trách, đầy tiếc nuối. Lá thư cũ của Châu, hôm qua anh còn đọc lại, những giọng chữ nghiêng âu yếm còn làm anh xao xuyến, vậy mà đã mấy năm trôi đi, đã biết bao nhiêu thay đổi, Nguyệt lấy chồng có đứa con đầu lòng vừa đầy năm, Châu cũng lấy chồng, và anh đang là lính, đang chiến đấu trong cơn mưa lũ quay cuồng những sống và chết. Căn nhà hồi trước Châu đến thăm anh bây giờ đã thành đồng gạch vụn cháy khét cũng như giàn hoa tím trước cổng, nơi lần đầu tiên anh nói anh yêu Châu... tất cả đã lui về một vùng bóng tối dĩ vãng. Có lẽ không chỉ mình anh, có lẽ bằng ấy đứa chúng

mình đều quay cuồng trong một cơn mưa lũ vô định và vô tận, cơn mưa lũ đập nát tuổi trẻ thành từng mảnh vụn không còn ý nghĩa. Anh muốn vài chục năm nữa qua đi, anh sẽ cố sống để gặp lại Châu, với tuổi già chúng mình sẽ đầy đủ bình tĩnh ngồi ôn lại từng chút kỷ niệm rồi, và Châu sẽ hiểu cái gì đã chia rẽ chúng ta một ngày còn trẻ. Anh muốn chúng ta sẽ nhìn lại cuộc đời đã qua bằng đôi mắt thật bao dung thay vì cái nhìn hờn trách Châu đang gửi đến anh bây giờ.

Khi tôi và Thịnh bước ngang mặt Châu đề ra ngoài, tôi còn thoáng thấy Châu ngược nhìn lên một giây, đôi mắt Châu sao mà buồn. Tôi chia tay Thịnh trước cổng trại tiếp cư, chúng tôi bắt tay nhau rất lâu. Tôi hứa nếu có dịp sẽ về thăm và Thịnh chúc tôi may mắn.

Tôi ngồi ăn bữa cơm trưa đạm bạc với gia đình, ba tôi, mẹ tôi, Sơn và vợ chồng Nguyệt. Ồ bánh mì, hộp cá, đĩa đậu rán, bát canh rau đay và những quả cà muối. Chung quanh chúng tôi, những gia đình khác cũng đang quây quần ăn cơm. Tôi nhìn họ, rồi nhìn khuôn mặt từng người thân trước mặt, và tôi xúc động mạnh. Có lúc tôi định nói với Nguyệt về chuyện gặp Châu ban sáng

nhưng lại thôi. Sau bữa ăn, tôi chỉ kịp uống với ba tôi tách nước trà đậm và nhận những lời dặn dò khuyên nhủ của mẹ tôi y như ngày tôi mới từ biệt đề ra đi lần đầu tiên. Có một câu mẹ tôi nói làm tôi cảm động hơn cả mà chẳng hiểu vì sao :

— Anh đừng lo gì cho nhà mình, mọi chắc những tai nạn đến đây là hết rồi.

oOo

Khi máy bay rời khỏi mặt đất, tôi nhìn qua cửa kính, những căn nhà, những khu phố nhỏ xíu phía dưới. Như bao nhiêu lần trước, tôi nhớ lại một chuyến đi từ mười mấy năm qua, năm tôi mới hơn mười tuổi, chiếc phi cơ cất cánh từ phi trường Gia Lâm, trong đó có cả gia đình tôi. Và Hà-Nội bé nhỏ khuất mờ dần bên dưới.

Tôi ngã đầu ra đằng sau, nhắm mắt cố dỗ một giấc ngủ. Lát nữa đây những núi đồi sẽ hiện ra qua cửa kính này và máy bay sẽ đáp xuống, trả tôi về với cơn mưa lũ tĩnh nhỏ nồng mùi lửa đạn.

Trong cơn mơ ngắn ngủi, tôi thấy mình trở lại bé bỏng giữa một mùa xuân quê hương, buổi sáng nằm ngủ quên trên xác pháo.

ĐÀO-TRƯỜNG-PHÚC

Viện Đại-học Dalat đã xuất bản :

**SÁCH SỔ SANG
CHÉP CÁC VIỆC**
của

PHI LI-PHÊ BÌNH

THANH-LĂNG giới thiệu

* Các thân hữu của tạp chí Bách-khoa mua tại tòa-soạn (160 Phan-đình-Phùng Saigon) sẽ được hưởng giá đặc biệt.